

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

## BẢN CÁO BẠCH



### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được sửa đổi bởi Quyết định số 1949/QĐ-QLGS5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/8/2025, Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6, năm 2026)

Bản cáo bạch này và các Phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm 2026 tại:

#### 1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (Vietbank)**

Địa chỉ : 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ  
Điện thoại : (0299) 362 1454  
Fax : (0299) 362 1858  
Website : [www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)

#### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS**

Địa chỉ : Tầng 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 1900 255 809  
Website : <https://www.bisc.vn>

#### Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Bà Trần Thị Ngọc Lý  
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc  
Số điện thoại : (0299) 362 1454

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

*(Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Vietbank, Giấy phép số 55/GP-NHNN ngày 10/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kinh doanh, mua bán vàng miếng, Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5 ngày 24/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 1949/QĐ-QLGS5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/8/2025 về việc sửa đổi nội dung về địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 05/QĐ-QLGS5 ngày 03/02/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU****TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Việt Nam Thương Tín

**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Mã cổ phiếu:** VBB

**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:** 1.076.897.384 cổ phiếu

**Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:** 10.768.973.840.000 đồng

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:****CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

**Địa chỉ trụ sở:** Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2 Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

**Số điện thoại:** (84-28) 3824 5252

**Số Fax:** (84028) 3824 5250

**Website:** <https://www.ey.com/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS**

**Địa chỉ trụ sở:** Tầng 2, 62A Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

**Số điện thoại:** 1900 255 809

**Website:** <https://www.bisc.vn/vi>

## MỤC LỤC

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>8</b>
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	8
2. Tổ chức tư vấn	8
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b>	<b>9</b>
1. Rủi ro về kinh tế	9
2. Rủi ro về luật pháp	12
3. Rủi ro đặc thù	13
4. Rủi ro quản trị công ty	19
5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu	20
6. Rủi ro khác	20
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b>	<b>22</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT</b>	<b>25</b>
1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	25
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	27
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	32
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	44
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	70
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	72
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại các doanh nghiệp khác	85
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	85
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	87
10. Hoạt động kinh doanh	87
11. Chính sách đối với người lao động	147
12. Chính sách cổ tức (nếu các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức, tỷ lệ cổ tức trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)	149
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	149
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Vietbank và việc niêm yết cổ phiếu	151
15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	153

16. Thông tin về việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.....	153
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>	<b>154</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	154
2. Tình hình tài chính .....	162
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	181
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức .....	182
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG .....</b>	<b>185</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập .....	185
2. Thông tin về cổ đông lớn .....	185
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng .....	185
<b>VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....</b>	<b>211</b>
1. Loại cổ phiếu.....	211
2. Mệnh giá.....	211
3. Mã cổ phiếu.....	211
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết.....	211
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	211
6. Phương pháp tính giá .....	212
7. Các loại thuế có liên quan .....	215
<b>VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....</b>	<b>218</b>
1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán .....	218
2. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán.....	218
3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán .....	218
<b>IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>219</b>
<b>X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN .....</b>	<b>220</b>
<b>XI. PHỤ LỤC .....</b>	<b>222</b>

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1: Danh sách mạng lưới hoạt động của Vietbank .....	32
Bảng 2: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Vietbank .....	73
Bảng 3: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Vietbank tại ngày 29/04/2026 .....	85
Bảng 4: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại Vietbank .....	85
Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất) .....	88
Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ) .....	89
Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất) .....	90
Bảng 8: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ) .....	90
Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của Vietbank (hợp nhất) .....	92
Bảng 10: Cơ cấu huy động vốn của Vietbank (riêng lẻ) .....	93
Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của Vietbank (Hợp nhất) .....	94
Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của Vietbank (riêng lẻ) .....	95
Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất) .....	96
Bảng 14: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ) .....	96
Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất) .....	97
Bảng 16: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ) .....	99
Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất) ..	102
Bảng 18: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ) ..	103
Bảng 19: Phân loại chất lượng tín dụng Vietbank .....	105
Bảng 20: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại Vietbank .....	106
Bảng 21: Tình hình trích lập dự phòng của VBB .....	107
Bảng 22: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất) .....	107
Bảng 23: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ) .....	108
Bảng 24: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại Vietbank (hợp nhất) .....	111
Bảng 25: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại Vietbank (riêng lẻ) .....	111
Bảng 26: Chi tiết Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành mà Vietbank đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025 (Hợp nhất) .....	113
Bảng 27: Chi tiết Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành mà Vietbank đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025 (Riêng lẻ) .....	114
Bảng 28: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất) .....	114
Bảng 29: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ) .....	115
Bảng 30: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất) .....	115
Bảng 31: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ) .....	116
Bảng 32: Tình hình sử dụng đất đai tại 31/12/2025 .....	117
Bảng 33: Tình hình lợi nhuận trước thuế theo khu vực địa lý (Hợp nhất) .....	129
Bảng 34: Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành tại 31/12/2025 .....	138
Bảng 35: Thị phần về vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ, dư nợ cho vay so với các ngân hàng trong ngành tại 31/12/2025 .....	140

Bảng 36: So sánh quy mô của Vietbank và một số ngân hàng khác.....	140
Bảng 37: Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh mà Vietbank đang và đã triển khai.....	141
Bảng 38: Số lượng, cơ cấu người lao động của Vietbank.....	147
Bảng 39: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây.....	149
Bảng 40: Mục đích sử dụng vốn của các trái phiếu đang lưu hành: .....	150
Bảng 41: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VBB.....	151
Bảng 42: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Vietbank – Hợp nhất.....	154
Bảng 43: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Vietbank – Riêng lẻ.....	154
Bảng 44: Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (hợp nhất) .....	156
Bảng 45: Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (riêng lẻ) .....	157
Bảng 46: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (hợp nhất) .....	158
Bảng 47: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (riêng lẻ) .....	158
Bảng 48: Cơ cấu chi phí hoạt động (hợp nhất) .....	159
Bảng 49: Cơ cấu chi phí hoạt động (riêng lẻ) .....	160
Bảng 50: Báo cáo về vốn điều lệ của Vietbank (hợp nhất).....	162
Bảng 51: Báo cáo về vốn điều lệ của Vietbank (riêng lẻ).....	163
Bảng 52: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Vietbank (hợp nhất).....	163
Bảng 53: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Vietbank (riêng lẻ) .....	164
Bảng 54: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Vietbank (hợp nhất) .....	164
Bảng 55: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Vietbank (riêng lẻ) .....	165
Bảng 56: Thu nhập bình quân của các ngân hàng khác trong 02 năm gần nhất .....	168
Bảng 57: Tình hình công nợ các khoản phải thu và phải trả – Hợp nhất.....	169
Bảng 58: Tình hình công nợ các khoản phải thu và phải trả – Riêng lẻ .....	169
Bảng 59: Chi tiết các khoản phải thu - Hợp nhất.....	171
Bảng 60: Chi tiết các khoản phải thu - Riêng lẻ .....	173
Bảng 61: Chi tiết các khoản nợ khác - Hợp nhất .....	175
Bảng 62: Chi tiết các khoản nợ khác - Riêng lẻ.....	175
Bảng 63: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất .....	176
Bảng 64: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ.....	176
Bảng 65: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất.....	177
Bảng 66: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ .....	177
Bảng 67: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất.....	178
Bảng 68: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ .....	179
Bảng 69: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026.....	182
Bảng 70: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Vietbank.....	185
Bảng 71: Danh sách thành viên Ban kiểm soát Vietbank .....	195
Bảng 72: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc Vietbank .....	200
Bảng 73: Danh sách cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.....	211

Bảng 74: Danh sách cổ đông là người nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Chứng khoán.....	212
Bảng 75: Giá trị P/B và P/E của một số Ngân hàng có quy mô tương đương với Vietbank .....	214

#### **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm.....	10
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm .....	12

#### **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	32
Hình 2: Cơ cấu quản trị của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	44
Hình 3: Tổng tài sản các NHTM niêm yết/đăng ký giao dịch tại 31/12/2025 .....	139
Hình 4: Quy mô Vốn chủ sở hữu và Vốn điều lệ các NHTM niêm yết/ đăng ký giao dịch tại 31/12/2025 .....	139

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ông Dương Nhất Nguyên

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Thanh Quý Ngọc

Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc.

Bà Nguyễn Thị Thúy Minh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn

**Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS**

Đại diện được ủy quyền: Ông Trần Đình Khánh

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 02/2026/UQ-BIS ngày 29 tháng 01 năm 2026 của người đại diện theo pháp luật)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 027-026/HĐMS-VB/HCQT/BIS (Hợp đồng tư vấn) với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được cung cấp bởi Vietbank, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín cung cấp.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm bảo đảm tính minh bạch, công khai cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư xem xét kỹ phần rủi ro trước khi đưa ra quyết định đầu tư, do các yếu tố rủi ro có thể tác động trực tiếp đến giá cổ phiếu của Vietbank.

Tương tự như các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, Vietbank phải đối mặt với nhiều loại rủi ro khác nhau, bao gồm các rủi ro cơ bản như rủi ro kinh tế, rủi ro pháp lý, ... Bên cạnh đó, với tư cách là một tổ chức tín dụng, Vietbank còn chịu các rủi ro đặc thù như rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản, rủi ro liên quan đến các cam kết ngoại bảng và các rủi ro cụ thể khác.

Do đó, Vietbank luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy trình phù hợp nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh và tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, tăng số lượng việc làm, tăng thu nhập bình quân đầu người, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Theo Cục Thống kê, kinh tế toàn cầu năm 2024 ước tính đạt mức tăng trưởng khoảng 3,2%, mức tăng trưởng chưa cao tuy nhiên đã tích cực hơn so với dự kiến đầu năm. Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến khó lường với các xung đột chính trị kéo dài giữa Nga - Ukraine, xung đột tại Trung Đông. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường; kinh tế chịu ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố địa chính trị và thời tiết; lạm phát cơ bản kéo dài đòi hỏi lập trường chính sách tiền tệ thắt chặt; các nền kinh tế tiếp tục đối phó với nợ gia tăng. Các yếu tố đầu vào quan trọng như giá dầu thô, tỷ giá USD, lãi suất USD tiếp tục duy trì ở mức cao.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, kinh tế năm 2024 của Việt Nam đạt được kết quả khá tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,09% so với năm trước. Theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%.

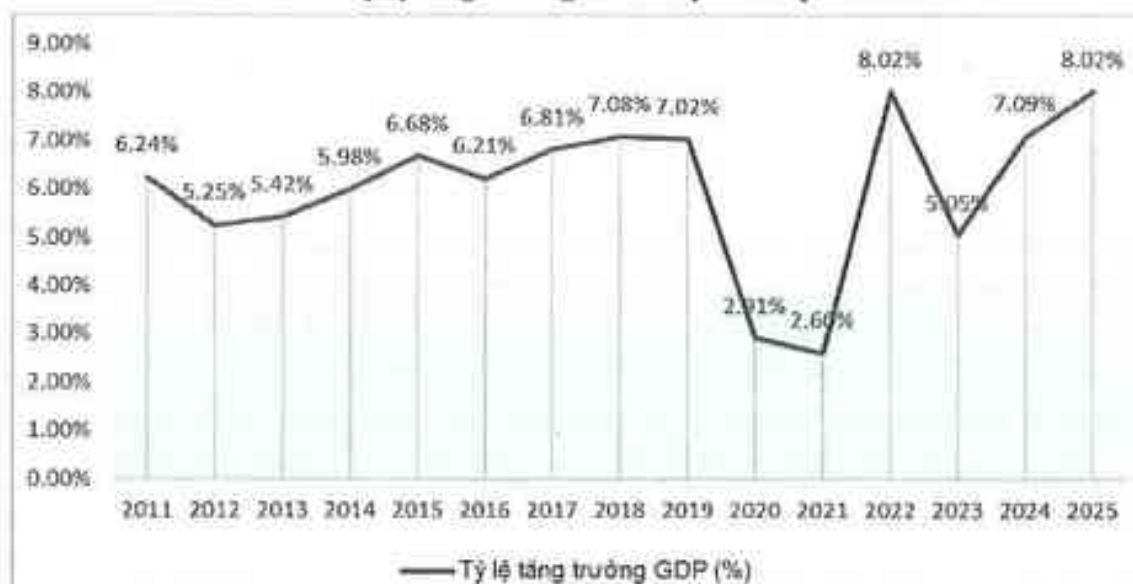
Kinh tế Việt Nam trong năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 trong giai đoạn 2011 - 2025. Trong đó, khu vực lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Trong năm 2025, nền kinh tế Việt Nam có một số điểm sáng đáng chú ý như khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì mức ổn định mặc dù chịu tác động bất lợi từ bão lũ và thiên tai; trong khu vực

công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến 2025 với mức tăng 8,80% so với năm trước; và các hoạt động thương mại, du lịch tăng cao, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 cao nhất từ trước đến nay, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Theo Cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,0%; nhập khẩu tăng 19,4%.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong năm 2025, vẫn tồn tại nhiều yếu tố bất ổn và rủi ro tiềm ẩn phát sinh từ các yếu tố nội tại của nền kinh tế cũng như từ những biến động địa chính trị và kinh tế toàn cầu, có thể ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế suy giảm, hoạt động của ngành ngân hàng nói chung và của Vietbank nói riêng có thể chịu tác động bất lợi thông qua nhiều kênh khác nhau. Cụ thể, khi hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp và thu nhập của cá nhân bị ảnh hưởng, nhu cầu vay vốn có thể sụt giảm, đồng thời khả năng trả nợ của khách hàng suy yếu, dẫn đến nguy cơ gia tăng tỷ lệ nợ xấu và yêu cầu trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Nhận thức đầy đủ các rủi ro mang yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, Vietbank luôn chủ động thực hiện các biện pháp để giữ vững nhịp tăng trưởng và phát triển của hệ thống ngân hàng như là đa dạng hóa danh mục sản phẩm dịch vụ tài chính từ đó gia tăng các nguồn doanh thu bên cạnh các nguồn cơ cấu doanh thu truyền thống, thực hiện phân tích ngành chuyên sâu để có chiến lược dịch chuyển sang các lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế khi các biến động thị trường có thể xảy ra, tăng cường công tác thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện cơ chế xếp hạng tín nhiệm và chấm điểm tín dụng nhằm đưa ra các cảnh báo rủi ro. Công tác điều hành chiến lược phát triển kinh doanh luôn được ngân hàng thực hiện song hành với quản trị rủi ro với các hệ thống giải pháp được thiết kế tối ưu giúp ngân hàng duy trì hoạt động ổn định và bền vững.

**Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm**



*Nguồn: Cục Thống kê*

## 1.2. *Rủi ro về lạm phát*

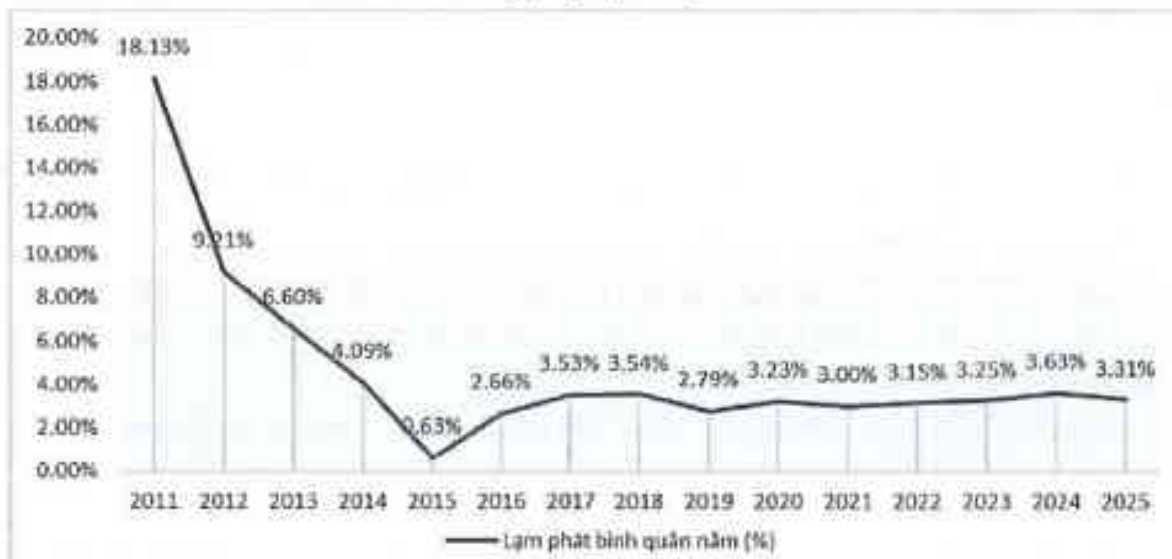
Lạm phát là yếu tố vĩ mô mà sự biến động của nó ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị đồng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Trong năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội thông qua cho năm 2024 ở mức từ 4%-4,5%. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Năm 2025, áp lực lạm phát đến từ một số yếu tố, cụ thể như xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, các thay đổi trong chính sách thuế quan của Mỹ, ... Theo Cục Thống kê, lạm phát của Việt Nam năm 2025 ước đạt 3,31%, đạt được mục tiêu mà Quốc hội thông qua. Các chỉ số giá ở hầu hết các nhóm hàng (ngoại trừ nhóm giao thông và nhóm thông tin và truyền thông) đều tăng như nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,08% (giá nhà ở thuê tăng, giá bán lẻ điện tăng), nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,27%, giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 13,07% (do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh), chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ, nhóm giáo dục....

Việc lạm phát vẫn nằm dưới mục tiêu Chính phủ cho thấy Việt Nam đang kiểm soát tốt lạm phát, qua đó bình ổn giá cả các hàng hóa, dịch vụ. Trong hoạt động kinh doanh thường xuyên của Ngân hàng cũng như chiến lược phát triển dài hạn, Vietbank luôn luôn chủ động điều hành lãi suất linh hoạt bám sát các cơ chế chính sách và chủ trương chung trong điều hành của Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ. Trong những năm gần đây, Vietbank đã và đang đẩy mạnh hoạt động kinh doanh số và dịch vụ ngân hàng đầu tư để cung cấp gói giải pháp tài chính tổng thể đến khách hàng, đa dạng hóa cơ cấu doanh thu, cân đối giữa doanh thu từ lãi và doanh thu ngoài lãi, đặc biệt trong bối cảnh diễn biến thị trường theo chiều hướng biến động.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Cục Thống kê

## 2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Vietbank là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở GDCK Hà Nội (UPCOM), hoạt động của Vietbank chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,... Giai đoạn vừa qua đã có nhiều văn bản pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung ban hành nhằm hoàn thiện khung pháp lý tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho cả doanh nghiệp trong nước và quốc tế khi tham gia đầu tư và hoạt động kinh doanh tại Việt nam, bao gồm Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán số 59/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Trí Tuệ nhân tạo 134/2025/QH15, Luật Phục hồi phá sản 142/2025/QH15....Song song với việc sửa đổi và ban hành hệ thống Luật là các văn bản Nghị định/Thông tư dưới luật cũng được các Bộ, Ban Ngành ban hành để hướng dẫn và quy định chi tiết các điều khoản của Luật nhằm tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, chặt chẽ, theo xu hướng thông lệ chung của quốc tế.

Để giảm thiểu rủi ro tiềm tàng từ hệ thống pháp luật, Vietbank luôn cập nhật và phổ biến các văn bản pháp luật mới nhất đến toàn thể các phòng ban và đơn vị kinh doanh trong hệ thống. Đồng thời Vietbank cũng xây dựng một hệ thống các văn bản nội bộ gồm các chính sách, quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn, thực hiện các chương trình đạo tạo nội bộ về pháp lý ... để các cá nhân và đơn vị kinh doanh, đơn vị quản trị vận hành... đều hiểu và thực thi đúng các quy định của pháp luật hiện hành; và Ban Pháp chế và Phòng Quản lý rủi ro vận hành – Khối Quản lý rủi ro là các đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định, kiểm tra về tính pháp lý và tính tuân thủ quy định nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và luôn được cập nhật theo những quy định mới của pháp luật.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh. Khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ dẫn đến khả năng không thu được nợ của Khách hàng, khiến cho tình hình kinh doanh của Ngân hàng sụt giảm và gặp rủi ro.

Hầu hết các khoản cấp của tín dụng của ngân hàng đều có tài sản bảo đảm và phần lớn tài sản bảo đảm là bất động sản. Mặc dù các khoản nợ nhóm 5 đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của NHNN, nhưng trong trường hợp thị trường bất động sản bị chậm thanh khoản thì có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ hoặc có thể làm kéo dài thời gian thu hồi so với thông thường.

Nhằm kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng, NHNN đã ban hành nhiều quy định liên quan đến quản trị rủi ro, an toàn vốn, phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro, trong đó bao gồm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung về tỷ lệ an toàn vốn đối với các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; cũng như Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Tại thời điểm cuối năm 2025, tỷ lệ nợ xấu của Vietbank theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN được kiểm soát ở mức 1,76%, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng kiểm soát 3% theo quy định của NHNN.

Về cơ bản, Vietbank đáp ứng đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn Basel II. Theo đó, Vietbank tổ chức mô hình quản lý rủi ro theo nguyên tắc **ba tuyến phòng thủ**, đảm bảo phân định rõ vai trò, trách nhiệm giữa các đơn vị kinh doanh, đơn vị quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ.

Bên cạnh đó, Vietbank đã xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng, thiết lập hệ thống hạn mức và giới hạn rủi ro theo từng nhóm khách hàng, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, sản phẩm tín dụng và loại hình tài sản bảo đảm. Vietbank thường xuyên theo dõi, giám sát việc tuân thủ các giới hạn đã thiết lập; thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định của NHNN. Ngoài ra, Vietbank cũng đã xây dựng và triển khai quy trình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng nhằm kịp thời nhận diện các khoản nợ có dấu hiệu suy giảm chất lượng, từ đó chủ động áp dụng các biện pháp quản lý, giám sát và xử lý phù hợp.

### 3.2. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất hay tỷ giá.

Để hạn chế các rủi ro thị trường, Vietbank đã ban hành các quy định nội bộ và thiết lập hệ thống hạn mức dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ, ban hành đầy đủ quy chế, quy định và thiết lập các hạn mức, ngưỡng cảnh báo rủi ro thị trường trên cơ sở tuân thủ quy định của NHNN.

Công tác đo lường, theo dõi, cảnh báo, giám sát được thực hiện định kỳ, bám sát diễn biến thị trường. Khi các giá trị rủi ro thị trường chạm ngưỡng cảnh báo trung bình và cao, Khối Quản lý rủi ro đã thực hiện các cảnh báo, đề xuất cần thiết tới Ban lãnh đạo Ngân hàng và các đơn vị có liên quan.

### 3.3. *Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng*

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh khi có sự chênh lệch nhau về kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có của Ngân hàng. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo biến động bất lợi của lãi suất sẽ dẫn đến thu nhập sụt giảm, giảm giá trị tài sản, tăng giá trị nợ phải trả và tăng giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng.

Tại Vietbank, việc quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được thực hiện thông qua phân tích chênh lệch giữa tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VND, USD,... Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được đo lường và theo dõi thông qua sự kết hợp giữa Khối Quản lý rủi ro, Khối Tài chính và các Khối Kinh doanh. Căn cứ vào việc theo dõi hàng ngày và nhận định diễn biến, xu hướng biến động lãi suất trên thị trường, các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) được tổ chức nhằm đưa ra các quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietbank đã áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất như sau:

- Áp dụng các công cụ quản lý rủi ro, bao gồm: Mô hình chênh lệch kỳ hạn tái điều chỉnh lãi suất (repricing gap); thay đổi thu nhập lãi thuần NII ( $\leq 12$  tháng) khi lãi suất biến động.
- Thực hiện tốt việc điều hành lãi suất cho toàn hệ thống, sử dụng tốt nhất các nguồn vốn huy động, xây dựng các mô hình, chỉ số quản lý rủi ro nhằm phát hiện và cảnh báo kịp thời những rủi ro lãi suất tiềm tàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo xuyên suốt và khoa học từ từng phòng ban tại Hội sở đến hệ thống các chi nhánh. Do vậy, mỗi biến động về lãi suất trên thị trường tài chính ngân hàng đều được Ngân hàng nắm bắt và xử lý kịp thời.
- Nghiên cứu thực hiện áp dụng các dịch vụ được cho phép theo quy định của pháp luật trong hoạt động lãi suất như: hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai về lãi suất. Đây là các

giải pháp giúp cho Ngân hàng ngăn ngừa được biến động về lãi suất cũng như bù đắp các rủi ro về lãi suất.

Các biện pháp hạn chế rủi ro vừa đề cập nêu trên chỉ nhằm mục đích hạn chế rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Vietbank, không đảm bảo việc rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng sẽ không phát sinh tại Vietbank.

### **3.4. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Vietbank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.

Vietbank đã và đang triển khai các chính sách quản lý rủi ro hoạt động gồm các hoạt động chính sau:

- i. Vietbank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đơn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- ii. Vietbank đã triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
  - Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố, sự kiện rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành trên toàn hệ thống;
  - Sử dụng kết quả của Kiểm toán nội bộ, kết hợp công tác giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất/kiến nghị các biện pháp xử lý, phòng ngừa gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời Vietbank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn ngân hàng;
  - Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, Vietbank có đơn vị kiểm tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan (nếu có) gửi Ban Lãnh đạo;
  - Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại Vietbank đều phải được thẩm định/đánh giá rủi ro đối với những nội dung chưa phù hợp/chưa có chốt chặn kiểm soát/rủi ro pháp lý trước khi ban hành.
- iii. Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm:
 

Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ,... Vietbank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe ô tô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).
- iv. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:

Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, Vietbank đã ban hành quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.

**v. Tính vốn cho rủi ro hoạt động:**

Vietbank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Thông tư 41) ban hành ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi bổ sung, Thông tư 22/2023/TT-NHNN ban hành ngày 29/12/2023 – sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41.

Với các diễn biến thị trường, Vietbank luôn nỗ lực tối đa để có các phân tích đánh giá, thực thi các công cụ và chính sách nhằm hạn chế các rủi ro trong quá trình hoạt động.

**3.5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ xu hướng các ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn. Ngoài ra, việc người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn cũng tạo ra rủi ro thanh khoản đối với khả năng đảm bảo tiền mặt của Ngân hàng khi đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng. Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đề cập đến khả năng chi trả và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của ngân hàng. Do vậy, rủi ro thanh khoản được các ngân hàng quan tâm đặc biệt.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Phòng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALM) thuộc Khối Tài chính và Phòng Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản thuộc Khối Quản lý rủi ro thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng, trình Hội đồng ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Vietbank luôn tuân thủ các quy định sau:

- Duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản (ngay tức thì) tối thiểu là 10% trên tổng nợ phải trả theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (tiếp theo) tối thiểu là 50% trên dòng tiền đến hạn ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đồng Việt Nam; và tỷ lệ khả năng chi trả

trong 30 ngày (tiếp theo) tối thiểu là 10% trên đồng tiền đến hạn ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đô la Mỹ và các ngoại tệ khác quy đổi sang đô la Mỹ;

- Duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa là 85% theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn tối đa 30% theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ mua, đầu tư Trái Phiếu Chính phủ, Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh tối đa là 30% trên Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó.

Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, Vietbank vẫn đảm bảo tuyệt đối an toàn thanh khoản, dự trữ bắt buộc, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Với việc thực hiện công tác đo lường, cảnh báo rủi ro sớm cùng các giải pháp linh hoạt đồng bộ, các rủi ro thanh khoản sẽ được kiểm soát và giảm thiểu trong khi nâng cao tỷ lệ CASA trên cơ sở chính sách thu hút khách hàng, nâng cao trải nghiệm và tiện ích thanh toán đặc biệt trên kênh kinh doanh sản phẩm số của ngân hàng trong thời gian tới đây.

### 3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi hoạt động kinh doanh của Vietbank tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), một đối tác, sản phẩm, giao dịch, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Tại Vietbank, việc quản lý rủi ro tập trung thông qua việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung của Ngân hàng; trong đó bao gồm: Quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh; Xây dựng tiêu chí xác định người có liên quan của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật; Thiết lập, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng và hạn mức rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh.

Các hạn mức rủi ro tập trung được thiết lập tại Khẩu vị rủi ro, định hướng tín dụng và các quy định nội bộ có liên quan của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hạn mức rủi ro tập trung tín dụng được thiết lập theo khách hàng/nhóm khách hàng có liên quan, lĩnh vực/ngành kinh tế và hạn mức rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh theo đối tác, sản phẩm, loại tiền giao dịch nhằm kiểm soát rủi ro tập trung trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng như:

- Hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/nhóm khách hàng;
- Hạn mức cấp tín dụng đối với ngành nghề, lĩnh vực kinh tế;
- Hạn mức HHI theo đối tác;
- Hạn mức HHI theo sản phẩm;
- Hạn mức Trạng thái đối với một loại ngoại tệ.

Vietbank thực hiện theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung nhằm cảnh báo sớm các khoản dư nợ, các giao dịch gần vượt hạn mức rủi ro tập trung và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

### 3.7. *Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng*

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh,...). Khi đó, Vietbank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa rủi ro này, Vietbank áp dụng các biện pháp như:

- Ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng, quản lý khách hàng, quản lý khoản cấp tín dụng tương tự như các khoản cấp tín dụng trong nội bảng.
- Thực hiện cộng gộp các nghĩa vụ ngoại bảng của khách hàng với dư nợ nội bảng khi kiểm soát tổng hạn mức rủi ro tín dụng của khách hàng, khách hàng và người có liên quan.
- Thực hiện quy đổi giá trị các khoản mục ngoại bảng theo hệ số rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, làm cơ sở xác định và giám sát các tỷ lệ an toàn vốn của toàn ngân hàng.

### 3.8. *Rủi ro đặc thù khác*

#### 3.8.1. *Rủi ro liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)*

Căn cứ theo quy định của Luật Phòng chống rửa tiền số 14/2022/QH15 của Quốc hội ký ngày 15/11/2022; Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có. Vietbank là một tổ chức tín dụng, vì vậy Vietbank sẽ đối mặt với rủi ro liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, rủi ro liên quan đến rửa tiền/tài trợ khủng bố là một thách thức với hệ thống ngân hàng nói chung và Vietbank nói riêng. Nhằm mục đích hạn chế rủi ro nêu trên, Vietbank đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả các quy định và yêu cầu của pháp luật, NHNN về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, chống tội phạm tài chính và tuân thủ báo cáo theo Đạo luật FATCA.

Quy định nội bộ Vietbank về PCRT/TTKB bao gồm nhưng không giới hạn: quy trình quản lý rủi ro, phân loại khách hàng, nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ... luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là “kim chỉ nam” cho toàn thể CBNV tuân thủ theo.

### **3.8.2. Rủi ro về ngành**

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển tất yếu ngành Ngân hàng. Việc phát triển các sản phẩm tài chính tối ưu góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển dòng vốn trong nền kinh tế. Đồng thời, khách hàng cũng có cơ hội được sử dụng các dịch vụ tài chính hiện đại, phù hợp nhất. Cùng với sự phát triển của ngành Ngân hàng là sự cạnh tranh khốc liệt, toàn diện giữa các Ngân hàng thương mại về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các ưu đãi nhằm thu hút khách hàng mới và chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch...

### **3.8.3. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin**

Hệ thống công nghệ thông tin có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng do các hoạt động ngân hàng đòi hỏi hệ thống công nghệ thông tin thực thi một khối lượng nghiệp vụ lớn, chính xác, kịp thời đồng thời phục vụ công tác xử lý dữ liệu, lưu trữ, sao lưu. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác như: Vietbank phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng và xâm nhập trái phép, các sự cố kỹ thuật, lỗi hệ thống, gián đoạn đường truyền,... Ngoài ra, quá trình số hóa và hiện đại hóa công nghệ lõi cũng tiềm ẩn các rủi ro: khả năng tích hợp hệ thống, rủi ro bảo mật dữ liệu, tuân thủ pháp lý; chi phí đầu tư lớn nhưng hiệu quả không đảm bảo ngay lập tức,...

Vietbank đã hợp tác với Finastra triển khai hệ thống Core Banking và các hệ thống ngân hàng hiện đại, chính thức vận hành từ tháng 9/2019. Ngân hàng thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh công nghệ thông tin và áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp kiểm soát như đầu tư hạ tầng CNTT, nâng cao năng lực nhân sự, cập nhật vá lỗi, giám sát an ninh tập trung, đánh giá bảo mật hệ thống, đảm bảo tính sẵn sàng và dự phòng dữ liệu, tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật quốc tế, đồng thời tăng cường xác thực giao dịch, phòng chống gian lận và nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho cán bộ nhân viên và khách hàng.

## **4. Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị công ty là các rủi ro phát sinh có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động, thủ tục phối hợp giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức và kiểm soát của doanh nghiệp hoặc các rủi ro xảy ra do xung đột lợi ích của các bên liên quan và sự thiếu minh bạch, đối xử chưa công bằng, thỏa đáng và các mâu thuẫn chưa được giải quyết trong việc bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan cũng như cổ đông Ngân hàng.

Nhằm hạn chế các rủi ro nêu trên, Vietbank thực hiện quản lý và kiểm soát trên cơ sở tuân thủ quy định của NHNN, triển khai các yêu cầu quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel II, đồng thời tham chiếu các thông lệ quản trị bền vững và tiên tiến phù hợp với đặc thù hoạt động của ngân hàng. Vietbank thiết lập cơ chế phân tách quyền hạn rõ ràng giữa HĐQT, Ban Điều Hành và Ban Kiểm soát, duy trì hệ thống kiểm toán nội bộ độc lập, tăng cường công bố thông tin minh bạch và nâng cao hiệu quả công tác tuân thủ nhằm củng cố năng lực quản trị, kiểm soát rủi ro và tính minh bạch trong toàn hệ thống.

## 5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Vietbank đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM từ tháng 07/2019. Khi được niêm yết chính thức trên Sở Giao Dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Vietbank sẽ được hưởng một số lợi ích như nâng cao hình ảnh và thương hiệu, tăng tính thanh khoản, mở rộng cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Ngoài ra, việc niêm yết góp phần chuẩn hóa hoạt động quản trị và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động.

Khi cổ phiếu được niêm yết, giá cổ phiếu có thể biến động mạnh và chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm quy luật cung – cầu của thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô, kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, cũng như các thay đổi trong chính sách pháp luật và quy định của thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư, phương thức giao dịch và mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư cũng có thể ảnh hưởng đến diễn biến giá cổ phiếu. Trong trường hợp Vietbank thực hiện phát hành thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể bị pha loãng, qua đó ảnh hưởng đến giá thị trường của cổ phiếu. Do đó, rủi ro biến động giá cổ phiếu là yếu tố khó tránh khỏi và khó dự báo, nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ lưỡng khi đưa ra quyết định đầu tư.

## 6. Rủi ro khác

### 6.1. Vietbank là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao.

Vietbank hoạt động theo mô hình ngân hàng TMCP đa dạng hóa về hình thức sở hữu và không phụ thuộc vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tháng 07/2019, Vietbank có cổ phiếu chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VBB.

Vietbank chịu áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác (bao gồm cả ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, ngân hàng TMCP, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam), các công ty tài chính, công ty công nghệ tài chính (fin-tech). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng ngày càng tăng.

### 6.2. Rủi ro chuẩn mực nghề nghiệp và gian lận nội bộ

Hoạt động ngân hàng đòi hỏi mức độ tuân thủ cao về đạo đức nghề nghiệp, tính liêm chính và trách nhiệm trong tác nghiệp. Mặc dù Ngân hàng đã xây dựng và triển khai hệ thống chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cơ chế kiểm soát nội bộ, quy định lao động cũng như các biện pháp phòng ngừa gian lận, vẫn tồn tại rủi ro phát sinh từ hành vi vi phạm đạo đức, gian lận hoặc thiếu tuân thủ của cán bộ nhân viên trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Các hành vi này, nếu xảy ra, có thể gây thiệt hại tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín, thương hiệu của Ngân hàng, làm suy giảm niềm tin của khách hàng và nhà đầu tư, đồng thời có thể dẫn đến các hậu quả pháp lý và chế tài từ cơ quan quản lý.

Với mong muốn xây dựng văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chống gian lận nội bộ, Vietbank đã xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, nội quy lao động, cơ chế khen thưởng và kỷ luật phù hợp. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp dựa trên nguyên lý đạo đức cơ bản

nhằm mục đích hướng dẫn cán bộ nhân viên và các cấp quản lý áp dụng trong các giao tiếp hàng ngày, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của Vietbank. Chuẩn mực này yêu cầu tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên và trách nhiệm báo cáo đối với các hành vi vi phạm có khả năng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, lợi ích của Vietbank và khách hàng thông qua các kênh hotline của ngân hàng.

### **6.3. Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý**

Vietbank lập các BCTC hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Các thông tin được thể hiện trong Bản cáo bạch này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Do Vietbank hoạt động trong ngành ngân hàng là ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và quy định cụ thể tại Việt Nam.

### **6.4. Các trường hợp bất khả kháng**

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Vietbank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố,... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các Cá nhân, Tổ chức là khách hàng của Vietbank.

**DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU**

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Cáo Bạch này có nội dung như sau:

Bản Cáo bạch:	Bản Cáo bạch chính xác, trung thực, khách quan của Ngân hàng Vietbank khi thực hiện đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Cổ đông:	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Ngân hàng.
Cổ phần:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu:	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ tức:	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
Điều lệ:	Điều lệ của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín thông qua. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan tại Việt Nam.
Vốn điều lệ:	Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và được thay đổi theo từng thời kỳ.
Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
Tổ chức kiểm toán:	Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam – là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 của Vietbank

#### Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

Vietbank, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
ALCO:	Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Và Tài Sản Có
ATM:	Máy rút tiền tự động
BIS	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIS
BCTC:	Báo cáo tài chính
BKS:	Ban kiểm soát
CAR:	Hệ số an toàn vốn
CBNV:	Cán bộ nhân viên

CCCD:	Căn cước công dân
CNTT:	Công nghệ Thông tin
CTCP:	Công ty Cổ phần
CSDL:	Cơ sở dữ liệu
DHDCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
GTCG:	Giấy tờ có giá
HDQT:	Hội đồng quản trị
HĐTD:	Hội Đồng Tín Dụng
HNX:	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
HHI:	Herfindahl-Hirschman Index (chỉ số đo lường mức độ tập trung của danh mục)
HOSE, HSX:	Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
KHCN:	Khách hàng Cá nhân
KHDN:	Khách hàng Doanh nghiệp
KPI:	Key Performance Indicator (chỉ số hiệu suất công việc)
L/C:	Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)
ISO:	Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
NHTM:	Ngân hàng Thương mại
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TCTD:	Tổ chức tín dụng
TCKT:	Tổ chức kinh tế
TGD:	Tổng giám đốc
TMCP:	Thương mại Cổ phần
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ:	Tài sản cố định
TTKD:	Trung tâm Kinh doanh
SME:	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
SLA:	Cam kết chất lượng dịch vụ
SGDCK:	Sở Giao dịch chứng khoán
SXKD:	Sản xuất Kinh doanh

UBCKNN:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
UBND:	Ủy Ban Nhân Dân
USD:	Đồng đô la Mỹ
UPCOM:	Nền tảng giao dịch dành cho các công ty chưa niêm yết
VAS	Các chuẩn mực kế toán Việt Nam
VND:	Việt Nam Đồng
VPDD:	Văn phòng đại diện
QLRR:	Quản lý rủi ro
RRTK:	Rủi ro thanh khoản
RRLSTSNH:	Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT****1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

**Tên đầy đủ:** NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

**Tên tiếng Anh:** VIETNAM THƯƠNG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

**Tên viết tắt:** Ngân hàng Việt Nam Thương Tín ("Vietbank")

**Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài:** Vietbank

**Mã cổ phiếu:** VBB

**Sàn giao dịch:** UPCOM

**Trụ sở chính:** Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ

**Số điện thoại:** (0299) 362 1454

**Fax:** (0299) 362 1858

**Biểu tượng (logo):**



**Vốn điều lệ:** 10.768.973.840.000 đồng

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Dương Nhất Nguyên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805** do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 28/08/2023

**Giấy phép thành lập và hoạt động:** Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Vietbank, Giấy phép số 55/GP-NHNN ngày 10/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kinh doanh mua, bán vàng miếng, Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5 ngày 24/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 1949/QĐ-QLGS5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/8/2025 về việc sửa đổi nội dung về địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 05/QĐ-QLGS5 ngày 03/02/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank.

**Ngành nghề kinh doanh chính:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

- i). Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác
- ii). Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
  - a) Cho vay

- b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác
- c) Bảo lãnh ngân hàng
- d) Phát hành thẻ tín dụng
- e) Bao thanh toán trong nước
- iii). Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
- iv). Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
  - a) Cung ứng phương tiện thanh toán
  - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ
- v). Mở tài khoản
  - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
  - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác
- vi). Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia
- vii). Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn
- viii). Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư
- ix). Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ
- x). Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp
- xi). Dịch vụ môi giới tiền tệ
- xii). Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- xiii). Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- xiv). Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- xv). Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- xvi). Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- xvii). Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

- xviii). Kinh doanh mua, bán vàng miếng
- xix). Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ
- xx). Dịch vụ Ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- xxi). Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất
- xxii). Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được phép hoạt động theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006, Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP của Vietbank số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023, Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5 ngày 24/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 1949/QĐ-QLGS5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/8/2025 về việc sửa đổi nội dung về địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 05/QĐ-QLGS5 ngày 03/02/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank, Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805, sửa đổi lần thứ 28, ngày 28/8/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15/12/2006.

Các cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của Vietbank:

<b>Năm 2025</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2025: 196.771 tỷ đồng</li> <li>- Vốn điều lệ tại 31/12/2025: 10.769 tỷ đồng</li> <li>- Nguồn nhân lực: gần 3.100 CBNV</li> <li>- Vietbank liên tiếp nhận các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Platinum Correspondent Award - Danh hiệu Bạch kim dành cho Ngân hàng đại lý do Habib American Bank (HAB Bank) trao tặng, Asian Technology Excellence Awards 2025 (hạng mục Digital Banking) do Tạp chí Asian Business Review trao tặng, Asia Pacific Enterprise Awards 2025 (hạng mục Corporate Excellence Awards) do Enterprise Asia trao tặng, Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2025 (hạng mục Khối Doanh nghiệp vừa) do Anphabe trao tặng</li> <li>- Ngày 15/10/2025, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings đã công bố kết quả xếp hạng lần đầu cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank), với xếp hạng phát hành dài hạn (Long-Term IDR) ở mức “B+” và triển vọng ổn định</li> </ul>
<b>Năm 2024</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tài sản hợp nhất: 162.855 tỷ đồng</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn điều lệ 7.139 tỷ đồng</li> <li>- Nguồn nhân lực gần 3.000 CBNV</li> <li>- Mở thêm mới 14 điểm giao dịch, nâng tổng mạng lưới ngân hàng lên 132 TTKD trên toàn quốc.</li> </ul>
<b>Năm 2023</b>	<p>Vietbank ghi dấu ấn với nhiều giải thưởng và bảng xếp hạng uy tín như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2023;</li> <li>- Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2023;</li> <li>- Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam 2023 – VNR500 (do Vietnam Report và Báo VietnamNet công bố);</li> <li>- Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500);</li> <li>- Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023 (do Viet Research và Báo Đầu tư bình chọn);</li> <li>- Top 10 Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam 2023 (do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn);</li> <li>- Top 10 Dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng 2023 (do Viện Khoa học phát triển nhân lực kinh tế và văn hóa phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam bình chọn);</li> <li>- Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng 2023 (do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam – VNBA và IDG Việt Nam bình chọn);</li> <li>- Thương hiệu mạnh – Phát triển bền vững 2023 (do Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy bình chọn);</li> <li>- Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á 2023 (do Enterprise Asia trao tặng); cùng giải thưởng Excellence in Innovation do Mastercard trao tặng.</li> </ul>
<b>Năm 2022</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tài sản trên 110.000 tỷ đồng;</li> <li>- Nguồn nhân lực chuyên nghiệp và nhiệt huyết 2.600 CBNV;</li> <li>- Mạng lưới hoạt động 118 Trung tâm Kinh doanh trên toàn quốc;</li> <li>- Hàng trăm sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp;</li> <li>- Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022, Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022, Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022; Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022</li> </ul>
<b>Năm 2021</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 4.777 tỷ đồng.</li> </ul>
<b>Năm 2020</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở mới thành công 5 chi nhánh trong điều kiện khó khăn của dịch Covid-19.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên tiếp nhận được các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Ngân hàng triển khai công nghệ ngân hàng lõi tốt nhất năm 2020, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020, Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dùng Việt Nam</li> </ul>
<b>Năm 2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 4.190 tỷ đồng;</li> <li>- Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi;</li> <li>- Mở mới 18 Trung tâm Kinh doanh tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả nước;</li> <li>- Vietbank chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu UPCOM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 485/QĐ-SGDCKHN ngày 23/07/2019 về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và Thông báo số 815/TB-SGDHN ngày 23/07/2019 về ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt nam Thương Tín.</li> </ul>
<b>Năm 2018</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 4.105 tỷ đồng, triển khai nhiều dự án nhằm phát triển Vietbank theo hướng Digital Banking.</li> </ul>
<b>Năm 2017</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỷ niệm 10 năm thành lập;</li> <li>- Chuyển đổi các Quỹ tiết kiệm thành Phòng giao dịch;</li> <li>- Triển khai dự án Corebanking.</li> <li>- Ngân hàng chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2028/UBCK-GSDC ngày 17/04/2017</li> </ul>
<b>Năm 2016</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 3.249 tỷ đồng;</li> <li>- Vinh dự nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam”</li> </ul>
<b>Năm 2015</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên tiếp được công nhận các giải thưởng uy tín: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thương Hiệu Uy Tín</li> <li>+ Doanh Nghiệp Phát triển Bền Vững 2015</li> </ul> </li> <li>- Hệ thống mạng lưới gần 100 điểm giao dịch tại 11 tỉnh thành trên toàn quốc.</li> </ul>
<b>Năm 2010</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.</li> </ul>
<b>Năm 2009</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai trương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh đầu tiên của Vietbank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh.</li> </ul>
<b>Năm 2008</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.</li> </ul>
<b>Năm 2007</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank chính thức được thành lập, trụ sở tại số 35 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tạo tiền đề cho việc phát triển mạng lưới trên toàn quốc; đồng thời Vietbank cũng khai trương hoạt</li> </ul>

	động chi nhánh Sóc Trăng – chi nhánh đầu tiên của Vietbank; - Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.
<b>Năm 2006</b>	- Thành lập với vốn điều lệ 200 tỷ đồng.

Trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay, Vietbank đã đạt được những giải thưởng, danh hiệu và thành tích tiêu biểu như sau:

<b>Năm</b>	<b>Giải thưởng</b>	<b>Cơ quan cấp</b>
<b>2015</b>	Thương hiệu uy tín – Doanh nghiệp phát triển bền vững 2015	Viện DN Việt Nam
<b>2016</b>	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo Kinh tế Việt Nam
<b>2018</b>	Vietbank xếp thứ 399/500 VNR 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017, xếp thứ 209/500 VNR 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2018.	Vietnamnet
<b>2018</b>	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dữ liệu Việt Nam Năm 2018.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
<b>2019</b>	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dữ liệu Việt Nam Năm 2019.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
<b>2020</b>	The Asian Banker Vietnam Awards 2020: Best core banking technology implementation	The Asian Banker
	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2020 (PROFIT500)	
	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020 (VNR500)	
	Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dữ liệu Việt Nam Năm 2020 - “Ngân hàng bán lẻ uy tín”	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
<b>2022</b>	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022	Viet Research và Báo Đầu tư
	Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022	Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy – Vietnam Economic Times

	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
<b>2023</b>	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2023	Vietnam Report và báo VietNamNet bình chọn
	Top 10 Dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng 2023	Viện Khoa học phát triển nhân lực kinh tế và văn hóa kết hợp với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam bình chọn
	Top 10 Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam 2023	Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức bình chọn
	Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng năm 2023	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và IDG Việt Nam bình chọn
	Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á năm 2023	Tổ chức Enterprise Asia trao tặng
	Thương hiệu mạnh - Phát triển bền vững năm 2023	Tạp chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy bình chọn
	Excellence in Innovation	Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard trao tặng
	Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023 (VBE500) & Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023	Viet Research và Báo Đầu tư bình chọn
	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất năm 2023 & Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam 2023 (VNR500)	Vietnam Report và báo VietNamNet bình chọn
<b>2024</b>	Top 10 Thương hiệu mạnh phát triển bền vững 2024	Tạp chí Kinh tế Việt Nam
	Top 10 Doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam	Viet Research phối hợp với Báo Đầu tư
	Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam	
	Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam	Viet Research
	Giải thưởng Công nghệ xuất sắc Việt Nam về an ninh mạng Asian Technology Excellence Awards 2024	Tạp chí Asian Business Review

	Private 100 Giải thưởng dành cho các doanh nghiệp Việt Nam nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2024	CafeF
	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2024	Báo Vietnamnet và Tổ chức Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)
2025	Giải thưởng quốc tế Platinum Correspondent Award – Danh hiệu Bạch kim dành cho Ngân hàng đại lý	Habib American Bank (HAB Bank)
	Doanh nghiệp xuất sắc châu Á 2025	Enterprise Asia trao tặng
	Công nghệ xuất sắc Việt Nam (Asian Technology Excellence Awards 2025) hạng mục Ngân hàng số	Tạp chí Asian Business Review
	Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Khối Doanh nghiệp vừa	Anphabe trao tặng

### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết



Nguồn: Vietbank

Tính đến thời điểm hiện tại, cơ cấu tổ chức của Vietbank bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ;
- Mạng lưới hoạt động gồm: 132 trung tâm kinh doanh bao gồm: 30 chi nhánh và 102 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước;
- Ngân hàng có một (01) Công ty con sở hữu trực tiếp: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín (Vietbank AMC).

Bảng 1. Danh sách mạng lưới hoạt động của Vietbank

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	Trụ sở chính: Ngân hàng TMCP	47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Tp. Cần

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	<b>Việt Nam Thương Tín</b>	<b>Thơ</b>
1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng	47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Tp. Cần Thơ
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Ngô Gia Tự	107 - 109 Ngô Gia Tự, Phường Sóc Trăng, Tp. Cần Thơ
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Kế Sách	35 Phan Văn Hùng, ấp An Ninh 1, xã Kế Sách, Tp. Cần Thơ
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Mỹ Tú	84D Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, xã Mỹ Tú, Tp. Cần Thơ
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt và một phần tầng lửng tòa nhà số 62A CMT8, phường Xuân Hòa, Tp.HCM
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Cao Thắng	90 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp.HCM
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Trần Quang Khải	188C Trần Quang Khải, phường Tân Định, Tp.HCM
8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Khánh Hội	225 Khánh Hội, phường Vĩnh Hội, Tp.HCM
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Bình Đông	246 - 248 Liên Tỉnh 5, phường Bình Đông, Tp.HCM
10	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thị Thập	360A/5 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, Tp.HCM
11	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Phú Mỹ Hưng	001 Khu phố Mỹ Hoàng - H5, Khu A, phường Tân Hưng, Tp.HCM
12	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	335 - 337 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Tp.HCM

<b>STT</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Địa chỉ</b>
	Minh - PGD Nguyễn Tri Phương	
13	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Lý Thường Kiệt	428 – 430 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
14	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thái Sơn	107 Nguyễn Thái Sơn, phường Hạnh Thông, Tp.HCM
15	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Sơn	304 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
16	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Bình Chánh	A11/5 – A11/6 QL1A, Ấp 1, xã Bình Chánh, Tp.HCM
17	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Duy Trinh	538 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng, Tp.HCM
18	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Trần Nãi	129 Trần Nãi, phường An Khánh, Tp.HCM
19	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tất Thành	11A Hoàng Diệu, phường Xóm Chiếu, Tp.HCM
20	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Huỳnh Tấn Phát	698 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Mỹ, Tp.HCM
21	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Võ Văn Ngân	118 Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Tp.HCM
22	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Hàng Xanh	171 Nguyễn Gia Trí, phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM
23	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Quang Trung	635 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, Tp.HCM
24	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Lê Trọng Tấn và 78 Sơn Kỳ	143 – 145 Lê Trọng Tấn và 78 Sơn Kỳ, phường

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Lê Trọng Tấn	Tân Sơn Nhì, Tp.HCM
25	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Củ Chi	226 Tỉnh lộ 8, Khu Phố 2, xã Tân An Hội, Tp.HCM
26	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Phổ Quang	Khu GM - Số 119K Dự án Golden Mansion, số 119 Đường Phổ Quang, phường Đức Nhuận, Tp.HCM
27	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Cộng Hòa	101D Cộng Hòa, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
28	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nơ Trang Long	151 Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Tp.HCM
29	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Tân Phú	414 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, Tp.HCM
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Điện Biên Phủ	406 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp.HCM
31	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	Một phần Tầng 1 và một phần Tầng Lửng, một phần Tầng 2 tòa nhà số 51 Nguyễn Cư Trinh, phường Cầu Ông Lãnh, Tp.HCM
32	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Bình Tân	70 - 72 đường số 17A, phường An Lạc, Tp.HCM
33	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Trần Hưng Đạo	874 - 876 Trần Hưng Đạo, phường An Đông, Tp.HCM
34	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Tân Quý	Một phần Tầng 1 và một phần Tầng 2 căn nhà số 143A Gò Dầu, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
35	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Bàu Cát	96 - 98 - 100 Bàu Cát, phường Tân Bình, Tp.HCM

STT	Tên gọi	Địa chỉ
36	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Lũy Bán Bích	Một phần phía trước căn nhà số 883 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
37	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn	36 - 38 Hậu Giang, phường Bình Tây, Tp.HCM
38	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Bình Trị Đông	153 Đường số 7, phường An Lạc, Tp.HCM
39	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Chánh Hưng	318 Bis Phạm Hùng, phường Bình Đông, Tp.HCM
40	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Lê Đại Hành	109 - 111 Lê Đại Hành, phường Minh Phụng, Tp.HCM
41	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Lý Thái Tổ	11A - 11B Hùng Vương, phường Chợ Quán, Tp.HCM
42	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Hóc Môn	324 đường Lê Thị Hà, ấp Chánh 1, xã Hóc Môn, Tp.HCM
43	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn	Một phần Tầng 1 và một phần Tầng 2 số 346 - 348 - 350 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
44	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn - PGD Nguyễn Ảnh Thủ	Một phần phía trước 10C/A Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Tp.HCM
45	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn - PGD Lê Văn Khương	72 Lê Văn Khương, phường Thới An, Tp.HCM
46	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	299 Nguyễn Văn Trỗi, phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM
47	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Lê Văn Việt	197 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú, Tp.HCM

STT	Tên gọi	Địa chỉ
48	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Đình Tiên Hoàng	Tầng trệt, lửng và lầu 1 số 96 Lê Văn Duyệt, phường Gia Định, Tp.HCM
49	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Đỗ Xuân Hợp	519 Đỗ Xuân Hợp, KP6, phường Phước Long, Tp.HCM
50	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội	70 - 72 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
51	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Gia Lâm	01SH15 tòa L26M (S2-18), Ô đất B2-CT04 Dự án khu đô thị Gia Lâm - Vinhomes Ocean Park, xã Gia Lâm, Tp. Hà Nội
52	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Mỹ Đình	Số B1-08A Khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội
53	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Đội Cấn	279B - 279C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Tp. Hà Nội
54	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Quán Thánh	62 Quán Thánh, phường Ba Đình, Tp. Hà Nội
55	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Bắc Từ Liêm	39 Cầu Diễn, phường Xuân Phương, Tp. Hà Nội
56	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Thanh Xuân	Số 160 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt, Tp. Hà Nội
57	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Láng Hạ	35 phố Yên Lãng, phường Đống Đa, Tp. Hà Nội
58	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Khâm Thiên	280 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Tp. Hà Nội
59	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lê Thanh Nghị	56 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, Tp. Hà Nội

STT	Tên gọi	Địa chỉ
60	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lô Đức	103 - 105 Lô Đức, phường Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội
61	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lạc Trung	53 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Tp Hà Nội
62	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Tố Hữu	Một phần tầng 1, tòa CT2, Tòa nhà Bắc Hà C14, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, Tp Hà Nội
63	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Trung Hòa	Số 3 lô 11B Khu đô thị mới Trung Yên, phường Yên Hòa, Tp Hà Nội
64	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Nguyễn Khánh Toàn	48 Nguyễn Khánh Toàn, phường Nghĩa Đô, Tp Hà Nội
65	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Tây Hồ	Số LKC08, Dự Án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, phường Xuân Đình, Tp Hà Nội
66	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Thành	654 Tân Mai, phường Hoàng Mai, Tp Hà Nội
67	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hoàng Mai	Ô đất số 11 Dãy B, Lô TT3 Dự Án Khu ĐTM Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Tp Hà Nội
68	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Nguyễn Văn Cừ	97 Hồng Tiến, phường Bồ Đề, Tp Hà Nội
69	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Đông	SH-16, SH-19, SH-20 thuộc CC cao cấp H-CT2, ô đất H-CT2, khu căn hộ ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, Tp Hà Nội
70	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	05 Lô 22B đường Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, Tp Hải Phòng
71	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Trần Nguyên Hãn	268B Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, Tp Hải Phòng
72	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD	199 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, Tp Hải Phòng

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	Bạch Đằng	
73	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Ngô Quyền	25 Đà Nẵng, phường Ngô Quyền, Tp Hải Phòng
74	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Lạch Tray	Một phần Tầng 1 tòa nhà SHP Plaza, số 12 Lạch Tray, phường Gia Viên, Tp Hải Phòng
75	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Lê Chân	309 - 311 Tô Hiệu, phường Lê Chân, Tp Hải Phòng
76	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An	Tòa nhà Trung Đức, số 2 đường Lê Lợi, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
77	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Nguyễn Du	176 Nguyễn Du, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
78	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Lê Nin	Tầng 1 nhà chung cư A4 thuộc dự án chung cư phía Đông Đại lộ V.I Lê Nin, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An
79	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Chợ Vinh	95 Thái Phiên, Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
80	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Hưng Dũng	85 Nguyễn Phong Sắc, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
81	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi	473 - 475 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
82	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Tư Nghĩa	Tổ dân phố 3, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
83	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Mộ Đức	Khu dân cư 15, thôn Trạch Trụ Tây, xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi
84	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD	450 Phạm Văn Đồng, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	Bình Sơn	
85	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng	119 - 121 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
86	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Thanh Khê	265 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
87	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Tân Chính	346 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
88	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Hùng Vương	158 Hùng Vương, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
89	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Chợ Mới	482 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, Tp Đà Nẵng
90	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Đồng Đa	265 Đồng Đa, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
91	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Sơn Trà	885 Ngô Quyền, phường An Hải, Tp Đà Nẵng
92	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Cẩm Lệ	221 Ông Ích Đường, phường Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng
93	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa	Tầng 1, tầng 2, tầng 3 căn nhà số 55A + 55/2 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
94	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Vĩnh Phước	Số 530 Đường 2 tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
95	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Ninh Hòa	274 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
96	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD	18 Nguyễn Huệ, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	Vạn Ninh	
97	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	93 Nguyễn Thái Học, phường Tam Thắng, Tp HCM
98	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Đồng Xuyên	383 Đường 30/4, phường Rạch Dừa, Tp.HCM
99	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Bà Rịa	42 Bạch Đằng, phường Bà Rịa, Tp.HCM
100	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Châu Đức	214 Hùng Vương, xã Ngãi Giao, Tp.HCM
101	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ	26 - 28 Hòa Bình, phường Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
102	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD An Hòa	181 Nguyễn Văn Cừ, phường Cái Khế, Tp Cần Thơ
103	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD Ninh Kiều	84 Đường 3/2, phường Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
104	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD Bình Thủy	202 Cách Mạng Tháng 8, phường Bình Thủy, Tp Cần Thơ
105	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An	292 - 294-296 Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh
106	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Bến Lức	54A Nguyễn Hữu Thọ, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
107	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Cần Giuộc	101 Quốc lộ 50, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh
108	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Đức Hòa	735 tỉnh lộ 825, xã Đức Hòa tỉnh Tây Ninh

STT	Tên gọi	Địa chỉ
109	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk	160 - 162 - 164 Lê Hồng Phong, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
110	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk - PGD Buôn Hồ	446 - 448 Hùng Vương, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
111	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai	381 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
112	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương	303A Đại lộ Bình Dương, phường Thủ Dầu Một, Tp HCM
113	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương - PGD Thuận An	Ô 7, Lô A2, khu nhà thương mại Phú Hồng Lộc, đường 22 tháng 12, phường Thuận Giao, Tp HCM
114	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương - PGD Bến Cát	Số 249, đường Trục CĐT.03, phường Bến Cát, Tp HCM
115	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh An Giang	95 Nguyễn Trãi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
116	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh An Giang - PGD Châu Đốc	79 - 81 Nguyễn Hữu Cánh, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang
117	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Vĩnh Phúc	289 Mê Linh, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ
118	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	12 Âu Cơ, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
119	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp - PGD Hồng Ngự	56 - 58 Lê Hồng Phong, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
120	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ninh	131 Đường 25/4, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh
121	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ninh - PGD Bãi Cháy	595 Hạ Long, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh

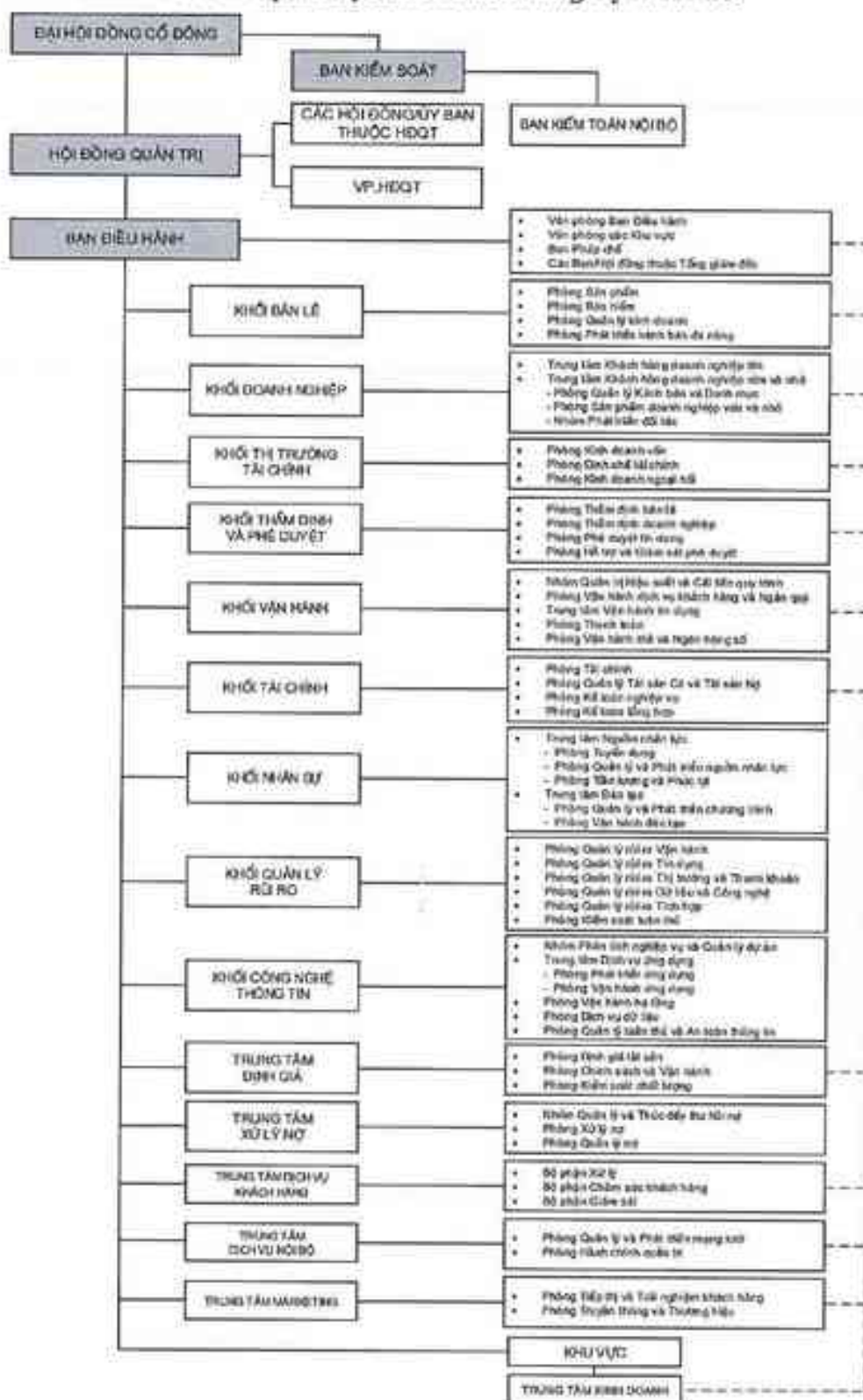
STT	Tên gọi	Địa chỉ
122	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Nam	592 Hai Bà Trưng, phường Hội An, Tp Đà Nẵng
123	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang	164 - 166 - 168 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
124	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang - PGD Kiên Lương	Nền 19 - 20 Lô L2, đường số 6, khu phố Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang
125	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang - PGD Hà Tiên	01 Trần Hữu, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang
126	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Định	112 Trần Phú, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
127	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Định - PGD Tam Quan	381 Quang Trung, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai
128	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Ninh	314 Trần Hưng Đạo, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh
129	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa	46 - 48 Trần Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
130	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng	121 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
131	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau	295 - 297 Nguyễn Tất Thành, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
132	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Phước	20 An Dương Vương, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

Nguồn: Vietbank

[Phần còn lại của trang được cô ý để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

**Hình 2: Cơ cấu quản trị của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**



#### 4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Vietbank, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng; Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Vietbank.

#### 4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Vietbank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HDQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Vietbank.

Các vấn đề khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, quy định của pháp luật và Điều lệ của Vietbank.

#### 4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện việc giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT.

a) Ban kiểm soát có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật CTCTD năm 2024 và Điều lệ của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:

- + Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ.
- + Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán viên nội bộ.
- + Giám sát kiểm toán nội bộ.
- + Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- + Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật.
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
  - + Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - + Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.
- Việc kiểm tra được thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản

trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

- Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD năm 2024 hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết; giám sát quá trình thuê kiểm toán độc lập; giám sát quá trình thực hiện công việc của kiểm toán độc lập; xem xét báo cáo tài chính định kỳ của Vietbank do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện.
- Kiểm soát hoạt động của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong quá trình hoạt động.
- Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong hoạt động tài chính; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của cổ đông.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban Kiểm soát.
  - Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định theo pháp luật, quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
  - Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
  - Xây dựng Quy định tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
  - Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
  - Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật CTCTD năm 2024 về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
  - Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 12,15 và 31 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật CTCTD năm 2024.
  - Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Kiểm soát là Ban Kiểm toán nội bộ, có chức năng sau:
- Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của Ngân hàng.
  - Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Vietbank.
  - Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Ngân hàng.
  - Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.
  - Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm Vietbank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước, nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; Là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

#### 4.4. Ban điều hành

Ban Điều hành là cơ quan điều hành hoạt động Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Đứng đầu Ban Điều hành của Ngân hàng là Tổng Giám đốc, sau đó là các Phó Tổng Giám đốc được phân công, phân quyền trong quản lý điều hành các Trung tâm Kinh doanh và các Khối nghiệp vụ tại Hội sở của Ngân hàng.

Kế toán trưởng của Ngân hàng thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống của Vietbank.

Hiện nay, Vietbank có 03 (ba) Phó Tổng giám đốc là thành viên trong Ban Điều hành và 01 (một) Kế toán trưởng, đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh.

Các Đơn vị trực thuộc Ban Điều hành bao gồm:

##### i. Văn phòng Ban Điều hành: Có các chức năng sau:

- Đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin giữa Ban Điều hành với HĐQT/Thường trực HĐQT, các Hội đồng (HĐ) - Ủy ban (UB) trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, (các) thành viên Ban Điều hành, Khối/Trung tâm/Ban, Phòng nghiệp vụ/Trung tâm nghiệp vụ, Văn phòng, Trung tâm kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác bên ngoài Vietbank;
- Hoạch định và giám sát thực hiện công việc, giám sát thể chế hoạt động trong hoạt động của Ban Điều hành, các Hội đồng/Ban trực thuộc Ban Điều hành và trong mối quan hệ với HĐQT và các Đơn vị nội bộ Vietbank;
- Công tác văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu Vietbank;
- Tổng hợp và báo cáo;

##### ii. Văn phòng các khu vực: Có các chức năng sau:

- Đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin giữa Ban Giám đốc Khu vực với HĐQT/Thường trực HĐQT (thông qua Văn phòng HĐQT), Tổng Giám đốc (thông qua Văn phòng Ban Điều hành) và (các) thành viên Ban Tổng Giám đốc, Khối/Trung tâm/Ban, Phòng, Văn phòng, cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác bên ngoài Vietbank.
- Theo dõi việc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/Thường trực HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đến Ban Giám đốc Khu vực.
- Lập kế hoạch công việc, nhắc việc; hỗ trợ Ban Giám đốc Khu vực giám sát việc thực hiện chỉ tiêu tại các Khu vực và TTKD.
- Công tác lễ tân, thư ký cho Ban Giám đốc Khu vực.

- Đầu mỗi tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động Khu vực.
  - Điều phối công tác lưu động hỗ trợ các Trung tâm kinh doanh trong thời gian đơn vị thiếu cấp quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) hoặc thực hiện các chuyên đề đánh giá, cải tiến hoạt động tại đơn vị theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
  - Giám sát Ban Giám đốc Khu vực triển khai các thể chế hoạt động.
- iii. Ban Pháp chế: Có các chức năng sau:
- Quản lý danh mục hệ thống văn bản lập quy;
  - Thẩm định hệ thống văn bản nội bộ của Vietbank đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và thống nhất trong các văn bản nội bộ;
  - Soạn thảo, thẩm định các văn bản gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  - Tham gia soạn thảo, thẩm định văn bản ủy quyền và phân quyền trong toàn hệ thống;
  - Quản lý và tổ chức việc triển khai, thực thi các quy định nội bộ của Vietbank theo quy định của pháp luật;
  - Thực hiện công tác thông tin, đào tạo pháp lý;
  - Góp ý văn bản pháp luật theo yêu cầu của Hiệp hội Ngân hàng, NHNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  - Tham mưu, Tư vấn pháp lý đối với các hoạt động kinh doanh;
  - Thẩm định hệ thống hợp đồng mẫu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Vietbank.
  - Xây dựng Sổ tay pháp lý.
  - Tham gia và hỗ trợ công tác tố tụng đối với các tranh chấp phi tín dụng phát sinh trong hoạt động của Vietbank;
  - Trực tiếp tham gia các tranh chấp liên quan đến cấp tín dụng với tư cách bị đơn hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ngoại trừ công tác tố tụng liên quan đến thu hồi nợ.
- iv. Các Ban/Hội đồng thuộc Tổng Giám đốc: Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn và các Hội đồng/Ban khác trực thuộc Tổng Giám đốc.
- Hội đồng ALCO:  
Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý tài sản Có – tài sản Nợ của Vietbank, bao gồm:
    - + Quản lý bảng cân đối tài sản Có – tài sản Nợ hiệu quả, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro của Vietbank;
    - + Quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng;
    - + Rà soát, tham mưu, đề xuất thời điểm, tiến độ triển khai kế hoạch (kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, ...), nguyên tắc xây dựng giá điều chuyển vốn nội bộ, mô hình tài chính ngắn hạn, trung hạn liên quan đến cơ cấu tài sản Có – tài sản Nợ của Vietbank phù hợp với chiến lược kinh doanh của Vietbank;

- + Tham mưu, đề xuất quy trình, phương pháp quản lý tài sản Nợ - tài sản Có của Vietbank (Quy định phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản, Quy trình quản lý, điều khoản thanh khoản trong ngày; Quy định phương pháp quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; Phương pháp điều hòa vốn nội bộ (FTP));
- + Quản lý hệ thống đo lường, đánh giá thương xuyên RRTK, RRLSTSNH, từ đó đưa ra những chiến lược, chính sách về lãi suất, sản phẩm và cơ chế điều hòa vốn nội bộ phù hợp với chiến lược, tình hình kinh doanh của Vietbank trong từng thời kỳ.
- + Xây dựng khung lãi suất, khung giá cho các sản phẩm để quản lý tài sản Có – tài sản Nợ.
- + Kiểm soát hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ hạn mức RRTK, hạn mức RRLSTSNH, tổng tài sản tính theo RRLSTSNH, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và của Vietbank. Xác định các giới hạn chỉ số rủi ro mà Vietbank có thể chấp nhận đối với RRTK, RRLSTSNH, từ đó quyết định hoặc trình Hội đồng quản trị kế hoạch, biện pháp hạn chế/ngăn chặn các loại rủi ro nêu trên.
- Hội đồng rủi ro:  
Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc:
  - + Lập quy trình xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro;
  - + Thực hiện chính sách quản lý rủi ro và đánh giá chính sách quản lý rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) để đề xuất Hội đồng quản trị điều chỉnh;
  - + Xây dựng và thực hiện hạn mức rủi ro, đề xuất phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ; thực hiện các biện pháp xử lý khi không đáp ứng được các hạn mức rủi ro;
  - + Tổ chức thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo yêu cầu kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
  - + Tự kiểm tra, đánh giá về quản lý rủi ro và đề xuất Hội đồng quản trị các biện pháp xử lý, khắc phục;
  - + Giám sát việc triển khai thực hiện các kết luận, ý kiến tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro đã được Hội đồng quản trị ghi nhận/thông qua.
  - + Các nội dung khác do Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc quy định/yêu cầu trong từng thời kỳ.
- Hội đồng quản lý vốn:  
Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc:

- + Thực hiện đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn dựa trên cơ sở Kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt cho tối thiểu 03 năm nhưng không quá 05 năm tiếp theo theo Quyết định số 89/2020/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020 về Quy chế đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời kỳ;
- + Theo dõi lộ trình thực hiện kế hoạch vốn đã được thông qua và tham mưu kế hoạch định hướng cho Tổng Giám đốc;
- + Thực hiện chỉ đạo của HĐQT về việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế đối với đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

#### **4.5. Văn phòng Hội đồng quản trị**

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị/Thường trực Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị (trừ Hội đồng tín dụng) trong việc thực hiện chức năng quản trị Vietbank và các Công ty con.

Thành phần nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm:

- Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị;
- (Các) Phó Chánh Văn phòng;
- Các Trưởng Bộ phận, các Trợ lý/Thư ký Ban Lãnh đạo (cấp HĐQT/Thường trực HĐQT);
- Các Chuyên gia cao cấp, Chuyên gia, Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên và nhân viên Văn phòng;

#### **4.6. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT**

##### **4.6.1. Ủy ban quản lý rủi ro**

Chức năng của Ủy ban quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc: ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Vietbank; tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Vietbank trước những nguy cơ, rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Vietbank để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy định chính sách, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị thông qua quyết định đầu tư, các hợp đồng, giao dịch có liên quan; quyết định chính sách quản trị và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Vietbank trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Quản trị giao.

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

#### 4.6.2. Ủy ban nhân sự

Chức năng của Ủy ban nhân sự:

- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Vietbank.
- Thay mặt HĐQT quyết định những vấn đề về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự trong phạm vi được HĐQT ủy quyền.
- Giúp việc cho HĐQT trong việc thẩm định, đánh giá, phê duyệt về chiến lược, định hướng, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của ngân hàng; tham mưu, tư vấn cho HĐQT các vấn đề chuyên môn về đào tạo nguồn nhân lực thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐQT.

#### 4.6.3. Hội đồng xử lý rủi ro ("HDXLRR")

Chức năng của Hội đồng xử lý rủi ro:

- Phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt.
- Quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống đối với khoản nợ sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.
- Quyết định hoặc phê duyệt việc các biện pháp thu hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm:
  - + Miễn, giảm lãi vay, khoan nợ (tạm dừng thu gốc, tạm dừng tính lãi), xóa nợ gốc từng phần hoặc toàn phần theo Quy trình miễn, giảm lãi, phí tại Vietbank và các quy định có liên quan;
  - + Nhận tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ và bán lại tài sản bảo đảm đã nhận cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
  - + Các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm khác để thu hồi nợ (kể cả trong trường hợp không thu đủ nợ gốc);
  - + Sử dụng dịch vụ thu hồi nợ;
  - + Các biện pháp thu hồi nợ khác theo chính sách của Vietbank trong từng thời kỳ.
- Chỉ đạo Ban Quản trị nợ thực hiện các nhiệm vụ giúp việc cho HDXLRR theo quy định và phân công của HDXLRR.

#### 4.7. Các khối chức năng tại Hội sở chính

Đối với các Khối nghiệp vụ tại Hội sở: bao gồm 10 Khối và 02 Trung tâm như sau:

##### 4.7.1. Khối Bán lẻ

Đơn vị trực thuộc Khối Bán lẻ bao gồm:

- ❖ Phòng Sản phẩm

- Nghiên cứu và xây dựng danh mục sản phẩm, danh mục Khách hàng, phân khúc khách hàng nhằm hỗ trợ cho việc thiết kế, phát triển các sản phẩm thuộc Khối Bán lẻ, đáp ứng tính cạnh tranh, nhu cầu đa dạng của thị trường và định hướng kinh doanh của Ngân hàng.
- Đánh giá và thiết lập phân khúc khách hàng mục tiêu của từng sản phẩm Khách hàng bán lẻ (KHBL).
- Quản lý, theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm/ từng danh mục KHBL.
- Triển khai, phối hợp thúc đẩy bán và hỗ trợ nghiệp vụ các sản phẩm KHBL đến Trung tâm kinh doanh.
- Phối hợp với các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban liên quan để triển khai vận hành sản phẩm KHBL.
- Xây dựng công cụ hỗ trợ bán hàng và đề xuất cải tiến sản phẩm, dịch vụ của Khối Bán lẻ nói riêng và Khối/ Trung tâm/Phòng/ Ban khác có liên quan.
- Tham mưu ngoại lệ chính sách giá, phí, sản phẩm, dịch vụ dành cho KHBL.

❖ **Phòng Bảo hiểm**

- Tham mưu xây dựng chiến lược và tổ chức thực hiện thu phí bảo hiểm, bao gồm nhân thọ và phi nhân thọ, trực tiếp hoặc phối hợp với đối tác, để xây dựng sản phẩm, chính sách bán hàng nhằm phát triển quy mô, thị phần, gia tăng hiệu quả kinh doanh mảng bảo hiểm.
- Xây dựng mô hình/chính sách, triển khai hợp tác nghiệp vụ bảo hiểm tại Ngân hàng (mô hình Bancassurance).
- Huấn luyện và đào tạo kiến thức sản phẩm, kỹ năng liên quan đến việc triển khai tư vấn sản phẩm bảo hiểm ("SPBH").
- Xử lý thông tin và phản hồi của khách hàng về sản phẩm, chất lượng dịch vụ, bồi thường, chăm sóc sau bán hàng.
- Phối hợp thực hiện hoặc trực tiếp triển khai các chương trình, chiến dịch bán hàng và thúc đẩy hoạt động kinh doanh, thu hút khách hàng tham gia bảo hiểm trên toàn hệ thống
- Xây dựng hệ thống báo cáo theo dõi kết quả kinh doanh, đánh giá năng suất kinh doanh.

❖ **Phòng Quản lý kinh doanh**

- Xây dựng kế hoạch và quản lý KPIs của Khối Bán lẻ, các đơn vị trực thuộc Khối Bán lẻ, các Khu vực và các TTKD liên quan mảng bán lẻ.
- Quản trị hiệu suất các đơn vị trực thuộc Khối Bán lẻ, xây dựng định hướng, nguyên tắc giám sát và nâng cao hiệu suất bán hàng của TTKD và lực lượng bán thuộc mảng bán lẻ và nâng cao năng suất bán hàng của TTKD và Khu vực.

- Quản trị toàn diện danh mục khách hàng của Khối Bán lẻ (bao gồm quản trị nợ, huy động vốn...); phối hợp với các Đơn vị liên quan trong việc theo dõi, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng danh mục và chất lượng nợ của Khối.
- Đề xuất, xây dựng và quản lý chính sách thưởng, phạt /thi đua, chương trình bán hàng dành cho lực lượng bán hàng, cán bộ quản lý nhằm tối ưu hóa danh mục khách hàng.
- Điều phối và giám sát hoạt động kinh doanh giữa TTKD/Khu vực và Khối Bán lẻ, bảo đảm sự thống nhất trong triển khai mục tiêu, chính sách và chỉ tiêu kinh doanh.
- Phối hợp với các Đơn vị thuộc Khối CNTT nhằm thu thập các báo cáo đa chiều nhằm mục đích phân tích báo cáo chuyên sâu theo từng phần mục do Trưởng Đơn vị/Ban Lãnh đạo giao.
- Nghiên cứu xây dựng các công cụ hỗ trợ quản lý bán hàng, phê duyệt tín dụng và báo cáo kinh doanh.
- Tham gia vào việc đánh giá hiệu quả hiệu suất của các kênh bán và đối tác.

#### ❖ Phòng Phát triển kênh bán đa năng

- Đầu mối tìm kiếm làm việc với các Đối tác để xây các kênh bán đa năng cho Khối Bán lẻ.
- Phối hợp với Phòng Sản phẩm xây dựng các sản phẩm/dịch vụ dành riêng cho từng đối tác liên kết bao gồm các tổ chức là trung gian thanh toán, các công ty Fintech trong và ngoài nước.
- Triển khai bán hoặc vận hành các sản phẩm dịch vụ với các đối tác đến các TTKD.
- Thực hiện quản lý, theo dõi và tối ưu hiệu quả khai thác các đối tác liên kết; đánh giá định kỳ kết quả hợp tác và đề xuất giải pháp nhằm gia tăng giá trị, mở rộng khách hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho Vietbank.
- Nghiên cứu xây dựng các công cụ phát triển khách hàng mới qua kênh Online.
- Đầu mối nghiên cứu sản phẩm chuyển đổi số của Khối Bán lẻ, tiếp nhận các yêu cầu chuyển đổi sản phẩm truyền thống sang sản phẩm số nhằm cải tiến, nâng cao trải nghiệm sản phẩm số (Web, App mobi...).

#### 4.7.2. Khối Doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc Khối Doanh nghiệp bao gồm:

##### a) Trung tâm khách hàng doanh nghiệp lớn

- Xây dựng chiến lược, định hướng liên quan đến hoạt động phát triển và quản lý KHDN lớn.
- Triển khai hoạt động khai thác và phát triển kinh doanh KHDN lớn.
- Hỗ trợ vận hành và tác nghiệp trong triển khai các giải pháp và giao dịch với KHDN lớn.
- Phát triển, quản lý và tối ưu hoạt động khai thác Hệ sinh thái KHDN lớn.

- Phân tích, xây dựng và triển khai giải pháp tài chính chuyên biệt với từng KHDN lớn/Nhóm KHDN lớn.
- Quản trị hiệu suất với đơn vị và lực lượng kinh doanh KHDN lớn.
- Quản trị danh mục và các ngưỡng kiểm soát liên quan đến KHDN lớn.
- Quản trị/cảnh báo chất lượng tín dụng với danh mục thuộc phạm vi phụ trách.

#### b) Trung tâm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

##### ❖ Phòng quản lý kênh bán và danh mục

- Thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- Quản trị hiệu suất với đơn vị và lực lượng kinh doanh KHDN SME.
- Quản trị, hỗ trợ vận hành kinh doanh.
- Quản trị danh mục và các ngưỡng kiểm soát liên quan đến khách hàng doanh nghiệp Vừa và nhỏ.
- Quản trị/cảnh báo chất lượng tín dụng với danh mục thuộc phạm vi phụ trách.

##### ❖ Phòng sản phẩm doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Phát triển mới, cải tiến sản phẩm dịch vụ dành cho KHDN SME và triển khai hoạt động kinh doanh sản phẩm tại kênh bán.
- Quản lý hiệu quả và rủi ro danh mục sản phẩm thuộc phạm vi phụ trách.
- Triển khai công tác hỗ trợ vận hành sản phẩm.

##### ❖ Nhóm phát triển đối tác

- Xây dựng kế hoạch liên kết đối tác gắn liền với mục tiêu gia tăng nền tảng KHDN SME & mở rộng mạng lưới kênh bán, giới thiệu KHDN SME.
- Triển khai nội dung hợp tác và quản lý vận hành.
- Quản trị hiệu quả và giá trị hợp tác.
- Quản trị rủi ro và tuân thủ trong hợp tác.

#### 4.7.3. Khối Thị trường tài chính

Đơn vị trực thuộc Khối Thị trường tài chính bao gồm:

##### ❖ Phòng Kinh doanh vốn

- Tự doanh vốn trên thị trường Liên ngân hàng.
- Phối hợp và hỗ trợ Khối Tài chính điều hòa thanh khoản thực tế trong ngày.
- Tự doanh và mua/ bán (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp) trên thị trường 2.
- Tự doanh và mua/ bán giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính trên thị trường 2.

- Tự doanh và mua bán các sản phẩm phái sinh liên quan đến các sản phẩm thuộc chức năng của Phòng Kinh doanh vốn trên thị trường 2.
- Triển khai thực hiện và quản lý hoạt động góp vốn mua cổ phần theo quy định của pháp luật.
- Cung ứng tất cả các dịch vụ thuộc mảng Dịch vụ ngân hàng đầu tư theo quy định của pháp luật (Investment Banking Service).

❖ **Phòng Định chế tài chính**

- Khai thác, phát triển kinh doanh và duy trì quan hệ hợp tác với các Định chế tài chính trong và ngoài nước.
- Công tác đánh giá, phân tích, xét cấp và quản lý hạn mức giao dịch trên thị trường 2.
- Công tác quan hệ với Ngân hàng Đại lý của Vietbank.
- Nâng cao hình ảnh và thương hiệu Vietbank trên thị trường trong và ngoài nước.
- Lập kế hoạch và triển khai công tác nghiên cứu thị trường tài chính.
- Phát hành Giấy tờ có giá trên thị trường 2 gồm: Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu và các giấy tờ có giá khác của Vietbank.
- Kiểm soát độc lập tất cả các giao dịch của Khối liên quan đến các rủi ro đã nhận biết được (Rủi ro đối tác, rủi ro tín dụng); nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xây dựng các sản phẩm tài chính, bao gồm không giới hạn các loại sản phẩm tài chính thuộc chức năng nghiệp vụ Khối Thị trường tài chính.
- Thực hiện tính toán phân bổ hạn mức rủi ro đối tác và các hạn mức rủi ro liên quan khác cho các nghiệp vụ kinh doanh trong Khối, đảm bảo duy trì tổng hạn mức trong giới hạn cho phép được phân bổ và phối hợp với các Khối/Phòng/Ban nghiệp vụ Hội sở (bao gồm các phòng nghiệp vụ thuộc Khối Tài chính, Khối Quản lý rủi ro, Khối Thẩm định và phê duyệt,...) để đảm bảo duy trì hệ số CAR toàn hàng định kỳ theo quy định

❖ **Phòng Kinh doanh ngoại hối**

- Tự doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh trên thị trường tài chính.
- Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng của TTKD.
- Triển khai Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng của TTKD.
- Triển khai hoạt động kinh doanh Vàng theo quy định của NHNN nói chung và của Vietbank nói riêng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh thuộc chức năng của Phòng.

**4.7.4. Khối Thẩm định và Phê duyệt**

Đơn vị trực thuộc Khối Thẩm định và Phê duyệt bao gồm:

❖ **Phòng Thẩm định bán lẻ**

- Thẩm định tín dụng bán lẻ.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.

❖ **Phòng Thẩm định doanh nghiệp**

- Thẩm định tín dụng doanh nghiệp.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.

❖ **Phòng Phê duyệt tín dụng**

- Phê duyệt tín dụng trong phạm vi mức phân quyết được giao, tham mưu cho cấp phê duyệt tín dụng cao hơn.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.

❖ **Phòng Hỗ trợ và Giám sát phê duyệt**

- Quản lý và phân quyền phân quyết cho các cấp phê duyệt tín dụng.
- Quản lý và phân luồng hồ sơ, tổ chức phiên họp cho các cấp phê duyệt tín dụng.
- Giám sát hoạt động phê duyệt.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.
- Quản lý hiệu suất và nâng cao năng lực.

#### **4.7.5. Khối Vận hành**

Đơn vị trực thuộc Khối Vận hành bao gồm:

❖ **Nhóm Quản trị hiệu suất và cải tiến quy trình**

- Quản trị chất lượng dịch vụ.
- Xây dựng hệ thống đo lường hiệu quả vận hành và chất lượng dịch vụ.
- Đánh giá và tái thiết kế quy trình.
- Triển khai dự án cải tiến, số hóa, tự động hóa vận hành.
- Tiết giảm chi phí và nâng cao năng suất

❖ **Phòng Vận hành dịch vụ khách hàng và ngân quỹ**

- Quản lý ngành dọc về hoạt động Dịch vụ khách hàng (DVKH) tại kênh phân phối.
- Kiểm soát hoạt động DVKH đối với kênh giao dịch tại quầy trên toàn hệ thống.
- Quản lý và triển khai tác nghiệp vận hành DVKH tập trung.
- Quản lý ngành dọc về hoạt động ngân quỹ tại kênh phân phối.
- Kiểm soát hoạt động an toàn kho quỹ trên toàn hệ thống.
- Tổ chức triển khai hoạt động ngân quỹ tập trung.
- Tổ chức triển khai và quản lý chất lượng dịch vụ
- Thu thập, giám sát và đề xuất cải tiến các chỉ số chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng

#### ❖ Trung tâm vận hành tín dụng

- Quản lý ngành dọc về hoạt động vận hành tín dụng tại kênh phân phối.
- Kiểm soát hoạt động vận hành tín dụng trên toàn hệ thống.
- Tổ chức thực hiện thủ tục bảo đảm tiền vay tập trung.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản bảo đảm tại kho tập trung.
- Tổ chức triển khai tác nghiệp vận hành tín dụng tập trung.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Trung tâm.

#### ❖ Phòng Thanh toán

- Quản lý và vận hành tập trung hoạt động thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế.
- Quản lý và vận hành nghiệp vụ thanh toán thông qua các hệ thống thanh toán (Citad, NAPAS, SWIFT, VCB Money và các cổng thanh toán khác theo từng thời kỳ).
- Vận hành tài khoản Vietbank mở tại NHNN, tài khoản Nostro của Vietbank tại các Định chế tài chính trong nước và Tài khoản Vostro của các Định chế tài chính trong nước mở tại Vietbank.
- Tổ chức triển khai, quản lý và tác nghiệp giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính trên thị trường liên ngân hàng.
- Kiểm soát giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính trên thị trường liên ngân hàng.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng

#### ❖ Phòng Vận hành thẻ và ngân hàng số

- Quản lý và vận hành tập trung hoạt động sản xuất, phát hành và giao nhận Thẻ, PIN.
- Tác nghiệp vận hành tập trung thanh quyết toán thẻ; ATM; POS và Ngân hàng số (NHS).
- Quản lý và vận hành giao dịch trên thẻ, ATM, POS và NHS.
- Quản lý và vận hành hoạt động máy ATM, POS.
- Quản lý rủi ro và giám sát, phòng chống gian lận giao dịch thẻ, ATM, POS và NHS.
- Tối ưu hóa trải nghiệm người dùng kênh số.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.

#### 4.7.6. Khối Tài chính

Đơn vị trực thuộc Khối Tài chính bao gồm:

#### ❖ Phòng Tài chính

- Thiết lập, theo dõi và kiểm soát hoạt động sử dụng ngân sách của Ngân hàng.
- Quản trị hiệu quả sử dụng chi phí của Ngân hàng.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và đánh giá việc thực hiện kế hoạch hướng đến kết quả chung của Ngân hàng.

- Tài chính quản trị.
- Quản trị dữ liệu liên quan đến các nghiệp vụ tài chính và quản lý hệ thống báo cáo thống kê theo quy định của NHNN.

#### ❖ Phòng Quản lý Tài sản có và Tài sản nợ

- Điều hành Trạng thái thanh khoản và Hoạch định nguồn vốn: Vận hành và điều tiết trạng thái thanh khoản hàng ngày, hoạch định chiến lược nguồn vốn nhằm đáp ứng các nghĩa vụ tài chính và tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn.
- Thực thi quản lý Rủi ro Lãi suất (IRRBB): Kiến nghị và đề xuất thực thi các biện pháp điều hành cấu trúc Tài sản - Nguồn vốn để quản lý chủ động tác động của biến động lãi suất và tối ưu hóa thu nhập lãi thuần.
- Hoạch định và Tối ưu hóa Cấu trúc Bảng Cân đối kế toán: Điều phối các hoạt động kinh doanh toàn hàng thông qua việc hoạch định cấu trúc Tài sản - Nguồn vốn và công cụ FTP nhằm tối ưu hóa Biên lãi ròng (NIM).
- Tham mưu Tác nghiệp và xây dựng Chiến lược cho Hội đồng ALCO và Hội đồng Quản lý vốn: Là đầu mối thường trực, cung cấp các phân tích, báo cáo tác nghiệp và tham mưu các quyết sách điều hành, chiến lược cho Hội đồng ALCO và Hội đồng Quản lý vốn

#### ❖ Phòng Kế toán nghiệp vụ

- Xây dựng quy định, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ kế toán chi tiêu nội bộ.
- Thực hiện công tác thanh toán, hạch toán chi tiêu nội bộ của Ngân hàng.
- Kiểm soát các khoản phải thu, phải trả liên quan công tác chi tiêu nội bộ

#### ❖ Phòng Kế toán tổng hợp

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn để quản lý công tác tài chính kế toán của Ngân hàng.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kế toán theo quy định.
- Giám sát việc tuân thủ chế độ và chuẩn mực kế toán toàn hệ thống.
- Thực hiện hậu kiểm chứng từ kế toán chi tiêu, hướng dẫn, lưu trữ chứng từ kế toán.

#### 4.7.7. Khối Nhân sự

Đơn vị trực thuộc Khối Nhân sự bao gồm:

##### a) Trung tâm nguồn nhân lực

#### ❖ Phòng Quản lý và Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch nhân sự định kỳ hàng năm.
- Xây dựng qui trình, chính sách liên quan đến công tác nhân sự.
- Phối hợp triển khai các chương trình văn hóa doanh nghiệp và gắn kết tổ chức.
- Xây dựng và vận hành hệ thống quản trị nhân sự toàn diện, gắn đánh giá – phát triển – đãi ngộ với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và nhân tài.

- Đối tác nhân sự (HRBP).
- Thực hiện các dịch vụ nhân sự.
- Thu thập, phân tích dữ liệu và thực hiện các báo cáo quản trị.

#### ❖ Phòng Tuyển dụng

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển thương hiệu tuyển dụng.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng và ngân sách tuyển dụng.
- Phối hợp xây dựng và vận hành quy trình, chính sách tuyển dụng hiệu quả.
- Phát triển và quản lý nguồn dữ liệu ứng viên, đánh giá và lựa chọn nhân sự phù hợp.
- Thực hiện việc phân tích/ đánh giá hiệu quả tuyển dụng.

#### ❖ Phòng Tiền lương và Phúc lợi

- Phối hợp xây dựng, quản trị và vận hành hệ thống lương, thưởng, phúc lợi toàn diện.
- Xây dựng và quản lý quỹ lương từ cấp toàn hàng đến cấp đơn vị.
- Thực hiện tính, chi lương, thưởng và triển khai các chính sách, chương trình phúc lợi đúng, kịp thời.
- Phối hợp xây dựng, quản lý và thực thi chính sách liên quan đến người lao động theo đúng qui định.

### b) Trung tâm đào tạo

#### ❖ Phòng Quản lý và phát triển chương trình

- Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế, định hướng kinh doanh và phát triển nguồn nhân lực của ngân hàng.
- Thiết kế chương trình, giáo trình đào phù hợp với từng đối tượng, rút ngắn thời gian, gia tăng hiệu quả đào tạo.
- Đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo dựa trên kết quả phản hồi, nhu cầu thực tiễn và thông qua các khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên nội bộ chất lượng, hợp tác tốt với đối tác bên ngoài
- Quản lý, lưu trữ toàn tài liệu liên quan đến công tác đào tạo cán bộ nhân viên của ngân hàng.
- Truyền thông hoạt động đào tạo nhằm thu hút và nâng cao văn hóa học tập, thúc đẩy giá trị cốt lõi của ngân hàng.
- Nắm bắt xu hướng thị trường, nghiên cứu ứng dụng công nghệ vào công tác đào tạo (LMS, gamification, microlearning), đa dạng hóa hình thức đào tạo

#### ❖ Phòng Vận hành đào tạo

- Tiếp nhận, quản lý và triển khai các chương trình, hoạt động đến đào tạo; tổ chức, điều phối, triển khai đào tạo kịp thời, hiệu quả từ Phòng Quản lý và Phát triển chương trình..

- Thực hiện các đánh giá sau đào tạo, báo cáo kết quả, đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo hiệu quả đào tạo và cải tiến liên tục.
- Quản lý lộ trình học tập/hồ sơ đào tạo của Học viên.
- Thực hiện công tác hậu cần cho lớp học và công tác hành chính tại Trung tâm Đào tạo.
- Lập dự toán, kiểm soát việc thực hiện đảm bảo hiệu quả, tối ưu hóa chi phí đào tạo.
- Quản lý tài sản, công cụ, dụng cụ Trung tâm đào tạo

#### 4.7.8. Khối Quản lý rủi ro

Đơn vị trực thuộc Khối Quản lý rủi ro bao gồm:

##### ❖ Phòng Quản lý rủi ro vận hành

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro vận hành bao gồm chính sách, quy định, quy trình, phương pháp và công cụ đo lường.
- Xây dựng, triển khai và giám sát chính sách, quy trình và hệ thống phòng chống gian lận, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài chính bất hợp pháp và tuân thủ FATCA.
- Xây dựng, cập nhật các kịch bản bảo đảm hoạt động liên tục (Business Continuity Planning - BCP) trong trường hợp gián đoạn, rủi ro bất thường. Giám sát, kiểm soát thực hiện kế hoạch liên tục cho các phòng ban, đơn vị toàn hệ thống.
- Đầu mối triển khai giám sát việc cập nhật và tuân thủ pháp luật của hệ thống văn bản lập quy tại Vietbank
- Thu thập, lưu trữ thông tin rủi ro vận hành, các vụ việc sau kiểm tra nội bộ và của NHNN.
- Phối hợp thực hiện, theo dõi khắc phục các vụ việc rủi ro, sai sót vận hành theo kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm toán.

##### ❖ Phòng Quản lý rủi ro tín dụng

- Xây dựng và triển khai khung quản lý rủi ro tín dụng (QLRRTD) bao gồm hệ thống chính sách, quy trình, văn bản liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro tín dụng và các mô hình, công cụ, phương pháp nhận diện, đo lường rủi ro tín dụng mới trên thị trường.
- Triển khai giám sát, đánh giá và cảnh báo thực trạng rủi ro tín dụng toàn hệ thống, bao gồm các nguy cơ nợ quá hạn, nợ xấu, mất vốn, thất thu.
- Kiểm soát công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng toàn bộ danh mục tín dụng; Thực hiện báo cáo và vận hành hệ thống báo cáo CIC.
- Đầu mối thực hiện các báo cáo liên quan đến tín dụng cho cơ quan quản lý.
- Xây dựng và triển khai bộ tiêu chí xếp hạng tín dụng nội bộ, chỉ số giám sát rủi ro cho từng danh mục tín dụng.

##### ❖ Phòng Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản

- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro thị trường và rủi ro tập trung đối với giao dịch tự doanh.

- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro thanh khoản và khuyến nghị các phương thức tối ưu hóa bảng cân đối.
- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và khuyến nghị phương thức tối ưu thu nhập lãi.
- Giám sát việc thực hiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ, ngoại hối, đầu tư... theo đúng hạn mức, cảnh báo các sai lệch hoặc rủi ro phát sinh. Đo lường khả năng thanh khoản, phân tích biến động thị trường ảnh hưởng tới dòng tiền của ngân hàng.

#### ❖ Phòng Quản lý rủi ro dữ liệu và công nghệ

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai và giám sát khung quản trị dữ liệu và các rủi ro liên quan đến dữ liệu.
- Xây dựng và triển khai khung quản trị rủi ro mô hình và chịu trách nhiệm giám sát việc sử dụng các mô hình định lượng trong hoạt động ra quyết định có rủi ro tại Vietbank.
- Thực hiện kiểm định các mô hình định lượng rủi ro trọng yếu trước khi phê duyệt theo quy định nội bộ Vietbank.
- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro công nghệ toàn diện bao gồm cả rủi ro tích hợp và rủi ro bên thứ ba.

#### ❖ Phòng Quản lý rủi ro tích hợp

- Xây dựng, triển khai và giám sát các công tác liên quan đến khẩu vị rủi ro và các chỉ số an toàn hoạt động của Vietbank.
- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các công tác liên quan đến nghiệp vụ quản lý rủi ro theo quy chuẩn Basel.
- Triển khai và đầu mối định hướng cải thiện xếp hạng tín nhiệm Vietbank.
- Nhận diện, đánh giá, quản lý các rủi ro mới nổi và tích hợp vào khung quản lý rủi ro toàn hàng.
- Đầu mối tiếp thu, triển khai, giám sát và báo cáo các chỉ đạo của Ủy ban quản lý rủi ro (UBQLRR)/Hội đồng rủi ro (HĐRR).

#### ❖ Phòng Kiểm soát tuân thủ

- Xây dựng và triển khai các quy định, công cụ và công việc liên quan đến công tác kiểm tra việc tuân thủ quy chế, quy trình nghiệp vụ nội bộ và quy định pháp luật liên quan trong hoạt động trên toàn hệ thống.
- Thiết lập và vận hành hệ thống, cơ chế giám sát từ xa liên tục để phát hiện các sai phạm kịp thời và đưa ra cảnh báo tuân thủ, kiến nghị và đề xuất biện pháp phòng ngừa, khắc phục.
- Thực hiện kiểm tra trực tiếp định kỳ, đột xuất việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và các chỉ đạo đối với các đơn vị trong hệ thống.
- Đầu mối xây dựng, triển khai các quy định, quy trình và công việc liên quan đến công tác Phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm.

- Đầu mỗi tổ chức triển khai công tác rà soát, khắc phục và chuẩn bị đối với các đợt thanh/ kiểm tra của Ngân hàng nước các cấp đối với hoạt động của Vietbank.
- Đầu mỗi báo cáo, phối hợp với Ban Kiểm toán nội bộ và các bên liên quan trong công tác báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng.

#### 4.7.9. Khối Công nghệ thông tin

Đơn vị trực thuộc Khối Công nghệ thông tin bao gồm:

##### a) Nhóm Phân tích nghiệp vụ và Quản lý dự án

- Phân tích nghiệp vụ ngân hàng lõi.
- Phân tích nghiệp vụ ngân hàng mở và tích hợp.
- Phân tích ứng dụng quản trị và các ứng dụng số hóa quy trình.
- Phối hợp kiểm thử và chuyển giao phần mềm.
- Quản lý các dự án công nghệ thông tin.

##### b) Trung tâm Dịch vụ ứng dụng

###### ❖ Phòng Phát triển ứng dụng

- Phát triển ngân hàng lõi:
  - + Nghiên cứu, xây dựng, phát triển giải pháp và dịch vụ liên quan đến hệ thống Corebanking đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ và định hướng chiến lược số hóa của Ngân hàng.
  - + Triển khai tích hợp, phát triển API và các dịch vụ tích hợp để kết nối với các ứng dụng, hệ thống khác trong và ngoài ngân hàng.
  - + Quản lý phát triển phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao đảm bảo hệ thống luôn vận hành ổn định – linh hoạt – bảo mật – sẵn sàng mở rộng.
- Phát triển ngân hàng mở và tích hợp:
  - + Phát triển và mở rộng ứng dụng dịch vụ Thẻ và Ngân hàng số.
  - + Triển khai, quản lý nền tảng tích hợp và ngân hàng mở (Open Banking).
  - + Quản lý phát triển phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao đảm bảo hệ thống luôn vận hành ổn định – linh hoạt – bảo mật – sẵn sàng mở rộng.
- Phát triển ứng nội bộ:
  - + Nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng quản trị nội bộ Ngân hàng
  - + Thiết kế và tối ưu trải nghiệm người dùng (UI/UX).
  - + Quản lý phát triển phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao đảm bảo hệ thống luôn vận hành ổn định – linh hoạt – bảo mật – sẵn sàng mở rộng.

###### ❖ Phòng Vận hành ứng dụng

- Vận hành ngân hàng lõi:
  - + Quản lý, vận hành và đảm bảo hệ thống Corebanking vận hành liên tục.

- + Thiết lập tham số, phân quyền và hỗ trợ nghiệp vụ, hỗ trợ điều tra xử lý sự cố hệ thống.
  - + Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và phối hợp phân tích yêu cầu nghiệp vụ phát triển tính năng mới liên quan đến hệ thống Corebanking.
  - Vận hành ngân hàng mở và tích hợp:
    - + Vận hành Core Thê: Quản lý, giám sát và vận hành hệ thống Core Thê, hỗ trợ xử lý nghiệp vụ hàng ngày (phát hành, cá thể hóa, thanh toán, đối soát, tra soát), phối hợp đối tác và tổ chức thẻ (Visa, MasterCard, Napas...) đảm bảo tuân thủ PCI-DSS, an toàn và thông suốt giao dịch.
    - + Vận hành Ngân hàng số: Quản trị, vận hành và nâng cấp các dịch vụ Mobile Banking, Internet Banking, OmniChannel, ví điện tử, hỗ trợ nghiệp vụ, xử lý sự cố, cải tiến tính năng, đảm bảo trải nghiệm khách hàng trực tuyến ổn định.
    - + Vận hành Open Banking & dịch vụ kết nối: Quản lý và kiểm soát kết nối hệ thống tích hợp nội bộ và đối tác, triển khai cấu hình bảo mật, xây dựng chính sách phân quyền, định kỳ rà soát – nâng cấp, đảm bảo giao dịch an toàn và tuân thủ.
  - Vận hành ứng dụng nội bộ:
    - + Quản lý và vận hành ứng dụng quản trị nội bộ đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.
    - + Giám sát, nâng cấp và bảo trì hệ thống đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển.
    - + Thiết lập tham số, phân quyền và hỗ trợ nghiệp vụ, hỗ trợ điều tra xử lý sự cố hệ thống.
  - Vận hành Middleware và Cơ sở dữ liệu:
    - + Quản trị và vận hành nền tảng Middleware.
    - + Bảo mật, dự phòng và tối ưu hệ thống.
    - + Quản lý, vận hành và bảo mật hệ thống CSDL.
    - + Xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện đồng bộ và cấp phát dữ liệu.
    - + Xây dựng quy trình vận hành CSDL và phối hợp hỗ trợ xử lý sự cố.
  - Quản lý dịch vụ công nghệ thông tin:
    - + Quản lý và cung cấp dịch vụ CNTT.
    - + Giám sát và cải tiến chất lượng dịch vụ.
- c) Phòng Vận hành hạ tầng**
- Vận hành máy chủ, nền tảng đáp ứng nhu cầu phát triển và chuyển đổi số của ngân hàng:
    - + Quản lý & Vận hành hạ tầng CNTT (Server, Storage, DC/DR).
    - + Cài đặt, sao lưu và phục hồi hạ tầng CNTT.
  - Vận hành hệ thống mạng:
    - + Quản lý và vận hành hạ tầng mạng.

- + Bảo trì, sao lưu cấu hình và quản lý thiết bị mạng.
- Vận hành dịch vụ hạ tầng công nghệ và giám sát hệ thống tập trung:
  - + Vận hành dịch vụ hạ tầng CNTT đảm bảo cam kết chất lượng dịch vụ (SLA).
  - + Quản lý và giám sát hạ tầng CNTT tập trung.

**d) Phòng Dịch vụ dữ liệu**

- Quản trị dữ liệu:
  - + Xây dựng nền tảng công nghệ quản trị dữ liệu và triển khai khung dữ liệu toàn hàng.
  - + Triển khai quản lý chất lượng dữ liệu trên toàn hàng.
  - + Triển khai quản lý Siêu dữ liệu (Metadata).
  - + Triển khai các công tác đào tạo và truyền thông nhằm thúc đẩy việc thay đổi nhận thức về dữ liệu và thiết lập văn hóa quản trị dữ liệu trên toàn hàng.
- Kiến trúc và tích hợp dữ liệu:
  - + Xây dựng, thiết kế kiến trúc, chiến lược dữ liệu cho Ngân hàng.
  - + Triển khai nền tảng dữ liệu (data platform).
  - + Thực hiện trích xuất, kết nối, tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn.
  - + Tích hợp và chia sẻ dữ liệu nội bộ và đối tác bên ngoài.
- Phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI/ML):
  - + Triển khai công cụ phân tích dữ liệu chuyên sâu AI/ML.
  - + Phân tích dữ liệu phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh.
- Khai thác dữ liệu và xây dựng báo cáo:
  - + Thực hiện tổng hợp, khai thác dữ liệu phục vụ nhu cầu xây dựng báo cáo hoạt động vận hành, kiểm soát rủi ro – tuân thủ, và báo cáo NHNN, cơ quan có thẩm quyền.
  - + Thực hiện xây dựng Dashboard báo cáo quản trị điều hành.

**e) Phòng Quản lý tuân thủ và An toàn thông tin**

- Xây dựng chính sách, quy chế, quy định, quy trình và hướng dẫn về an toàn thông tin cho toàn hệ thống Vietbank.
- Thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ nội bộ, đánh giá rủi ro và quản lý thay đổi CNTT theo định kỳ và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Tiếp nhận xử lý công văn, tổng hợp báo cáo thuộc Khối CNTT.
- Vận hành hệ thống an ninh mạng, giám sát, ứng cứu và đánh giá an toàn thông tin.
- Đánh giá, kiểm thử bảo mật hệ thống thông tin.

**4.7.10. Trung tâm Định giá**

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Định giá bao gồm:

**❖ Phòng Định giá tài sản**

- Thực hiện công tác thẩm định giá tài sản.

- Thực hiện thu thập thông tin để xây dựng khung giá thị trường.

#### ❖ Phòng Chính sách và Vận hành

- Xây dựng, quản lý và cập nhật các chính sách, quy định, hướng dẫn liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá tài sản bảo đảm (bao gồm bất động sản, động sản, tài sản chuyên biệt khác) trong toàn hệ thống Vietbank.
- Tổ chức, triển khai đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và hướng dẫn sử dụng phần mềm định giá.
- Quản trị chất lượng quy trình
- Quản trị cơ sở dữ liệu giá.
- Quản trị và vận hành phần mềm định giá..

#### ❖ Phòng Kiểm soát chất lượng

- Thực hiện soát xét hồ sơ thẩm định giá theo phân luồng.
- Thực hiện kiểm soát chất lượng Thông báo Kết quả định giá.
- Thực hiện kiểm soát sau Thông báo Kết quả định giá/ hồ sơ thẩm định giá .
- Thực hiện xem xét giá theo phân luồng.
- Đầu mối đề xuất các đối tác bên ngoài để thực hiện chức năng thẩm định giá tài sản.

#### 4.7.11. Trung tâm Xử lý nợ

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Xử lý nợ bao gồm:

#### ❖ Nhóm Quản lý và Thúc đẩy thu hồi nợ

- Quản lý, thúc đẩy tiến độ thu hồi nợ.

#### ❖ Phòng Xử lý nợ

- Thực hiện công tác đôn đốc, đề xuất và triển khai các giải pháp phù hợp để xử lý và thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác khởi kiện, phối hợp thi hành án để xử lý, thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác xử lý Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.
- Đầu mối tiếp nhận đề xuất, trình phê duyệt và triển khai các hoạt động hỗ trợ vận hành xử lý nợ..

#### ❖ Phòng Quản lý nợ

- Quản lý danh mục nợ quá hạn, nợ xấu.
- Xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản nội bộ trong nghiệp vụ xử lý nợ.
- Quản lý và thu hồi nợ sớm.
- Vận hành công tác nhắc nợ, thu hồi nợ qua điện thoại (Call).

#### 4.7.12. Trung tâm Dịch vụ khách hàng

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Dịch vụ khách hàng bao gồm:

**❖ Bộ phận xử lý**

- Tiếp nhận và Hỗ trợ khách hàng 24/7.
- Tư vấn và Giải đáp khách hàng.
- Bán chéo và Giới thiệu sản phẩm dịch vụ.
- Xử lý nghiệp vụ và Hỗ trợ giao dịch.
- Chuyển tuyến và Phối hợp liên đơn vị.
- Xây dựng và Cải tiến kịch bản xử lý.
- Xử lý các nghiệp vụ chuyên sâu và các tình huống khẩn cấp.

**❖ Bộ phận Chăm sóc Khách hàng**

- Triển khai hoạt động bán hàng qua tổng đài (Telesale).
- Thực hiện chăm sóc khách hàng sau bán.
- Thực hiện khảo sát qua điện thoại theo đề xuất của các đơn vị.
- Xây dựng, cập nhật và cải tiến kịch bản bán hàng – chăm sóc – khảo sát.

**❖ Bộ phận Giám sát**

- Quản lý và vận hành tổng đài đa kênh.
- Nâng cao năng lực tổng đài viên.
- Phân tích dữ liệu và cải tiến hệ thống.
- Giám sát và tối ưu hiệu suất hệ thống tổng đài.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung.

**4.7.13. Trung tâm Dịch vụ nội bộ****❖ Phòng Quản lý và Phát triển mạng lưới**

- Lập kế hoạch và triển khai, giám sát ngân sách thuê trụ sở, cải tạo, sửa chữa, bảo trì trụ sở và ngân sách bảo vệ, phòng cháy chữa cháy (PCCC) toàn hệ thống.
- Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thiết kế, lập dự toán, giám sát, nghiệm thu công trình xây mới, cải tạo sửa chữa trụ sở. Thực hiện xin phép xây dựng, thẩm định phòng cháy chữa cháy, hoàn công công trình. Giám sát bảo trì hệ thống điện nhẹ trên toàn hệ thống. Kiểm tra cơ sở vật chất, thực hiện sửa chữa nhỏ các TTKD tại TP.HCM và Hà Nội.
- Công tác Phát triển mạng lưới: Xây dựng, triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới (mở mới, di dời, thuê mặt bằng, đàm phán gia hạn hợp đồng thuê trụ) trên toàn hệ thống, tiêu chí lựa chọn trụ sở TTKD, điều khoản mẫu của hợp đồng thuê.
- Công tác An toàn an ninh: Quản lý công tác an toàn an ninh, kiểm tra/giám sát dịch vụ bảo vệ, đề xuất tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ bảo vệ, tập huấn, truyền thông an toàn PCCC tại Hội sở và các TTKD. Vận hành, trích xuất dữ liệu của camera theo quy định.

#### ❖ Phòng Hành chính quản trị

- Xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm về hành chính; ngân sách đầu tư tài sản cố định, công cụ dụng cụ, toàn hệ thống.
- Xây dựng và triển khai các chính sách liên quan đến chức năng của phòng, đảm bảo sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng.
- Triển khai, giám sát công tác lễ tân khánh tiết, công tác hậu cần phục vụ đối nội, đối ngoại và các sự kiện cấp Ngân hàng.
- Triển khai, giám sát các công tác hành chính quản trị tại Hội sở và hướng dẫn, giám sát công tác hành chính toàn hệ thống.
- Công tác Quản lý tài sản: Triển khai, giám sát các công tác cấp phát, điều chuyển, kiểm kê, thanh lý tài sản/công cụ dụng cụ. Quản lý, khai thác tài sản là bất động sản thuộc sở hữu của Ngân hàng.
- Công tác Mua sắm – Quản lý hợp đồng: Triển khai, giám sát công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ và xây dựng cơ bản và quản lý hợp đồng, quản lý thực hiện thanh toán hợp đồng theo quy định.
- Nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác hành chính, mua sắm và quản lý tài sản toàn hệ thống.

#### 4.7.14. Trung tâm Marketing

##### a) Phòng Tiếp thị và Trải nghiệm khách hàng

- Triển khai công tác đánh giá sự hài lòng của khách hàng về trải nghiệm sản phẩm dịch vụ ngân hàng.
- Tư vấn các giải pháp Marketing hướng đến khách hàng mục tiêu cho các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp khách hàng mục tiêu.
- Xây dựng chiến lược Marketing tiếp thị các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đến khách hàng mục tiêu.
- Phối hợp với các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, chương trình khách hàng thân thiết.
- Tổ chức hoạt động Marketing kỹ thuật số trên toàn hệ thống.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing.
- Xây dựng các chính sách, quy chuẩn, quy trình Marketing.

##### b) Phòng Truyền thông và Thương hiệu

- Xây dựng quy định, tổ chức và quản lý công tác phát ngôn chính thức của Vietbank.
- Quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan thống tấn báo chí, truyền hình, phát thanh,...

- Xây dựng, cập nhật quy định xử lý khủng hoảng thông tin và tham gia xuyên suốt trong quá trình xử lý khủng hoảng thông tin.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối nội và tham gia vào tiến trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho Vietbank.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch quảng cáo của Vietbank trên mọi kênh tương tác.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các sự kiện cấp ngân hàng của Vietbank.
- Xây dựng và triển khai các nội dung truyền thông, kiểm soát và xử lý thông tin/sự cố/khủng hoảng truyền thông.
- Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu của Vietbank.
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu Vietbank trên toàn hệ thống và tại mọi điểm tiếp xúc với khách hàng.
- Thiết kế hình ảnh, thương hiệu Vietbank.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1. Danh sách Công ty mẹ của Vietbank, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vietbank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm đăng ký niêm yết**

Không có

**5.2. Danh sách Công ty con của Vietbank, những công ty mà Vietbank nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm đăng ký niêm yết**

STT	Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 15/03/2026
1	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	100%	100%	100%

*Nguồn: Vietbank*

❖ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín

Tên đầy đủ:	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín		
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310898270 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03/4/2025		
Địa chỉ:	90 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Vốn điều lệ đăng ký:	200.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)		
Vốn điều lệ thực góp:	200.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)		
Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại ngày 15/03/2026:	100%		
Hoạt động kinh doanh:	Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn; cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp; Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật; Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay; Mua, bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.		
Kết quả hoạt động kinh doanh	Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín		
	<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>		
	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2025</b>
	Tổng tài sản	4.705	205.293
	Vốn chủ sở hữu	4.046	203.669
	Doanh thu thuần	5.770	8.317
	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	3.845	4.780

	vụ		
	Doanh thu hoạt động tài chính	64	5.425
	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33	5.825
	Lợi nhuận trước thuế	32	5.825
	Lợi nhuận sau thuế	32	4.623

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Ngân hàng chưa thực hiện giảm vốn điều lệ. Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

Bảng 2: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Vietbank

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	12/2006	0	200.000.000.000	200.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ cho một số nhà đầu tư bên ngoài: - Số lượng phát hành: 200.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	- Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 v/v khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm - Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 v/v cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Không có
2	24/04/2007	200.000.000.000	500.000.000.000	300.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 300.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	- Văn bản chấp thuận số 46/NHNN-STR2 ngày 20/3/2007 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có
3	30/12/2008	500.000.000.000	1.000.000.000.000	500.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ	- Văn bản chấp thuận số 317/NHNN-STR2 ngày 29/12/2008 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					đồng - Số lượng phát hành: 500.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu		
4	30/12/2010	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 2.000.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	-Văn bản chấp thuận số 7135/NHNN-TTGSNH ngày 21/9/2010 của NHNN.	Không có
5	31/12/2016	3.000.000.000.000	3.249.000.000.000	249.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 249.000 cổ phiếu - Giá phát hành:	-Văn bản chấp thuận số 9938/NHNN-TTGSNH ngày 28/12/2016 của NHNN.	Không có

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					1.000.000 đồng/cổ phiếu		
6	2018-2019	3.249.000.000.000	4.190.199.040.000	941.199.040.000	<p>Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên Vietbank theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Trong đó, Vietbank đã phát hành cho tổng cộng 225 cổ đông, trong đó 52 Cổ đông hiện hữu, 173 Cổ đông ESOP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng phát hành: 94.119.904 cổ phiếu</li> <li>Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</li> </ul>	<p>Công văn số 6487/NHNN-TTGSNH ngày 28/08/2018;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 61/GCN-UBCK ngày 25/10/2018 của UBCKNN cấp cho VB v/v đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.</p> <p>Công văn số 8460/UBCK – QLCB ngày 26/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.</p> <p>Công văn số 1406/NHNN-TTGSNH ngày 07/03/2019.</p> <p>Công văn số 1760/UBCK – QLCB ngày 20/03/2019 của UBCKNN v/v xử lý cổ phiếu phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.</p>	Không có
7	2021	4.190.199.040.000	4.776.826.690.000	586.627.650.000	Hình thức tăng vốn:	Công văn số 2074/NHNN-	Không có

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 58.662.765 cổ phiếu	<p>TTGSNH ngày 30/03/2021 về việc chấp thuận việc tăng vốn điều lệ thêm 586.627.856.600 đồng của Vietbank;</p> <p>Công văn số 2339/UBCK-QLCB ngày 26/5/2021 về việc thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 của Vietbank.</p> <p>Công văn số 3138/UBCK – QLCB ngày 25/6/2021 về việc Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.</p> <p>Quyết định 1495/QĐ- NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn Điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.</p>	
8	2024	4.776.826.690.000	5.711.532.700.000	934.706.010.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông	Văn bản số 4592/NHNN- TTGSNH ngày 05/7/2022 chấp thuận tăng vốn điều lệ	Nội dung chi tiết được trình

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					<p>hiện hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng phát hành: 93.470.601 cổ phiếu</li> <li>Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</li> </ul>	<p>của Vietbank năm 2022.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu số 437-GCN-UBCK ngày 19/12/2023 của UBCKNN.</p> <p>Quyết định chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số 229/2024 ngày 26/02/2024 của UBCKNN.</p> <p>Công văn số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/4/2024 về việc UBCKNN nhận được tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 1561/2024/BC-VB ngày 16/04/2024 của Vietbank.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 34/2018/GCNCP-VSD-04 ngày 03/5/2024.</p> <p>Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày</p>	<p>này tại phần Ghi chú i) phía dưới bảng này</p>

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Vietbank, Quyết định số 1900/QĐ-NHNN ngày 12/9/2024 về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank.	
9	2024	5.711.532.700.000	7.139.413.290.000	1.427.880.590.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 142.788.059 cổ phiếu	Văn bản số 8520/NHNN-TTGSNNH ngày 17/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v tăng vốn điều lệ của Vietbank. - Văn bản số 7695/UBCK-QLCB ngày 14/11/2024 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của Vietbank. - Văn bản số 8403/UBCK-QLCB ngày 11/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Vietbank.	Không có

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Vietbank</li> <li>Quyết định số 2758/QĐ-NHNN ngày 25/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank.</li> </ul>	
10	2025	7.139.413.290.000	8.210.319.700.000	1.070.906.410.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ - Số lượng phát hành: 107.090.641 cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công văn số 4425/NHNN-QLGS ngày 03/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận việc Vietbank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 3.780.319.330.000 đồng.</li> <li>Văn bản số 2481/UBCK-QLCB ngày 16/6/2025 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Vietbank.Văn bản</li> </ul>	Không có

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<p>số 1233/TB-CN VSDC ngày 18/6/2025 v/v ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán.</p> <p>- Văn bản số 3273/UBCK-QLCB ngày 09/07/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VBB.</p> <p>- Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Vietbank,</p> <p>- Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank.</p>	

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
11	2025 - 2026	8.210.319.700.000	10.768.973.840.000	2.558.654.140.000	<p>Hình thức tăng vốn:</p> <p>Phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu:</p> <p>Số lượng phát hành: 255.865.414 cổ phiếu</p>	<p>Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2025.</p> <p>Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.</p> <p>Văn bản số 4425/NHNN-QLGS ngày 03/06/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tăng vốn Điều lệ của Vietbank.</p> <p>Nghị quyết số 107/2025/NQ-HĐQT ngày 10/07/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Vietbank.</p>	<p>Nội dung chi tiết được trình này tại phần Ghi chú ii) phía dưới bảng này</p>

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 331/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/09/2025.</li> <li>Nghị quyết số 203/2025/NQ-HĐQT ngày 25/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết, kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu.</li> <li>Báo cáo số 113/2025/BC-VB của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ngày 25/12/2025 báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công</li> </ul>	

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						chúng. - Văn bản số 9314/UBCK-QLCB ngày 26/12/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tải liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của VBB. - Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank.	

**Ghi chú:**

- i). Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với đợt tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024:
- Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần: Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn cổ phần của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 1/1/2024 đến ngày 5/6/2024.
  - Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý trên

các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu – thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

ii). Ý kiến của đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY đối với đợt tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025:

- Theo ý kiến của chúng tôi, các thông tin tài chính trình bày trong Báo cáo tình hình tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 cho giai đoạn từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/12/2025 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ và phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

**7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại các doanh nghiệp khác**

Không có

**8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**

**8.1. Cổ phiếu phổ thông**

**Bảng 3: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Vietbank tại ngày 29/04/2026**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.924</b>	<b>1.076.684.679</b>	<b>99,98%</b>
1	Cổ đông tổ chức	21	685.827.858	63,69%
2	Cổ đông cá nhân	1.903	390.856.821	36,29%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>21</b>	<b>212.705</b>	<b>0,02%</b>
1	Cổ đông tổ chức	1	66	0,00%
2	Cổ đông cá nhân	20	212.639	0,02%
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.945</b>	<b>1.076.897.384</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Vietbank

**8.2. Cổ phiếu ưu đãi**

Không có

**8.3. Các loại chứng khoán khác**

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, Vietbank còn các loại chứng khoán khác đang lưu hành.

- Tính đến thời điểm Quý 1/2026, khối lượng trái phiếu ra công chúng đang lưu hành là: 2.378.000.000.000 đồng.
- Tính đến thời điểm Quý 1/2026, khối lượng trái phiếu riêng lẻ đang lưu hành là: 2.729.300.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết trái phiếu đang lưu hành tại Vietbank cụ thể như sau:

**Bảng 4: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại Vietbank**

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
---------------	-----------------	----------------------	----------	----------------	--------	----------------------------

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBBL2128002	Riêng lẻ	125.300	5 năm đầu: 7,8% 2 năm cuối: 8,83%	29/9/2021	7 năm	Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi Kỳ Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông
VBBL2128003	Riêng lẻ	100.200	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	29/10/2021	7 năm	
VBBL2128005	Riêng lẻ	3.500	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	26/11/2021	7 năm	
VBBL2128010	Riêng lẻ	300	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	28/12/2021	7 năm	
VBB123034	Công chúng	1.378.000	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	30/06/2023	7 năm	
VBB124001	Công chúng	1.000.000	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	27/03/2024	7 năm	Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBB12501	Riêng lẻ	1.000.000	Kỳ tính lãi đầu tiên: lãi suất: 7,4%/năm Kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm	30/12/2025	7 năm	thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân.
VBB12502	Riêng lẻ	1.500.000	Lãi suất trái phiếu thả nổi: Lãi suất tham chiếu + 3%/năm	30/12/2025	7 năm	

Nguồn: Vietbank

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2025/NĐ-CP ngày 18/03/2025 sửa đổi Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19/5/2025. Theo đó, căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 1 Nghị định 69/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài thì Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại (6) và (7) hoặc trong thời gian thực hiện quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định 01/2014/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 69/2025/NĐ-CP).

Căn cứ theo công văn số 2294/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 25/05/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo quy định pháp luật: **tối đa 30% vốn điều lệ.**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Ngân hàng (nếu có): Không quy định.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại thời điểm ngày 29/04/2026: 0,02%.

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 10.1.1. Loại sản phẩm và dịch vụ

Vietbank thuộc loại hình NHTM theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý trực tiếp của NHNN. Cũng như các NHTM khác, Vietbank đã và đang kinh doanh các nghiệp vụ huy động vốn,

dịch vụ cho vay, hoạt động đầu tư và các dịch vụ khác dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu quả.

**Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.721.857	91,56%	11.980.393	95,74%	23,23%	3.290.466	95,11%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	231.629	2,18%	262.118	2,09%	13,16%	38.970	1,13%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	1,69%	204.421	1,63%	13,83%	122.733	3,55%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	21.212	0,20%	60.085	0,48%	183,26%	7.487	0,22%
Thu nhập từ hoạt động khác	463.620	4,37%	6.520	0,05%	-98,59%	162	0,00%
<b>Tổng</b>	<b>10.617.906</b>	<b>100,00%</b>	<b>12.513.537</b>	<b>100,00%</b>	<b>17,85%</b>	<b>3.459.818</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Q1.2026*

Nhìn chung hoạt động kinh doanh của Vietbank theo BCTC hợp nhất được kiểm toán tiếp tục phát triển ổn định. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Vietbank phản ánh đặc thù của một ngân hàng thương mại đang trong giai đoạn mở rộng quy mô, trong đó thu nhập lãi vẫn là động lực cốt lõi. Năm 2025, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo trong tổng doanh thu, đồng thời thu nhập từ dịch vụ, ngoại hối và mua bán chứng khoán đầu tư đều ghi nhận tăng trưởng tích cực. Điều này cho thấy bên cạnh nguồn thu truyền thống từ tín dụng, Vietbank đang từng bước mở rộng các nguồn thu ngoài lãi nhằm đa dạng hóa cơ cấu thu nhập và nâng cao khả năng chống chịu trước biến động của chu kỳ lãi suất.

Đối với thu nhập từ hoạt động khác, mức giảm trong năm 2025 cần được nhìn nhận trong bối cảnh năm 2024 có phát sinh khoản thu đáng kể từ thu hồi các khoản nợ đã xử lý rủi ro và khoản thu này có tính chất không thường xuyên. Vì vậy, cơ cấu thu nhập năm 2025 đã phản ánh rõ hơn vai trò của các nguồn thu cốt lõi và bền vững trong hoạt động kinh doanh của Vietbank.

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1.2026 của Vietbank nằm trong xu hướng chung mang tính thời vụ và đặc thù kinh doanh của ngân hàng thương mại. Tổng doanh thu hợp nhất của Vietbank Quý 1/2026 tăng trưởng 21,31% % so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 3.460 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn chiếm trọng số chi phối với hơn 95,11% cho thấy sự ổn định trong cơ cấu doanh thu hoạt động của ngân hàng.

**Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.721.857	91,56%	11.980.393	95,73%	23,23%	3.290.466	95,11%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	231.629	2,18%	262.118	2,09%	13,16%	38.971	1,13%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	1,69%	204.421	1,63%	13,83%	122.733	3,55%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	21.212	0,20%	60.085	0,48%	183,26%	7.487	0,22%
Thu nhập từ hoạt động khác	463.620	4,37%	7.395	0,06%	-98,40%	162	0,00%
<b>Tổng</b>	<b>10.617.906</b>	<b>100,00%</b>	<b>12.514.412</b>	<b>100,00%</b>	<b>17,86%</b>	<b>3.459.819</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Q1.2026*

Tổng thu nhập của Vietbank năm 2025 đạt 12.514 tỷ đồng, tăng 17,86% so với năm 2024, cho thấy quy mô hoạt động tiếp tục mở rộng và khả năng tạo thu nhập được cải thiện rõ nét. Động lực chính đến từ thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự, đạt 11.980 tỷ đồng, tăng 23,23% so với năm trước. Tỷ trọng thu nhập lãi cũng tăng từ 91,56% lên 95,73%, khẳng định vai trò chủ đạo của hoạt động tín dụng và các tài sản sinh lãi trong cơ cấu thu nhập của Vietbank.

Bên cạnh nguồn thu cốt lõi từ lãi, các mảng thu nhập ngoài lãi cũng ghi nhận tín hiệu tích cực. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 13,16%, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối tăng 13,83%, trong khi thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư tăng mạnh 183,26%. Dù tỷ trọng các nguồn thu này

còn khiêm tốn, xu hướng tăng trưởng cho thấy Vietbank đang từng bước gia tăng các nguồn thu ngoài lãi.

**Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%tăng/ giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi thuần	2.811.573	80,30%	3.326.580	91,83%	18,32%	<b>768.097</b>	<b>95,27%</b>
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	136.726	3,90%	160.433	4,43%	17,34%	21.650	2,69%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	80.215	2,29%	89.745	2,48%	11,88%	15.712	1,95%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	19.009	0,54%	51.029	1,41%	168,45%	991	0,12%
Lãi thuần từ hoạt động khác	453.840	12,96%	(5.235)	-0,14%	101,15%	(258)	-0,03%
<b>Tổng</b>	<b>3.501.363</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.622.552</b>	<b>100,00%</b>	<b>3,46%</b>	<b>806.192</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Quý 1/2026*

Năm 2025, tổng thu nhập hoạt động của Vietbank đạt 3.622,6 tỷ đồng, tăng 3,46% so với năm 2024. Mức tăng không quá cao nhưng có chất lượng tích cực hơn, khi cơ cấu thu nhập dịch chuyển rõ về nguồn thu cốt lõi là thu nhập lãi thuần. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 3.326,6 tỷ đồng, tăng 18,32%, đồng thời tỷ trọng tăng mạnh từ 80,30% lên 91,83% tổng thu nhập hoạt động. Điều này cho thấy hoạt động tín dụng và tài sản sinh lãi tiếp tục là nền tảng chính tạo thu nhập cho Vietbank.

Các nguồn thu ngoài lãi cũng ghi nhận tín hiệu tích cực. Lãi thuần từ dịch vụ tăng 17,34%, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối tăng 11,88%, trong khi lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư tăng mạnh 168,45%. Dù quy mô đóng góp còn khiêm tốn, đây là điểm sáng cho thấy Vietbank đang từng bước mở rộng các nguồn thu ngoài lãi.

Trong Quý 1/2026, tổng thu nhập hoạt động đạt 806,2 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi thuần tiếp tục chiếm tỷ trọng cao 95,27%, phản ánh tính ổn định của nguồn thu chính. Thu nhập khác giảm mạnh trong năm 2025, tuy nhiên đây không phải nguồn thu cốt lõi nên không làm thay đổi xu hướng tích cực chung.

**Bảng 8: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.811.510	80,43%	3.319.419	92,00%	18,07%	765.676	95,26%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	130.955	3,75%	152.116	4,22%	16,16%	21.651	2,69%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	80.215	2,29%	89.745	2,49%	11,88%	15.712	1,95%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	19.009	0,54%	51.029	1,41%	168,45%	991	0,12%
Lãi thuần từ hoạt động khác	453.840	12,98%	(4.360)	-0,12%	100,96%	(258)	-0,03%
<b>Tổng</b>	<b>3.495.529</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.607.949</b>	<b>100,00%</b>	<b>3,22%</b>	<b>803.772</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*

Năm 2025, tổng thu nhập hoạt động của Vietbank đạt 3.608 tỷ đồng, tăng 3,22% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này được hỗ trợ chủ yếu bởi sự cải thiện rõ nét của thu nhập lãi thuần, đạt 3.319 tỷ đồng, tăng 18,07% và chiếm 92,00% tổng thu nhập hoạt động, cao hơn đáng kể so với mức 80,43% của năm 2024. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục là nền tảng ổn định và đóng vai trò chủ đạo trong khả năng tạo thu nhập của Vietbank.

Các nguồn thu ngoài lãi cũng ghi nhận tín hiệu tích cực, với lãi thuần từ dịch vụ tăng 16,16%, kinh doanh ngoại hối tăng 11,88% và mua bán chứng khoán đầu tư tăng mạnh 168,45%. Trong Q1/2026, thu nhập lãi thuần tiếp tục chiếm tỷ trọng cao 95,26%, phản ánh tính ổn định của nguồn thu chính. Thu nhập khác giảm mạnh nhưng không phải nguồn thu cốt lõi, nên không làm thay đổi xu hướng tích cực chung.

#### **10.1.2. Huy động vốn**

Huy động vốn là nghiệp vụ Ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của Vietbank tăng trưởng qua các năm. Tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của Vietbank đến ngày 31/12/2024 đạt 151 nghìn tỷ đồng, đến ngày 31/12/2025 đạt 181 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 19,84% so với năm 2024. Mặc dù tiền gửi của khách hàng vẫn là nguồn vốn chính của Vietbank, trong năm 2025 Vietbank đã gia tăng tỷ trọng các nguồn huy

động vốn khác.

Cụ thể, tỷ trọng vốn huy động từ tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác của năm 2024 là 25,41%, tăng lên 28,50% năm 2025 (tương ứng mức tăng 34,41% so với cùng kỳ năm 2024) và tỷ trọng vốn từ phát hành giấy tờ có giá là 13,05%, tăng 33,75% so với năm 2024 và đạt 23,6 nghìn tỷ đồng. Giấy tờ có giá (bao gồm chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm và trên 05 năm và trái phiếu có kỳ hạn trên 05 năm. Việc phát hành giấy tờ có giá không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Vietbank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng.

Cơ cấu huy động vốn đa dạng, linh hoạt cân đối, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh trên toàn hệ thống của Vietbank nhưng vẫn tuân thủ các quy định của NHNN theo từng thời kỳ. Xét về cơ cấu huy động vốn tại 31/12/2024, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG lần lượt chiếm tỷ trọng 62,74%; 25,41% và 11,70%. Xét về cơ cấu huy động vốn tại 31/12/2025, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG lần lượt chiếm tỷ trọng là 56%, 28,5% và 13,05%.

Vietbank chủ động trong công tác nguồn vốn, khai thác nguồn vốn dồi dào cả VND và ngoại tệ với chi phí hợp lý. Huy động vốn bằng VND luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động của Vietbank.

**Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của Vietbank (hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		% tăng/ giảm	Tại 31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>I. Loại vốn huy động</b>							
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	222.891	0,15%	4.415.355	2,44%	1880,95 %	4.050.211	2,32%
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	38.416.167	25,41%	51.633.361	28,50%	34,41%	47.958.123	27,50%
Tiền gửi của khách hàng	94.841.470	62,74%	101.449.573	56,01%	6,97%	96.521.453	55,35%
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	11,70%	23.645.110	13,05%	33,75%	25.842.140	14,82%
<b>Tổng</b>	<b>151.158.788</b>	<b>100,00%</b>	<b>181.143.399</b>	<b>100,00%</b>	<b>19,84%</b>	<b>174.371.927</b>	<b>100,00%</b>
<b>II. Trong nước/nước ngoài</b>							

Khách hàng trong nước	151.097.289	99,96%	181.110.327	99,98%	19,86%	174.341.211	99,98%
Khách hàng nước ngoài	61.499	0,04%	33.072	0,02%	-46,22%	30.716	0,02%
<b>Tổng</b>	<b>151.158.788</b>	<b>100,00%</b>	<b>181.143.399</b>	<b>100,00%</b>	<b>19,84%</b>	<b>174.371.927</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 10: Cơ cấu huy động vốn của Vietbank (riêng lẻ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		% tăng/giảm	Tại 31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại vốn huy động							
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	222.891	0,15%	4.415.355	2,43%	1.880,95 %	4.050.211	2,32%
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	38.416.167	25,41%	51.633.361	28,47%	34,41%	47.958.123	27,47%
Tiền gửi của khách hàng	94.845.677	62,74%	101.645.857	56,05%	7,17%	96.713.927	55,40%
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	11,69%	23.645.110	13,04%	33,75%	25.842.140	14,80%
Tổng	151.162.995	100,00%	181.339.683	100,00%	19,96%	174.564.401	100,00%
II. Trong nước/nước ngoài							
Khách hàng trong nước	151.101.496	99,96%	181.306.611	99,98%	19,99%	174.533.686	99,98%
Khách hàng nước ngoài	61.499	0,04%	33.072	0,02%	-46,22%	30.716	0,02%
Tổng	151.162.995	100%	181.339.683	100%	19,96%	174.564.402	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

Nguồn vốn huy động của Vietbank cho thấy xu hướng tăng trưởng tích cực và quy mô được mở rộng rõ rệt trong năm 2025. Tổng huy động đạt hơn 181 nghìn tỷ đồng, tăng gần 20% so với cuối năm 2024, phản ánh năng lực mở rộng nguồn vốn và củng cố nền tảng thanh khoản. Đáng chú ý, tiền gửi khách hàng vẫn là nguồn vốn chủ lực, đạt hơn 101 tỷ đồng, chiếm 56% tổng huy động, tăng gần 7%, cho thấy nền tảng khách hàng tiếp tục được duy trì ổn định.

Cơ cấu vốn cũng có sự đa dạng hóa tốt hơn. Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng tăng hơn 34%, trong khi phát hành giấy tờ có giá tăng 33,7%, giúp ngân hàng chủ động hơn trong quản trị kỳ

hạn và nguồn vốn trung dài hạn. Đến 31/03/2026, tổng huy động đạt 174.372 tỷ đồng, tuy giảm nhẹ so với cuối năm 2025 nhưng vẫn cao hơn đáng kể so với cuối năm 2024. Nguồn vốn gần như hoàn toàn đến từ khách hàng trong nước, chiếm 99,98%, giúp ngân hàng hạn chế rủi ro biến động từ thị trường quốc tế.

**Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của Vietbank (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	12/31/2024		12/31/2025		% tăng/giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phân theo khách hàng							
	Tổ chức kinh tế	7.757.034	8,18%	9.000.873	8,87%	16,03%	7.802.921	8,08%
	Cá nhân	87.084.436	91,82%	92.448.700	91,13%	6,16%	88.718.532	91,92%
Tổng tiền gửi khách hàng		94.841.470	100,00%	101.449.573	100,00%	6,97%	96.521.453	100,00%
2	Phân theo kỳ hạn							
	Tiền gửi không kỳ hạn	4.596.959	4,85%	4.444.077	4,38%	-3,33%	3.218.301	3,33%
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.974.942	8,41%	8.760.617	8,64%	9,85%	8.255.639	8,55%
	Tiền gửi tiết kiệm	82.167.416	86,64%	88.146.362	86,89%	7,28%	84.945.530	88,01%
	Tiền gửi ký quỹ	95.918	0,10%	97.955	0,10%	2,12%	101.421	0,11%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	6.235	0,01%	562	0,00%	-90,99%	562	0,00%
Tổng tiền gửi khách hàng		94.841.470	100,00%	101.449.573	100,00%	6,97%	96.521.453	100,00%
3	Phân theo loại tiền							

VND	94.246.496	99,37%	99.899.736	98,47%	6,00%	95.302.103	98,74%
Ngoại tệ	594.974	0,63%	1.549.837	1,53%	160,49%	1.219.350	1,26%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>94.841.470</b>	<b>100%</b>	<b>101.449.573</b>	<b>100%</b>	<b>6.97%</b>	<b>96.521.453</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của Vietbank (riêng lẻ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	12/31/2024		12/31/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phân theo khách hàng							
	Tổ chức kinh tế	7.761.241	8,18%	9.197.157	9,05%	18,50%	7.995.395	8,27%
	Cá nhân	87.084.436	91,82%	92.448.700	90,95%	6,16%	88.718.532	91,73%
Tổng tiền gửi khách hàng		94.845.677	100,00%	101.645.857	100,00%	7,17%	96.713.927	100,00%
2	Phân theo kỳ hạn							
	Tiền gửi không kỳ hạn	4.599.655	4,85%	4.452.793	4,38%	-3,19%	3.223.189	3,33%
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.976.453	8,41%	8.948.185	8,80%	12,18%	8.443.225	8,73%
	Tiền gửi tiết kiệm	82.167.416	86,63%	88.146.362	86,72%	7,28%	84.945.530	87,83%
	Tiền gửi ký quỹ	95.918	0,10%	97.955	0,10%	2,12%	101.421	0,10%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	6.235	0,01%	562	0,00%	-90,99%	562	0,00%
Tổng tiền gửi khách hàng		94.845.677	100,00%	101.645.857	100,00%	7,17%	96.713.927	100,00%
3	Phân theo loại tiền							
	VND	94.250.703	99,37%	100.096.020	98,48%	6,20%	95.494.577	98,74%
	Ngoại tệ	594.974	0,63%	1.549.837	1,52%	160,49%	1.219.350	1,26%
Tổng tiền gửi khách hàng		94.845.677	100,00%	101.645.857	100,00%	7,17%	96.713.927	100,00%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

### 10.1.3. Hoạt động tín dụng

#### ❖ Tổng dư nợ cho vay

Vietbank cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích tiêu dùng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Chất lượng tín dụng luôn được Vietbank kiểm soát chặt chẽ và tuân theo quy định của NHNN.

Xét về tổng thể, trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của Vietbank có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tổng dư nợ năm sau luôn cao hơn năm trước. Tại 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 93,6 nghìn tỷ đồng. Đến 31/12/2025, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 105,2 nghìn tỷ đồng, tăng 12,39% so với năm 2024.

**Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		% tăng/ giảm	Tại 31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	58.480.666	62,45%	69.445.756	65,99%	18,75%	70.319.930	64,11%
Nợ trung hạn	17.826.226	19,04%	15.437.067	14,67%	-13,40%	18.566.463	16,93%
Nợ dài hạn	17.330.144	18,51%	20.352.240	19,34%	17,44%	20.806.595	18,97%
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00%</b>	<b>105.235.063</b>	<b>100,00%</b>	<b>12,39%</b>	<b>109.692.988</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 14: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		% tăng/ giảm	Tại 31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	58.480.666	62,45%	69.445.756	65,99%	18,75%	70.319.930	64,11%
Nợ trung hạn	17.826.226	19,04%	15.437.067	14,67%	-13,40%	18.566.463	16,93%
Nợ dài hạn	17.330.144	18,51%	20.352.240	19,34%	17,44%	20.806.595	18,97%
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00%</b>	<b>105.235.063</b>	<b>100,00%</b>	<b>12,39%</b>	<b>109.692.988</b>	<b>100,00%</b>
Tổng dư nợ trung và dài hạn	35.156.370	37,55%	35.789.307	34,01%	1,80%	39.373.058	35,89%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

Xét theo kỳ hạn dư nợ cho vay khách hàng, cơ cấu tín dụng của Vietbank tiếp tục duy trì theo hướng thận trọng, linh hoạt và phù hợp với định hướng quản trị rủi ro. Tại ngày 31/12/2024, dư nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn lần lượt chiếm 62,45%, 19,04% và 18,51% tổng dư nợ. Đến ngày 31/12/2025, cơ cấu này lần lượt là 65,99%, 14,67% và 19,34%.

Danh mục cho vay của Vietbank tiếp tục tập trung chủ yếu vào các khoản vay ngắn hạn, với tỷ trọng trên 60% tổng dư nợ. Đây là cơ cấu phù hợp, giúp Vietbank nâng cao khả năng quay vòng vốn, linh hoạt trong quản trị thanh khoản, đồng thời hạn chế rủi ro kỳ hạn trong bối cảnh thị trường lãi suất và nhu cầu vốn còn biến động. Trong năm 2025, dư nợ ngắn hạn tăng 18,75% so với năm 2024, là nhóm có tốc độ tăng trưởng cao nhất; tiếp theo là dư nợ dài hạn tăng 17,44%, trong khi dư nợ trung hạn giảm 13,40%.

Dư nợ trung và dài hạn vẫn duy trì tăng nhẹ 1,80%, từ 35,2 nghìn tỷ đồng năm 2024 lên 35,8 nghìn tỷ đồng năm 2025. Mặc dù tỷ trọng nhóm này giảm từ 37,55% xuống 34,01%, Vietbank tiếp tục kiểm soát tốt tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, ở mức 18,24% năm 2024 và 18,54% năm 2025, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng 30% theo quy định của NHNN.

Nhìn chung, tăng trưởng tín dụng của Vietbank được thực hiện trên nền tảng thận trọng, bám sát định hướng của Chính phủ và NHNN. Việc ưu tiên chất lượng tín dụng, kiểm soát rủi ro kỳ hạn và duy trì cơ cấu cho vay hợp lý là cơ sở quan trọng hỗ trợ Vietbank xây dựng nền tảng khách hàng ổn định và phát triển bền vững trong dài hạn.

**Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	44.006.464	47,00%	53.775.933	51,10%	22,20%	58.587.779	53,41%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.228.200	18,40%	19.131.504	18,18%	11,05%	19.120.387	17,43%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.177.995	8,73%	6.503.882	6,18%	-20,47%	7.696.003	7,02%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7.075.900	7,56%	7.496.502	7,12%	5,94%	5.375.121	4,90%
Xây dựng	6.680.198	7,13%	6.541.813	6,22%	-2,07%	6.837.968	6,23%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.763.520	2,95%	2.787.912	2,65%	0,88%	2.628.849	2,40%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dịch vụ lưu trữ và ăn uống	1.831.769	1,96%	2.594.587	2,47%	41,64%	2.622.375	2,39%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.760.963	1,88%	1.209.030	1,15%	-31,34%	1.694.401	1,54%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.511.411	1,61%	1.114.567	1,06%	-26,26%	1.110.756	1,01%
Vận tải kho bãi	1.421.981	1,52%	1.040.113	0,99%	-26,85%	1.020.007	0,93%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	810.780	0,86%	2.073.612	1,97%	155,76%	2.055.101	1,88%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	138.885	0,15%	92.361	0,09%	-33,50%	71.404	0,07%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	87.896	0,09%	35.862	0,03%	-59,20%	35.838	0,03%
Hoạt động dịch vụ khác	52.698	0,06%	85.783	0,08%	62,78%	91.316	0,08%
Thông tin và truyền thông	38.078	0,04%	32.609	0,03%	-14,36%	27.198	0,02%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	26.706	0,03%	11.723	0,01%	-56,10%	11.127	0,01%
Khai khoáng	16.751	0,02%	19.048	0,02%	13,71%	19.045	0,02%
Giáo dục và đào tạo	6.386	0,01%	9.879	0,01%	54,70%	9.998	0,01%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	455	0,00%	678.343	0,64%	148.986,4 %	678.315	0,62%
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00%</b>	<b>105.235.063</b>	<b>100,00%</b>	<b>12,39%</b>	<b>109.692.988</b>	<b>100,00 %</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 16: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	44.006.464	47,00%	53.775.933	51,10%	22,20%	58.587.779	53,41%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.228.200	18,40%	19.131.504	18,18%	11,05%	19.120.387	17,43%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.177.995	8,73%	6.503.882	6,18%	-20,47%	7.696.003	7,02%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7.075.900	7,56%	7.496.502	7,12%	5,94%	5.375.121	4,90%
Xây dựng	6.680.198	7,13%	6.541.813	6,22%	-2,07%	6.837.968	6,23%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.763.520	2,95%	2.787.912	2,65%	0,88%	2.628.849	2,40%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.831.769	1,96%	2.594.587	2,47%	41,64%	2.622.375	2,39%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.760.963	1,88%	1.209.030	1,15%	-31,34%	1.694.401	1,54%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.511.411	1,61%	1.114.567	1,06%	-26,26%	1.110.756	1,01%
Vận tải kho bãi	1.421.981	1,52%	1.040.113	0,99%	-26,85%	1.020.007	0,93%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	810.780	0,86%	2.073.612	1,97%	155,76%	2.055.101	1,88%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	138.885	0,15%	92.361	0,09%	-33,50%	71.404	0,07%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	87.896	0,09%	35.862	0,03%	-59,20%	35.838	0,03%
Hoạt động dịch vụ	52.698	0,06%	85.783	0,08%	62,78%	91.316	0,08%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
khác							
Thông tin và truyền thông	38.078	0,04%	32.609	0,03%	-14,36%	27.198	0,02%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải,	26.706	0,03%	11.723	0,01%	-56,10%	11.127	0,01%
Khai khoáng	16.751	0,02%	19.048	0,02%	13,71%	19.045	0,02%
Giáo dục và đào tạo	6.386	0,01%	9.879	0,01%	54,70%	9.998	0,01%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	455	0,00%	678.343	0,64%	148.986,4 %	678.315	0,62%
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100,00%</b>	<b>105.235.063</b>	<b>100,00%</b>	<b>12,39%</b>	<b>109.692.988</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

Trong giai đoạn 2024 – Quý 1/2026, dư nợ cho vay khách hàng của Vietbank duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định. Tổng dư nợ cho vay riêng lẻ tăng từ 93.637 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024 lên 105.235 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tương ứng mức tăng 12,39%. Đến ngày 31/03/2026, dư nợ tiếp tục tăng lên 109.693 tỷ đồng.

Xét theo ngành kinh tế, dư nợ cho vay đối với hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ của Vietbank. Dư nợ nhóm này tăng từ 44.006 tỷ đồng năm 2024 lên 53.776 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng 22,20%, và đạt 58.588 tỷ đồng tại ngày 31/03/2026. Tỷ trọng nhóm này trong tổng dư nợ tăng từ 47% năm 2024 lên 51,1% năm 2025 và 53,4% tại Quý 1/2026, phản ánh định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ, tập trung vào khách hàng cá nhân và hộ gia đình.

Dư nợ cho vay đối với hoạt động kinh doanh bất động sản duy trì ở mức tương đối ổn định, chiếm 18,4% tổng dư nợ năm 2024, 18,2% năm 2025 và 17,4% tại ngày 31/03/2026. Về giá trị tuyệt đối, dư nợ lĩnh vực này tăng từ 17.228 tỷ đồng năm 2024 lên 19.132 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng 11,05%. Việc duy trì tỷ trọng ổn định cho thấy Vietbank tiếp tục khai thác nhu cầu vốn tại lĩnh

vực bất động sản một cách có chọn lọc, phù hợp với đặc điểm hoạt động tại các địa bàn kinh tế trọng điểm, đồng thời kiểm soát mức độ tập trung tín dụng.

Một số ngành dịch vụ và lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cũng ghi nhận mức tăng đáng chú ý. Dự nợ lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 41,64% trong năm 2025, từ 1.832 tỷ đồng lên 2.595 tỷ đồng. Dự nợ đối với hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ tăng từ 811 tỷ đồng năm 2024 lên 2.074 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng 155,76%. Mặc dù tỷ trọng còn ở mức khiêm tốn, sự tăng trưởng tại các nhóm ngành này góp phần đa dạng hóa danh mục tín dụng của Vietbank.

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của Vietbank tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

**Đối với nhóm khách hàng cá nhân:** Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, Vietbank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân rất đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho Vietbank. Có thể kể đến các sản phẩm tiêu biểu như:

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: Vietbank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
- Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng, như Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD,...

**Đối với Khách hàng Doanh nghiệp:** Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, Vietbank không ngừng phát triển sản phẩm mới. Các sản phẩm dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Các sản phẩm điển hình như:

- Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết,...
- Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới,...
- Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu,... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất. Hoạt động bảo lãnh chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Vietbank. Năm 2024 thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh là 9,6 tỷ đồng và năm 2025 là 5,3 tỷ đồng. Hoạt động bảo lãnh của Vietbank bao gồm các loại bảo lãnh sau:
  - + Bảo lãnh dự thầu.

- + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- + Bảo lãnh thanh toán.
- + Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
- + Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
- + Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.

**Xét về đối tượng khách hàng:**

- Đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp, Vietbank tập trung cho vay đối với nhóm khách hàng thuộc loại hình TNHH và công ty cổ phần, tập trung vào tập khách hàng vừa và nhỏ.
- Đối với nhóm khách hàng cá nhân: được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu. Dư nợ cho vay đối với nhóm cá nhân và hộ kinh doanh cá thể năm 2025 đạt trên 53,7 nghìn tỷ, tương ứng 51,1% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

**Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)**
*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo khách hàng							
1	Tổ chức kinh tế	49.630.572	53,00%	51.459.130	48,90%	3,68%	51.105.209	46,59%
	Công ty TNHH	30.861.771	32,96%	36.614.984	34,79%	18,64%	37.189.515	33,90%
	Công ty cổ phần	17.817.151	19,03%	14.007.746	13,31%	-21,38%	13.157.166	11,99%
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	767.020	0,82%	705.212	0,67%	-8,06%	651.543	0,59%
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	124.128	0,13%	80.189	0,08%	-35,40%	60.535	0,06%
	Doanh nghiệp tư nhân	-	0,00%	-	0,00%	-	-	0,00%

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổ chức kinh tế khác	60.502	0,06%	50.999	0,05%	15,71%	46.450	0,04%
2	Cá nhân	44.06.464	47,00%	53.775.933	51,10%	22,20%	58.587.779	53,41%
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	44.006.464	47,00%	53.775.933	51,10%	22,20%	58.587.779	53,41%
Tổng cho vay khách hàng		93.637.036	100%	105.235.063	100%	12,39%	109.692.988	100%
II Phân theo loại tiền								
1	VND	93.267.210	99,61%	105.197.605	99,96%	12,79%	109.631.995	99,94%
2	Ngoại tệ	369.826	0,39%	37.458	0,04%	89,87%	60.993	0,06%
Tổng cho vay khách hàng		93.637.036	100%	105.235.063	100%	12,39%	109.692.988	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

Bảng 18: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo khách hàng							
1	Tổ chức kinh tế	49.630.572	53,00%	51.459.130	48,90%	3,68%	51.105.209	46,59%
	Công ty TNHH	30.861.771	32,96%	36.614.984	34,79%	18,64%	37.189.515	33,90%
	Công ty cổ phần	17.817.151	19,03%	14.007.746	13,31%	-21,38%	13.157.166	11,99%
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	767.020	0,82%	705.212	0,67%	-8,06%	651.543	0,59%

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	124.128	0,13%	80.189	0,08%	-35,40%	60.535	0,06%
	Doanh nghiệp tư nhân	-	0,00%	-	0,00%		-	0,00%
	Tổ chức kinh tế khác	60.502	0,06%	50.999	0,05%	-15,71%	46.450	0,04%
2	Cá nhân	44.006.464	47,00%	53.775.933	51,10%	22,20%	58.587.779	53,41%
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	44.006.464	47,00%	53.775.933	51,10%	22,20%	58.587.779	53,41%
<b>Tổng cho vay khách hàng</b>		<b>93.637.036</b>	<b>100%</b>	<b>105.235.063</b>	<b>100%</b>	<b>12,39%</b>	<b>109.692.988</b>	<b>100%</b>
<b>II Phân theo loại tiền</b>								
1	VND	93.267.210	99,61%	105.197.605	99,96%	12,79%	109.631.995	99,94%
2	Ngoại tệ	369.826	0,39%	37.458	0,04%	-89,87%	60.993	0,06%
<b>Tổng cho vay khách hàng</b>		<b>93.637.036</b>	<b>100%</b>	<b>105.235.063</b>	<b>100%</b>	<b>12,39%</b>	<b>109.692.988</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

❖ **Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)**

Vietbank thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024.

- Tính đến 31/12/2024, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của Vietbank được kiểm soát tại mức 1,60% trên tổng dư nợ cho vay. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm này là 1.144 tỷ đồng.
- Tính đến 31/12/2025, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của Vietbank xấp xỉ 2,04% trên tổng dư nợ cho vay, tăng nhẹ so với mức 1,60% tại ngày 31/12/2024, dự phòng tại thời điểm này là 1.463 tỷ đồng.
- Danh mục tín dụng của Vietbank tiếp tục duy trì chất lượng ổn định khi nợ đủ tiêu chuẩn luôn chiếm trên 96% tổng dư nợ trong giai đoạn 2024 – 2025. Điều này phản ánh nỗ lực của Ngân hàng trong công tác thẩm định, quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng.
- Tỷ lệ nợ nhóm 3 đến nhóm 5 tại thời điểm 31/12/2024 là 2,75% và tại thời điểm 31/12/2025 là 2,92% so với tổng dư nợ, vẫn nằm trong ngưỡng an toàn theo quy định của

NHNN, Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) năm 2024 là 46,01% và tăng nhẹ lên 47,63% năm 2025.

**Bảng 19: Phân loại chất lượng tín dụng Vietbank**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		% tăng/giảm	Tại 31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nhóm 1	90.288.767	96,42%	101.077.955	96,05%	11,95%	104.739.437	95,48%
Nhóm 2	769.999	0,82%	1.086.555	1,03%	41,11%	1.275.069	1,16%
Nhóm 3	583.717	0,62%	589.361	0,56%	0,97%	734.777	0,67%
Nhóm 4	496.483	0,53%	329.790	0,31%	-33,57%	640.856	0,58%
Nhóm 5	1.498.070	1,60%	2.151.402	2,04%	43,61%	2.302.849	2,10%
<b>Tổng dư nợ</b>	<b>93.637.036</b>	<b>100%</b>	<b>105.235.063</b>	<b>100%</b>	<b>12,39%</b>	<b>109.692.988</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Quý 1/2026*

Tại ngày 31/12/2025, dư nợ nhóm 5 là 2.151 tỷ đồng, trong đó tập trung chủ yếu vào nhóm ngành hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình 1.372 tỷ, chiếm tỷ trọng 64%; nhóm ngành Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác là 436 tỷ, chiếm tỷ trọng 20%.

Trong hoạt động ngân hàng, nợ nhóm 3 – 5 là nợ xấu nói chung và đây cũng là rủi ro cổ hữu gắn liền với hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng gọi là rủi ro tín dụng. Mức độ phát sinh và khả năng thu hồi các khoản nợ này chịu tác động bởi nhiều yếu tố, bao gồm chất lượng tín dụng của khách hàng, chu kỳ kinh tế, diễn biến thị trường bất động sản, cũng như hiệu quả của các biện pháp xử lý và thu hồi nợ.

Các khoản nợ nhóm 5 phần lớn có tài sản bảo đảm là bất động sản. Đây là yếu tố hỗ trợ quan trọng cho khả năng thu hồi nợ của Vietbank thông qua xử lý tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, thị trường bất động sản phục hồi chưa đồng đều, tâm lý tiêu dùng và đầu tư còn thận trọng, quá trình xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ có thể cần thêm thời gian.

Vietbank đã thực hiện trích lập dự phòng cụ thể 599 tỷ đồng đối với các khoản dư nợ có khả năng mất vốn tại ngày 31/12/2025, tương ứng tỷ lệ dự phòng cụ thể khoảng 27,8% trên tổng dư nợ có khả năng mất vốn. Việc trích lập dự phòng được thực hiện nhằm tăng cường bộ đệm rủi ro, đồng thời phản ánh cách tiếp cận thận trọng của Ngân hàng trong công tác quản trị chất lượng tài sản.

Song song với việc trích lập dự phòng, Vietbank tiếp tục triển khai các biện pháp thu hồi nợ, bao gồm làm việc với khách hàng, xử lý tài sản bảo đảm, thực hiện các thủ tục tố tụng tại Tòa án và phối hợp với cơ quan Thi hành án khi cần thiết. Trong trường hợp điều kiện thị trường bất động sản cải thiện, Vietbank kỳ vọng quá trình xử lý tài sản bảo đảm sẽ thuận lợi hơn, qua đó hỗ trợ tối ưu hóa giá trị thu hồi nợ trong các kỳ tiếp theo.

Việc nợ nhóm 5 tăng trong năm 2025 và quý 1/2026 phản ánh chủ yếu tác động khách quan của môi trường kinh tế, pháp lý và thị trường, đặc biệt là độ trễ phục hồi của một số nhóm khách hàng và thị trường bất động sản. Với nền tảng tài sản bảo đảm, đặc biệt là bất động sản, cùng các biện pháp thu hồi nợ, xử lý tài sản và quản trị rủi ro đang được triển khai, Vietbank đánh giá hoàn toàn có thể kiểm soát và có cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản nợ này là khả quan.

#### ❖ Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất của VBB tại thời điểm 31/12/2025 là 13,42%, so với mức 11,73% tại 31/12/2024. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng quy định hiện hành của NHNN. Tỷ lệ nợ xấu tính theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN năm 2025 là 1,76%, giảm nhẹ so với mức 1,86% năm 2024.

Quý 1/2026 tỷ lệ an toàn hoạt động của Vietbank được tiếp tục duy trì ổn định và tuân thủ quy định NHNN.

**Bảng 20: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại Vietbank**

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		31/03/2026	
	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
Tổng dư nợ (triệu đồng)	93.637.036	93.637.036	105.235.063	105.235.063	109.692.988	109.692.988
Tỷ lệ nợ xấu (Thông tư 31)	1,86%	1,86%	1,76%	1,76%	2,16%	2,16%
Tỷ lệ nợ quá hạn (Thông tư 31)	2,42%	2,42%	2,38%	2,38%	2,90%	2,90%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	11,73%	11,73%	13,42%	13,39%	12,23%	12,21%

*Nguồn: Vietbank*

#### ❖ Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ

quy định của NHNN. Trong giai đoạn 2024 – 2025, dự phòng có biến động tăng một phần là do tỷ lệ nợ nhóm 3 đến nhóm 5 có biến động tăng. Việc chủ động trích lập dự phòng giúp Vietbank chủ động củng cố bộ đệm dự phòng an toàn.

**Bảng 21: Tình hình trích lập dự phòng của VBB**

Khoản mục	Tại 31/12/2024 (triệu đồng)	Tại 31/12/2025 (triệu đồng)	Tại 31/03/2026 (triệu đồng)
Dự phòng chung	691.042	773.127	805.426
Dự phòng cụ thể	452.920	689.518	852.081
<b>Tổng quỹ dự phòng</b>	<b>1.143.962</b>	<b>1.462.645</b>	<b>1.657.507</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Quý I/2026*

Vietbank luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là thành viên thứ 14 được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho phép áp dụng trước hạn Thông tư 41 theo chuẩn Basel II.

❖ **Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Vietbank**

Rủi ro lãi suất được Vietbank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi cho các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

**10.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán**

**Bảng 22: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	Q1/2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	204.421	13,83%	122.733
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	99.373	114.676	15,40%	107.021
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>80.215</b>	<b>89.745</b>	<b>11,88%</b>	<b>15.712</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	126.652	84.241	-33,49%	9.499
Chi phí từ hoạt động thanh toán	24.943	29.034	16,40%	6.329

<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>101.709</b>	<b>55.207</b>	<b>-45,72%</b>	<b>3.170</b>
--	----------------	---------------	----------------	--------------

Nguồn: Vietbank

**Bảng 23: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	Quý 1/2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	204.421	13,83%	122.733
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	99.373	114.676	15,40%	107.021
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>80.215</b>	<b>89.745</b>	<b>11,88%</b>	<b>15.712</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	126.652	84.241	-33,49%	9.499
Chi phí từ hoạt động thanh toán	24.943	29.034	16,40%	6.329
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>101.709</b>	<b>55.207</b>	<b>-45,72%</b>	<b>3.170</b>

Nguồn: Vietbank

Hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của Vietbank đã có bước phát triển rõ rệt những năm gần đây:

❖ **Hoạt động kinh doanh ngoại hối:**

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Vietbank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

– Giao dịch ngoại tệ giao ngay:

Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc: Mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...

– Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:

Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.

– Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:

Hỗ trợ khách hàng trong việc: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối năm 2024 của Vietbank đạt 80,2 tỷ đồng, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối năm 2025 là 89,7 tỷ đồng tăng 11,88% so với năm 2024 nhờ vào tập trung trọng tâm vào phát triển khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa các loại ngoại tệ nhằm khai thác tối đa khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới ở các phân khúc.

❖ **Hoạt động thanh toán:**

Vietbank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của Vietbank (Internet banking, Mobile banking, ...).

Vietbank luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

– Sản phẩm Tài trợ thương mại:

- + Tài trợ L/C xuất khẩu: Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- + Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng: Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- + Tài trợ nhập khẩu: Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hoá nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- + Chiết khấu Hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho doanh nghiệp sau khi giao hàng trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu. Hình thức tài trợ: mua có truy đòi hối phiếu kèm bộ chứng từ xuất khẩu trước khi đến hạn thanh toán.
- + UPAS L/C: L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

– Sản phẩm Thanh toán quốc tế:

- + Quy định chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài dành cho KHCN: quy định về đối tượng, mục đích, chứng từ, hạn mức chuyển ngoại tệ dành cho khách hàng cá nhân khi thực hiện giao dịch tại Vietbank.
- + Quy định chuyển tiền quốc tế trực tuyến qua App Vietbank Digital dành cho KHCN: bất

kip xu hướng số hóa vận hành; nâng cao chất lượng dịch vụ TTQT của Vietbank, đa dạng hóa kênh giao dịch của Vietbank, tăng tính cạnh tranh trên thị trường với các ngân hàng khác.

- + Quy định chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài dành cho tổ chức: nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài của tổ chức liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ
- + Quy định chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến giao dịch vốn: nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyển vốn, lợi nhuận, nguồn thu hợp pháp từ các giao dịch vốn, trả nợ gốc, lãi & cho vay ra nước ngoài của khách hàng cá nhân & tổ chức
- + Sản phẩm liên kết chuyển tiền vãng lai: tạo công cụ bán hàng giữa Vietbank & các tổ chức cung ứng các sản phẩm liên quan đến giao dịch vãng lai nhằm tăng cường bán chéo/bán trộn gói sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng cá nhân

Năm 2024, thu nhập thuần từ hoạt động thanh toán đạt 101,7 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2025, thu nhập thuần từ hoạt động thanh toán đạt 150,3 tỷ đồng, tăng 47,80% so với năm 2024.

Vietbank nỗ lực thúc đẩy công tác phát triển nhiều sản phẩm mới về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại như cải tiến, thiết kế, cung ứng các sản phẩm chuyên biệt (Upas L/C, chuyển tiền ngoại tệ...) cho từng đối tượng khách hàng, đồng thời, tăng cường số hóa quy trình vận hành và sản phẩm dịch vụ thanh toán nhằm nâng cao chất lượng vận hành và phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng.

#### **10.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý**

Vietbank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch thiết yếu với ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả.

Tính đến 31/03/2026, Vietbank có quan hệ đại lý với 170 ngân hàng ở 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong thời gian tới, Vietbank tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán sản phẩm dịch vụ của Vietbank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

#### **10.1.6. Hoạt động kinh doanh khác**

##### **❖ Hoạt động đầu tư tài chính**

Các dịch vụ đầu tư tăng trưởng tốt, tập trung phát triển về số lượng và chất lượng nghiệp vụ nhằm mang lại doanh thu cao cho Vietbank và đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của khách hàng. Các hoạt động đầu tư tại Vietbank bao gồm: trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá do các TCTD khác phát hành, trái phiếu Doanh nghiệp.

Bảng 24: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại Vietbank (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	% tăng/giảm	Tại 31/03/2026
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>340.337</b>	<b>-</b>	<b>-100,00%</b>	<b>-</b>
Chứng khoán nợ Chính phủ	340.337	-	-100,00%	-
<b>Chứng khoán đầu tư (chưa gồm dự phòng)</b>	<b>22.417.404</b>	<b>29.155.432</b>	<b>30,06%</b>	<b>33.084.049</b>
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán (AFS)</b>	<b>2.729.322</b>	<b>7.211.597</b>	<b>164,23%</b>	<b>4.937.342</b>
Trái phiếu Chính phủ	298.843	1.601.180	435,79%	1.601.164
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước phát hành	2.430.479	2.405.033	-1,05%	1.635.878
Trái phiếu do Tổ chức kính tế trong nước phát hành	-	3.205.384	100,00 %	1.700.300
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)</b>	<b>19.688.082</b>	<b>21.943.835</b>	<b>11,46%</b>	<b>28.146.707</b>
Trái phiếu Chính phủ	8.337.826	8.333.301	-0,05%	8.332.186
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước phát hành	7.500.000	11.061.412	47,49%	17.265.677
Trái phiếu do TCTD trong nước phát hành	850.256	2.549.122	199,81%	2.548.844
Tín phiếu NHNN	3.000.000	-	- 100,00 %	-
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoản đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>(24.280)</b>	<b>100,00 %</b>	<b>(13.030)</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

Bảng 25: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại Vietbank (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	% tăng/giảm	Tại 31/03/2026
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>340.337</b>	<b>-</b>	<b>-100,00%</b>	<b>-</b>
Chứng khoán nợ Chính phủ	340.337	-	-100,00%	-
<b>Chứng khoán đầu tư (chưa gồm dự phòng)</b>	<b>22.417.404</b>	<b>29.155.432</b>	<b>30,06%</b>	<b>33.084.049</b>
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán (AFS)</b>	<b>2.729.322</b>	<b>7.211.597</b>	<b>164,23%</b>	<b>4.937.342</b>
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	298.843	1.601.180	435,79%	1.601.164
<i>Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước phát hành</i>	2.430.479	2.405.033	-1,05%	1.635.878
<i>Trái phiếu do Tổ chức kinh tế trong nước phát hành</i>	-	3.205.384	100,00 %	1.700.300
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)</b>	<b>19.688.082</b>	<b>21.943.835</b>	<b>11,46%</b>	<b>28.146.707</b>
<i>Trái phiếu Chính phủ</i>	8.337.826	8.333.301	-0,05%	8.332.186
<i>Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước phát hành</i>	7.500.000	11.061.412	47,49%	17.265.677
<i>Trái phiếu do TCTD trong nước khác phát hành</i>	850.256	2.549.122	199,81%	2.548.844
<i>Tin phiếu NHNN</i>	3.000.000	-	- 100,00 %	-
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>(24.280)</b>	<b>100,00 %</b>	<b>(13.030)</b>
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn (đầu tư công ty con)</b>	<b>4.126</b>	<b>200.000</b>		<b>200.000</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

Tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 là 29,1 nghìn tỷ đồng (trước khi trích lập dự phòng), chiếm tỷ lệ 14,82% tổng tài sản của Ngân hàng. Trong đó, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán (AFS) và nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đều tăng so với năm 2024, với mức tăng lần lượt là 164,23% và 11,46%. Cụ thể, danh mục AFS tăng từ 2,7 nghìn tỷ đồng năm 2024 lên 7,2 nghìn tỷ đồng năm 2025 và danh mục HTM năm 2025 là 21,9 nghìn tỷ đồng, so với 19,7 nghìn tỷ đồng năm 2024.

Danh mục đầu tư tập trung vào các loại chứng khoán Chính phủ, Chứng chỉ tiền gửi/Trái phiếu do TCTD khác phát hành, tín phiếu NHNN...; là những khoản đầu tư rủi ro thấp nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả sinh lời và đảm bảo vai trò như là một nguồn dự phòng thanh khoản ổn định và là tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Vietbank tại các TCTD khác và để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với NHNN.

Vietbank có thực hiện đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp, với số dư tại ngày 31/12/2025 là 3.205,4 tỷ đồng (chi tiết ở Bảng 26), chiếm 1,63% tổng tài sản của Ngân hàng với tổng lãi tích lũy hơn 83 tỷ đồng. Các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn, không phải trích lập dự phòng cụ thể mà chỉ trích lập dự phòng chung 24 tỷ với tỷ lệ 0,75% giá trị ghi sổ theo quy định về trích lập dự phòng của Chính phủ và NHNN. Điều này cho thấy Vietbank duy trì cách tiếp cận thận trọng trong hoạt động đầu tư tài chính.

Số dư của khoản mục đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp tại thời điểm 31/3/2026 giảm còn 1.600 tỷ đồng (chi tiết ở Bảng 27), và đến ngày 03/04/2026, Vietbank đã hoàn tất việc bán hết các trái phiếu doanh nghiệp trên và thu hồi vốn và lãi để tái đầu tư. Đồng thời khoản trích lập dự phòng chung hơn 24 tỷ cũng được hoàn nhập lại và ghi nhận vào thu nhập trong kỳ, điều này thể hiện Vietbank luôn chủ động trong công tác quản trị rủi ro khi thực hiện đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp theo ba lớp rủi ro chính, gồm rủi ro tín dụng của tổ chức phát hành, rủi ro tập trung theo khách hàng/ngành, và rủi ro thanh khoản thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

**Bảng 26: Chi tiết Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành mà Vietbank đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025 (Riêng lẻ, Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Số dư tại 31/12/2025	Tổng lãi dự thu
1	Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (tên mới: CTCP Đầu tư Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai)	HTL12501	800.000	855.384	12.427
2	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	SCR12401	850.000	850.000	396
3	Công ty Cổ phần Tư vấn và kinh doanh Bất động sản TCO	TOC12502	1.500.000	1.500.000	70.274
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.150.000</b>	<b>3.205.384</b>	<b>83.097</b>

*Nguồn: Vietbank*

**Bảng 27: Chi tiết Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành mà Vietbank đang nắm giữ tại thời điểm 31/03/2026 (Riêng lẻ, Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Số dư tại 31/03/2026
1	Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (tên mới: CTCP Đầu tư Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai)	HTL12501	800.000	855.384
2	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	SCR12401	850.000	850.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.650.000</b>	<b>1.700.301</b>

*Nguồn: Vietbank*

## 10.2. Tài sản

### 10.2.1. Tài sản cố định hữu hình

**Bảng 28: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	624.193	367.166	58,82%	1.000.337	738.870	73,86%	1.000.941	732.278	73,16%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	304.056	142.066	46,72%	325.123	128.980	39,67%	348.904	143.198	41,04%
Phương tiện vận tải	166.706	30.269	18,16%	176.645	35.412	20,05%	176.645	33.769	19,12%
Các TSCĐ hữu hình khác	31.042	3.932	12,67%	34.418	6.792	19,73%	34.418	6.616	19,22%
<b>Tổng</b>	<b>1.125.997</b>	<b>543.433</b>	<b>48,26%</b>	<b>1.536.523</b>	<b>910.054</b>	<b>59,23%</b>	<b>1.560.908</b>	<b>915.861</b>	<b>58,67%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026*

**Bảng 29: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	624.193	367.166	58,82%	1.000.337	738.870	73,86%	1.000.941	732.278	73,16%
Máy móc thiết bị	304.056	142.066	46,72%	325.123	128.980	39,67%	348.904	143.198	41,04%
Phương tiện vận tải	166.706	30.269	18,16%	176.645	35.412	20,05%	176.645	33.769	19,12%
Các TSCĐ hữu hình khác	31.042	3.932	12,67%	34.418	6.792	19,73%	34.418	6.616	19,22%
<b>Tổng</b>	<b>1.125.997</b>	<b>543.433</b>	<b>48,26%</b>	<b>1.536.523</b>	<b>910.054</b>	<b>59,23%</b>	<b>1.560.908</b>	<b>915.861</b>	<b>58,67%</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*
**10.2.2. Tài sản cố định vô hình**
**Bảng 30: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
Quyền sử dụng đất	43.131	43.131	100,00 %	2.915.187	2.914.795	99,99%	2.915.187	2.896.535	99,36%
Phần mềm máy vi	341.969	112.310	32,84%	346.318	78.540	22,68%	346.318	69.313	20,01%

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
tính									
<b>Tổng</b>	<b>385.100</b>	<b>155.441</b>	<b>40,36%</b>	<b>3.261.505</b>	<b>2.993.335</b>	<b>91,78%</b>	<b>3.261.505</b>	<b>2.965.848</b>	<b>90,93%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 31: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
Quyền sử dụng đất	43.131	43.131	100%	2.915.187	2.914.795	99,99%	2.915.187	2.896.535	99,36%
Phần mềm máy tính	341.969	112.310	32,84%	346.318	78.540	22,68%	346.318	69.313	20,01%
<b>Tổng</b>	<b>385.100</b>	<b>155.441</b>	<b>40,36%</b>	<b>3.261.505</b>	<b>2.993.335</b>	<b>91,78%</b>	<b>3.261.505</b>	<b>2.965.848</b>	<b>90,93%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

Vietbank đang có bước đầu tư đáng kể vào nền tảng tài sản dài hạn, đặc biệt trong năm 2025, nhằm củng cố năng lực vận hành và nâng cao vị thế thương hiệu trong giai đoạn phát triển mới. Tổng giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và vô hình tăng mạnh từ 699 tỷ đồng cuối năm 2024 lên 3.903 tỷ đồng cuối năm 2025; đồng thời, tỷ lệ Giá trị còn lại/Nguyên giá cải thiện từ 46,2% lên 81,3%, phản ánh danh mục tài sản được gia tăng cả về quy mô và chất lượng.

Điểm nhấn nổi bật là khoản đầu tư mua lại tòa nhà văn phòng tại phường Xuân Hòa, TP.HCM với giá trị hơn 3 nghìn tỷ đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận gần 2,63 nghìn tỷ đồng. Đây là tài sản có vị trí chiến lược, góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu, củng cố sự hiện diện tại thị trường trọng điểm và gia tăng vị thế của Vietbank trong thời gian tới.

Ngoài ra, Vietbank đã kết chuyển 243 tỷ đồng từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định vô hình liên quan đến 6 bất động sản khác tại TP.HCM, được trình bày chi tiết từ thứ tự 8

đến 14 tại Bảng 32 dưới đây. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng kết chuyển gần 51 tỷ đồng từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang TSCĐ hữu hình, bao gồm 22 tỷ đồng nhà cửa, vật kiến trúc; 17 tỷ đồng thiết bị, dụng cụ quản lý; và gần 12 tỷ đồng phương tiện vận tải.

Các khoản đầu tư, mua sắm này cho thấy định hướng đầu tư có chọn lọc, tập trung vào các tài sản có giá trị sử dụng dài hạn, qua đó hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động, gia tăng nhận diện thương hiệu và tạo nền tảng thuận lợi cho tăng trưởng bền vững của Vietbank trong những năm tới.

### 10.2.3. Tình hình sử dụng đất đai

**Bảng 32: Tình hình sử dụng đất đai tại 31/03/2026**

T T	Địa chỉ	Tổng diện tích sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Số hồ sơ pháp lý
1	70 - 72 Bà Triệu - Phường Hàng Bài - Quận Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội	- Diện tích: 510,6 m <sup>2</sup> - Diện tích sàn: 5.821,63 m <sup>2</sup>	- Đất ở - Sử dụng làm trụ sở CN	- Riêng - Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Số vào sổ: 20
2	268 Trần Nguyễn Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	- Diện tích: 574,9 m <sup>2</sup>	- Đất thương mại, dịch vụ - Sử dụng làm trụ sở PGD	- Riêng - Thuộc sở hữu VB	Đến ngày 28/02/2069	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Số vào sổ: CT14206
3	Thửa đất số 44, TBD 07, đường Trần Hưng Đạo, Khóm 7 Phường 3, TP Sóc Trăng	- Diện tích: 914,6 m <sup>2</sup>	- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh - Sử dụng làm trụ sở CN	- Riêng - Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ - Số vào sổ: T38
4	Thửa đất số 70, TBD 10, Khu phố 4, phường Xuân An, Thị xã Long Khánh, Đồng Nai	- Diện tích: 174,3 m <sup>2</sup>	- Đất ở đô thị - Nhà ở	- Riêng - Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ - Số vào sổ: H.01861

T T	Địa chỉ	Tổng diện tích sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Sổ hồ sơ pháp lý
5	35 Núi Thành, Phường 13, quận Tân Bình, TP. HCM	-Diện tích: 175,8 m <sup>2</sup> -Diện tích sàn: 926,4 m <sup>2</sup>	- Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (làm văn phòng) -Sử dụng làm kho tạm	- Riêng -Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Sổ vào sổ: CT06792
6	11B Đường Hùng Vương, phường 04, Quận 5, TP. HCM	-Diện tích: 48,5 m <sup>2</sup> -Diện tích sàn: 311,5 m <sup>2</sup>	-Đất ở đô thị -Sử dụng làm trụ sở PGD	-Riêng -Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - CH01690
7	109-111 Lê Đại Hành, phường 6, quận 11, TP. HCM	-Diện tích: 306,21 m <sup>2</sup> -Diện tích sàn: 563,1 m <sup>2</sup>	- Đất được giao hoặc thuê: Nhận chuyển quyền Hợp đồng thuê đất -Sử dụng làm trụ sở PGD	- Riêng -Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Hồ sơ gốc số: 478/2009/GCN- QSHNO&QSDĐ Ở
8	Thửa đất 76, TĐĐ 84, đường Hòa Bình, Phường Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	-Diện tích: 432,9 m <sup>2</sup>	-Đất thương mại, dịch vụ (TMD) -Sử dụng xây trụ sở CN	- Riêng -Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Sổ vào sổ: CN 6084
9	Nhà 90 Cao	-Diện tích:	-Đất ở tại	- Riêng	Lâu dài	- GCN QSDĐ,

T T	Địa chỉ	Tổng diện tích sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Số hồ sơ pháp lý
	Thăng, phường 4, quận 3, TP. HCM	165,5 m <sup>2</sup> –Diện tích sân: 935,3 m <sup>2</sup>	đô thị –Sử dụng làm trụ sở PGD	–Thuộc sở hữu VB		quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; – Số vào sổ: CS 15430
10	Nhà 96 Bàu Cát, phường 14, TP HCM	–Diện tích: 72,80 m <sup>2</sup> –Diện tích sân: 243,50 m <sup>2</sup>	– Đất ở tại đô thị –Sử dụng làm trụ sở PGD	–Riêng –Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	– GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; – Số vào sổ: CH00937
11	Nhà 98 Bàu Cát, phường 14, TP HCM	–Diện tích: 72,40 m <sup>2</sup> –Diện tích sân: 243,10 m <sup>2</sup>	– Đất ở tại đô thị (ODT) – Sử dụng làm trụ sở PGD	–Riêng –Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	– GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; – Số vào sổ: CH00939
12	Nhà 100 Bàu Cát, phường 14, TP HCM	–Diện tích: 72,40 m <sup>2</sup> –Diện tích sân: 243,10 m <sup>2</sup>	–Đất ở tại đô thị –Sử dụng làm trụ sở PGD	–Riêng –Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	– GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; – Số vào sổ: CH00936
13	Nhà 72 đường số 17A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP HCM	–Diện tích: 100 m <sup>2</sup> –Diện tích sân: 369,5 m <sup>2</sup>	–Đất ở tại đô thị –Sử dụng làm trụ sở PGD	–Riêng –Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	– GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; – Số vào sổ: CS18882/DA

<b>T T</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tổng diện tích sử dụng</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>	<b>Hình thức sử dụng</b>	<b>Thời hạn sử dụng</b>	<b>Số hồ sơ pháp lý</b>
14	Nhà 70 đường số 17A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP HCM	-Diện tích: 100 m <sup>2</sup> -Diện tích sàn: 352 m <sup>2</sup>	-Đất ở tại đô thị - Sử dụng làm trụ sở PGD	-Riêng -Thuộc sở hữu VB	Lâu dài	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Số vào sổ: CS18881/DA
15	Nhà 62A Cách Mạng Tháng 8, P. Võ Thị Sáu, (phường 6 cũ), quận 3, TP. HCM	-Diện tích: 2.228,9 m <sup>2</sup> -Diện tích sàn: 25.737,8 m <sup>2</sup>	-Đất thương mại, dịch vụ (Trung tâm thương mại, dịch vụ) -Sử dụng làm trụ sở CN và Hội sở	-Riêng -Thuộc sở hữu VB	Đến ngày 24/03/2062	- GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Số vào sổ: CT85265

*Nguồn: Vietbank*

### **10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**

#### **10.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng**

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro tập trung, rủi ro hoạt động.

Ngân hàng ban hành Chính sách quản lý rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng. Chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng lập cho thời gian 4 năm, và được rà soát hàng năm nhằm cập nhật các nội dung, quy định mới của pháp luật, các loại rủi ro trọng yếu của từng thời kỳ (nếu có). Trong Chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng bao gồm các nội dung chính:

- Khẩu vị rủi ro của ngân hàng;

- Danh sách các loại rủi ro trọng yếu;
- Chính sách quản lý rủi ro cụ thể của Ngân hàng đối với các loại rủi ro trọng yếu.

Ngân hàng thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR") như sau:

- UBQLRR chịu trách nhiệm:
  - + Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng;
  - + Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn;
  - + Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
  - + Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
  - + Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- UBQLRR báo cáo công việc cho Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức họp định kỳ hoặc họp bất thường nhưng tối thiểu 01 lần/quý.

#### ❖ Quản lý rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất khi khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh.
- Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng.
- Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

#### ❖ Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

- Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh do sự chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định.
- Để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Ngân hàng và công ty con tiến hành phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế.

- Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn còn lại của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.
- Ngoài ra, Vietbank thiết lập giới hạn rủi ro nội bộ, giám sát định kỳ và trong trường hợp cần thiết, sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất như hoán đổi lãi suất, nhằm đảm bảo ổn định thu nhập lãi và giá trị vốn trong điều kiện thị trường biến động.
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:
  - + Tiền mặt; Góp vốn, đầu tư dài hạn; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định, các khoản phải thu và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
  - + Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng.
  - + Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán.
  - + Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ Chính phủ và NHNN; Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; Cho vay khách hàng; Các khoản phải thu từ bán nợ; Tiền gửi và vay các TCTD khác; Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
    - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
    - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính hoặc thời gian đáo hạn còn lại của các khoản mục, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

#### ❖ Quản lý rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất hay tỷ giá. Trong phạm vi hoạt động tự doanh của Vietbank, Vietbank chỉ phát sinh rủi ro lãi suất, tỷ giá. Vietbank hiện không phát sinh rủi ro giá vàng, giá cổ phiếu và hàng hóa do không phát sinh hoạt động tự doanh vàng, cổ phiếu, hàng hóa.
- Rủi ro lãi suất phát sinh do biến động của bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với danh mục Sổ kinh doanh của Ngân hàng.
- Rủi ro về ngoại hối phát sinh do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi Vietbank có trạng thái ngoại tệ.
- Để hạn chế các rủi ro thị trường, Vietbank đã ban hành các quy định nội bộ và thiết lập hệ thống hạn mức dựa trên việc hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ, ban hành đầy đủ quy chế, quy

định và thiết lập các hạn mức, ngưỡng cảnh báo rủi ro thị trường trên cơ sở tuân thủ quy định của NHNN.

- Công tác đo lường, theo dõi, cảnh báo, giám sát được thực hiện định kỳ, bám sát diễn biến thị trường. Khi các giá trị rủi ro thị trường chạm ngưỡng cảnh báo trung bình và cao, Khối Quản lý rủi ro đã thực hiện các cảnh báo, đề xuất cần thiết tới Ban lãnh đạo Ngân hàng và các đơn vị có liên quan.
- Vietbank linh hoạt áp dụng các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ phòng ngừa rủi ro phù hợp theo từng giai đoạn. Các công cụ này có thể bao gồm hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, quyền chọn tiền tệ, cũng như hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và quyền chọn lãi suất, cùng các công cụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường.
- Việc sử dụng các công cụ này nhằm mục tiêu hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lãi suất, tỷ giá và các yếu tố thị trường khác đối với hoạt động kinh doanh của Vietbank

#### ❖ Quản lý rủi ro thanh khoản

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải chịu chi phí cao hơn chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, dự trữ một lượng tài sản có tính thanh khoản cao hợp lý, đồng thời Ngân hàng có chính sách quản lý rủi ro thanh khoản linh hoạt. Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt, tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Rủi ro thanh khoản được quản lý thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro; Tiền gửi tại NHNN; Các khoản tiền gửi, cho vay TCTD khác và các loại Giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.
- Thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:
  - + Tiền mặt, Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc.
  - + Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.

- + Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- + Thời gian đến hạn của góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- + Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Tiền gửi của khách hàng; Phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- + Thời gian đến hạn của tài sản cố định và tài sản Cỏ khác được xác định dựa vào thời gian thu hồi ước tính của các tài sản.

#### ❖ Quản lý rủi ro pháp lý

Để ngăn ngừa rủi ro về pháp lý, Vietbank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản luật hiện hành, nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời Vietbank thành lập Ban Pháp chế với các chức năng quản lý và tổ chức thực hiện việc tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Vietbank, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin pháp lý, tư vấn cho Ban Điều hành về các hoạt động của Ngân hàng, nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý có thể gặp phải.

#### ❖ Quản lý rủi ro hoạt động

Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Vietbank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.

Ngày 30/01/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Định kỳ hằng năm, Vietbank tổ chức rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro, và có điều chỉnh Chính sách phù hợp với thực tế của Vietbank (văn bản hiện hành theo QĐ số 10/2026/QĐ-HDQT ngày 09/01/2026).

Vietbank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khâu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đơn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khâu vị rủi ro hoạt động.

Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: Vietbank tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:

- Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;

- Sử dụng kết quả của KTNB, kết quả giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời Vietbank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;
- Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, Vietbank có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
- Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại Vietbank đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.

Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm: Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ..., Vietbank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe ô tô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).

Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:

- Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, Vietbank đã ban quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.

Tính vốn cho rủi ro hoạt động: Vietbank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

#### ❖ Quản lý rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)

Vietbank tuân thủ chính sách Phòng, chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố của Việt Nam, Liên Hợp Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Vương quốc Anh và các quốc gia có liên quan đến giao dịch.

Vietbank luôn đảm bảo tuân thủ và triển khai hiệu quả quy định của Pháp luật về PCRT/TTKB. Hệ thống chính sách, quy định nội bộ về PCRT/TTKB được rà soát định kỳ và hiệu chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của ngành ngân hàng nói chung và của Vietbank nói riêng.

Vietbank xây dựng mô hình PCRT/TTKB theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng Chi nhánh, Phòng Giao Dịch với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT đại diện Ban Điều hành.

Vietbank luôn nghiêm túc triển khai các khóa học đào tạo kiến thức về PCRT/TTKB hàng tháng, hàng năm thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến (E-learning) cho các CBNV thuộc đối tượng

bắt buộc phải tham gia đào tạo theo quy định PCRT. Ngoài ra, khi NHNN/Cục PCRT tổ chức các lớp đào tạo kiến thức PCRT trực tiếp, Vietbank luôn cử CBNV tại Hội sở và Các CN, PGD tham gia để được cập nhật/bổ sung kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết và tính tuân thủ của CBNV trong công tác PCRT/TTKB.

Vietbank sử dụng chương trình Firco Soft hiện đại với các chức năng: sàng lọc khách hàng, sàng lọc điện chuyển tiền,... nhằm hỗ trợ ngăn chặn khách hàng, ngăn chặn giao dịch không tuân thủ chính sách chấp nhận khách hàng của Vietbank.

#### ❖ Quản lý rủi ro chuẩn mực nghề nghiệp và gian lận nội bộ

Với mong muốn xây dựng văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chống gian lận nội bộ, Vietbank đã xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn mực này dựa trên nguyên lý đạo đức cơ bản nhằm mục đích hướng dẫn cán bộ nhân viên và các cấp quản lý áp dụng trong các giao tiếp hàng ngày, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của Vietbank. Chuẩn mực này yêu cầu tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên và trách nhiệm báo cáo đối với các hành vi vi phạm có khả năng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, lợi ích của Vietbank và khách hàng thông qua các kênh hotline của ngân hàng.

Vietbank xây dựng và ban hành Nội quy lao động, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp công khai trên toàn hệ thống

Vietbank ban hành bộ tiêu chí rủi ro trong tác nghiệp, có ghi nhận đánh giá rủi ro cho CBNV để áp dụng trong trường hợp điều chuyển, tái bổ nhiệm, hoặc tăng tiến trong công việc.

Vietbank định kỳ tổ chức các lớp đào tạo về văn hóa tuân thủ cho CBNV trên toàn hệ thống. Ngoài ra, Phòng Kiểm soát tuân thủ cũng thường xuyên thực hiện việc giám sát, kiểm tra và đánh giá tuân thủ đối với các đơn vị trong ngân hàng.

#### ❖ Quản lý rủi ro hệ thống CNTT

Vietbank đã phối hợp với Finastra để xây dựng hệ thống Core banking và các hệ thống ngân hàng chuyên dụng khác (hay còn gọi The Transformer – Vietbank Prime) hoàn toàn mới với đầy đủ các chức năng. Finastra là Công ty hàng đầu thế giới về công nghệ đã triển khai thành công các dự án Core cho rất nhiều ngân hàng lớn trên thế giới. Ngày 16/09/2019, Vietbank công bố chính thức vận hành hệ thống Core banking và các hệ thống hiện đại như thanh toán quốc tế, nguồn vốn. Vietbank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn hệ thống và đồng thời triển khai nhiều giải pháp kiểm soát rủi ro như sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, bảo mật mọi thông tin, giao dịch của khách hàng, phòng ngừa rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng;
- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Cục CNTH hay các đối tác tổ chức;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên toàn thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi theo khuyến nghị của các nhà cung cấp giải pháp

phần cứng và phần mềm;

- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật, các sự kiện về vi phạm dữ liệu trong hệ thống CNTT Vietbank để giám sát tập trung các hệ thống bảo mật riêng lẻ nhằm phát hiện sớm nguy cơ để ngăn chặn kịp thời;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống chính tại trung tâm dữ liệu chính sang hệ thống dự phòng tại trung tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi có thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn chương trình an ninh khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT; hàng năm gia hạn các chứng chỉ về chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán (PCIDSS) cho hệ thống thẻ;
- Triển khai, tuân thủ và đạt chứng nhận quốc tế ISO/IEC 27001:2022 – Hệ Thống Quản Lý An Toàn Thông Tin nhằm đảm bảo các rủi ro được kiểm soát, nâng cao tính sẵn sàng hệ thống, kịch bản phản ứng sự cố, bảo vệ hệ thống dữ liệu Ngân hàng, bảo vệ thông tin và tài sản khách hàng;
- Triển khai áp dụng hệ thống điện SWIFT theo tiêu chuẩn ISO 20022 giúp tăng cường tính minh bạch, hỗ trợ hiệu quả công tác phòng chống rửa tiền, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp lý;
- Cung cấp cho khách hàng các giải pháp xác thực giao dịch điện tử an toàn và hiện đại;
- Nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp nhằm chủ động phát hiện các giao dịch có dấu hiệu gian lận;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin định kỳ hàng năm cho toàn Ngân hàng;
- Thực hiện diễn tập an toàn thông tin định kỳ hàng năm nâng cao kỹ năng và mức độ phản ứng của đội ngũ vận hành.
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật trong các dịch vụ của Ngân hàng.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát đánh giá tuân thủ các thông tư NHNN và các quy định nội bộ về quản trị rủi ro Công nghệ thông tin.

#### ❖ Tình hình bảo toàn vốn

Để hoàn thành các hạng mục quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, Vietbank đã triển khai tích cực cho công tác quản trị rủi ro; cải tiến quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải thiện chất lượng dữ liệu, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin...nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

Đến thời điểm hiện nay, Vietbank cơ bản đã triển khai xong 3 trụ cột Basel II theo quy định

tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN:

- Từ tháng 11/2019, Vietbank là một trong số 14 ngân hàng được NHNN chấp thuận cho áp dụng quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn.
- Từ năm 2021, Vietbank đã triển khai thực hiện Đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP) theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- Tháng 6/2021, Vietbank đã thực hiện kiểm toán độc lập đánh giá mức độ tuân thủ việc triển khai 3 trụ cột của Basel II và kết quả đánh giá là “Hoàn toàn tuân thủ”.

Việc tuân thủ theo chuẩn Basel đã giúp cho Vietbank nâng cao năng lực quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, đồng nghĩa với việc Vietbank đã đáp ứng các quy định nghiêm khắc về quản trị và công nghệ.

#### **10.3.2. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2026 và các năm tới**

Trong năm 2026, Vietbank tiếp tục đẩy mạnh và kiện toàn công tác quản lý rủi ro nhằm nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và phù hợp với các quy định của NHNN cũng như các chuẩn mực quốc tế.

- Nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn quản lý rủi ro khung Basel III theo quy định và định hướng của NHNN.
- Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và tự động hóa trong quản lý rủi ro, nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự và hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ

#### **10.3.3. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quá trình áp dụng các chính sách quản lý rủi ro và bảo toàn vốn tại Vietbank**

Ý thức rằng QLRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, Vietbank đã xây dựng chính sách và hệ thống QLRR dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong quá trình hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo hài hòa mục tiêu QLRR với mục tiêu phát triển kinh doanh về trung, dài hạn.
- Thực hiện quản lý rủi ro theo hướng tập trung (tập trung về Hội sở chính) và theo hướng thống nhất (trong toàn hệ thống, kể cả tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh).
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa trong phân bổ nguồn lực, đầu tư vào các tài sản có rủi ro.
- Tiến tới mục tiêu là mọi loại rủi ro đều phải được đo lường thông qua các mô hình, công cụ đánh giá, kiểm chứng tính phù hợp và xác thực.
- Các khoản dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định của NHNN và chính sách QLRR của Vietbank.

Tương ứng với các nguyên tắc nêu trên, hệ thống QLRR của Ngân hàng đã được tổ chức với ba phòng tuyến để phòng thủ và kiểm soát rủi ro:

- Phòng tuyến thứ nhất là các đơn vị phát sinh rủi ro như các đơn vị kinh doanh (Các Trung tâm Kinh doanh, Khối thị trường Tài chính, Khối vận hành), các cá nhân là Chuyên viên

khách hàng có nhiệm vụ xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác:

- Phòng tuyến thứ hai là các đơn vị phụ trách về quản lý rủi ro trực thuộc Khối Quản lý rủi ro gồm: quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, quản lý rủi ro vận hành, quản lý rủi ro dữ liệu và công nghệ, quản lý rủi ro tích hợp..
- Phòng tuyến thứ ba là Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập với Ban Điều hành.

Từ đây, bộ máy tổ chức và nhân sự QLRR của Ngân hàng đã được cơ cấu và phân định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, minh bạch với sự giám sát của cơ quan quản lý cấp cao của Ngân hàng gồm Hội đồng quản trị và UBQLRR giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn giúp việc cho Tổng giám đốc.

Mặt khác, cũng để đáp ứng các yêu cầu QLRR nêu trên, Ngân hàng đã thiết lập khẩu vị rủi ro và các giới hạn kiểm soát rủi ro, thể hiện bằng các chỉ số, hạn mức cụ thể, đối với từng loại rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động); từng loại hoạt động kinh doanh; từng Đơn vị kinh doanh; cũng như đối với từng cá nhân tham gia vào các giao dịch có khả năng phát sinh rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro và các giới hạn rủi ro được rà soát theo định kỳ, ít nhất 01 lần/năm hoặc các trường hợp đột xuất khi cần thiết.

Bên cạnh đó Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống thông tin quản lý về QLRR, nhằm mục đích để thông tin đầy đủ, kịp thời trong nội bộ, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu liên quan đến công tác QLRR của Ngân hàng.

#### 10.4. Thị trường hoạt động

##### 10.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Vietbank

Trải qua 19 năm xây dựng và phát triển, hiện tại Vietbank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với địa hình kinh doanh và mạng lưới hoạt động được phân bố khắp cả nước. Cụ thể tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có:

- 01 Trụ sở chính: 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ;
- Trung tâm kinh doanh gồm 30 Chi nhánh và 102 Phòng Giao dịch;
- 01 Công ty con.

**Bảng 33: Tình hình lợi nhuận trước thuế theo khu vực địa lý (Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khu vực thị trường	2024	2025	Q1.2026
1	Miền Bắc	184.375	353.170	64.782
2	Miền Trung	124.687	197.440	47.781
3	Miền Nam	822.236	980.899	54.188

	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.131.298</b>	<b>1.531.509</b>	<b>166.751</b>
--	------------------	------------------	------------------	----------------

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026*

Xét về đóng góp của các khu vực thị trường tới lợi nhuận trước thuế, khu vực thị trường miền Nam tiếp tục là thị trường lớn nhất, nhiều chi nhánh và phòng giao dịch nhất, đóng góp lợi nhuận lớn nhất cho Ngân hàng, tiếp theo là khu vực thị trường Miền Bắc. Do đặc thù mạng lưới phân bố chủ yếu tại Miền Nam – nơi có kinh tế năng động, độ phủ thị trường rộng tạo lợi thế tiếp cận khách hàng, mở rộng tín dụng và gia tăng thu nhập dịch vụ.

#### ❖ **Mạng lưới của Công ty thành viên**

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ & khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín: gồm 1 Trụ sở chính tại 90 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

#### **10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng;**

##### ❖ **Mạng lưới khách hàng**

Vietbank có mạng lưới Khách hàng đa dạng từ Khách hàng Doanh nghiệp đến Cá nhân. Cùng với việc phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ mới dành cho các Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, số lượng Khách hàng của Vietbank tăng lên nhanh chóng. Trong danh mục Khách hàng chính hiện nay của Ngân hàng bao gồm các cá nhân có tiềm lực tài chính rất tốt và các tổ chức là các Tổng Công ty lớn.

Với mục tiêu trở thành một ngân hàng đa năng cho các nhóm Khách hàng trọng tâm tại các vùng kinh tế phát triển của Việt Nam, Vietbank xác định cho mình các thị trường mục tiêu bao gồm:

- Các Cá nhân, gia đình: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế phát triển.
- Các Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động hiệu quả, minh bạch tài chính.
- Các Khách hàng định chế: các tổ chức tài chính trên khắp cả nước.

##### ❖ **Các loại dịch vụ cho khách hàng**

##### ➤ **Dịch vụ cho khách hàng cá nhân**

##### **i. Ngân hàng số**

Dịch vụ ngân hàng số của Vietbank giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, hỗ trợ dễ dàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất kỳ địa điểm có thiết bị kết nối Internet.

- **Mobile Vietbank Digital:** Ứng dụng Mobile banking dành cho Khách hàng cá nhân. Ứng dụng được sử dụng trên các thiết bị sử dụng hệ điều hành iOS và Android có Mobile Vietbank Digital cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính ngân hàng nhanh chóng, an toàn, bảo mật như: Thông tin tài khoản/Thẻ; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; Chuyển khoản nhanh 24/7; Chuyển tiền quốc tế, Thanh toán thẻ tín dụng, nạp tiền vào thẻ trả trước; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán

QR code (QRPay); Thanh toán hóa đơn dịch vụ (điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...); Nạp tiền giao thông; Đặt vé máy bay, tàu xe, Taxi, khách sạn, vé xem phim, đặt hoa, đặt giao hàng, đặt sân Golf, thể thao giải trí, mua sắm VNSHOP;.

- **Internet Banking:** Dịch vụ cung cấp cho KHCN thông qua máy tính kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...).
- **SMS Banking:** Thông báo biến động số dư tài khoản qua tin nhắn SMS, cập nhật tức thì, hỗ trợ khách hàng quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi.
- **Ứng dụng công nghệ vào định danh Khách hàng trực tuyến (eKYC):** Vietbank đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (OCR, Face matching, Liveness detection) đồng thời tích hợp xác thực, định danh Khách hàng bằng thẻ CCCD gắn chip với Bộ Công an khi khách hàng thực hiện mở tài khoản trực tuyến, Mở tài khoản trực tuyến; Thu thập sinh trắc học tuân thủ quy định NHNN... thay thế cho các thủ tục tại quầy giao dịch.

## ii. Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của Vietbank bao gồm:

- **Sản phẩm “Tiết kiệm truyền thống”:** Có nhiều kỳ hạn, và kỳ lãnh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- **Sản phẩm “Tiết kiệm online”:** Giải pháp gia tăng tiện ích giúp Khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng được rút gửi mọi lúc, mọi nơi, thuận tiện theo nhu cầu. Ngoài ra khi tham gia tiết kiệm Online, Khách hàng còn được tham gia các chương trình khuyến mại, với nhiều quà tặng hấp dẫn và nhận mức lãi suất ưu đãi cao hơn kênh tiết kiệm truyền thống.
- **Sản phẩm “Tiết kiệm quyền chọn”:** giải pháp giúp khách hàng có nhu cầu kinh doanh được tối đa hóa lợi ích thông qua lựa chọn thời gian gửi thực tế phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- **Sản phẩm “Tiết kiệm Phát Lộc”:** Sản phẩm đa dạng với nhiều kỳ hạn từ ngắn hạn đến trung dài hạn có nhiều tiện ích và ưu đãi, KH được linh hoạt rút trước 1 phần vốn gốc và phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi suất có kỳ hạn khi đến hạn.
- **Chứng chỉ tiền gửi:** Sản phẩm dài hạn với lãi suất ưu đãi cực kỳ hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu đầu tư dài hạn của khách hàng mang lại lợi tức vượt trội so với tiết kiệm thông thường nhưng vẫn đảm bảo an toàn.
- Bên cạnh đó, Vietbank cũng triển khai các sản phẩm như Tiết kiệm đa tiện ích, Tiết kiệm tích lũy tương lai,... phục vụ cho đối tượng khách hàng có nhu cầu tích lũy tiền

định kỳ.

### iii. Thẻ

Hiện nay Vietbank đã cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nội địa và quốc tế cho Khách hàng cá nhân, gồm:

- **Thẻ tín dụng quốc tế Visa/Mastercard:** Vietbank Visa My Style/Vietbank Mastercard Happy (Hạng chuẩn), Vietbank Visa Luxury/Vietbank Mastercard Lifecare (Hạng Bạch Kim) với hạn mức tín dụng linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ, với các hình thức cấp hạn mức tín dụng bao gồm có tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm. Thẻ tín dụng Visa Vietbank/Mastercard Vietbank là công cụ hỗ trợ khách hàng thanh toán, rút tiền, thanh toán trực tuyến (E-com) trên mạng lưới Visa/Mastercard toàn cầu với nhiều ưu đãi giảm giá, hoàn tiền, trả góp giao dịch thuận tiện.
- **Thẻ tín dụng nội địa Napas:** Là thẻ tín dụng nội địa với hạn mức tín dụng linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ. Thẻ cho phép người dùng thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các điểm chấp nhận thẻ và rút tiền mặt tại các ATM trong hệ thống NAPAS trong lãnh thổ Việt Nam và các nước gồm Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia với nhiều ưu đãi giảm giá, hoàn tiền, trả góp giao dịch thuận tiện.
- **Thẻ thanh toán nội địa Vietbank:** Là thẻ ghi nợ nội địa cho phép Khách hàng sử dụng Tài khoản thanh toán tại Vietbank, thông qua Thẻ để thực hiện rút tiền, thanh toán, vắn tin số dư, sao kê tài khoản tại mạng lưới ATM/POS Vietbank và tất cả các ngân hàng trong NAPAS.
- **Thẻ trả trước quốc tế Visa:** Vietbank phát hành thẻ trả trước quốc tế Visa mà không cần Khách hàng phải mở Tài khoản thanh toán tại Vietbank. Khách hàng nạp tiền vào thẻ (Top-up) và thực hiện thanh toán, rút tiền trên số dư thẻ trả trước một cách thuận tiện.
- Mạng lưới chấp nhận thanh toán Thẻ của Vietbank hiện đã có 34 máy ATM, 264 máy POS và đang được mở rộng nhanh chóng trên toàn quốc.
- Việc đầu tư cho an toàn, bảo mật thông tin cũng được Vietbank chú trọng. Vietbank hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn thanh toán thông minh qua công nghệ Chip Contactless (Chip không tiếp xúc) cả phát hành thẻ (100% thẻ Vietbank phát hành đã sử dụng công nghệ Chip contactless) và chấp nhận thanh toán thẻ (ATM/POS) của Tổ chức thẻ quốc tế Visa/Mastercard. Đối với thẻ nội địa, Vietbank phát hành thẻ Chip nội địa VCCS nhằm đảm bảo tính bảo mật cao và khả năng tương thích với các hệ thống thanh toán của NAPAS. Vietbank đã được Tổ chức Control Case cấp chứng chỉ đảm bảo an toàn trong thanh toán thẻ PCI – DSS Level 1 (3.2.1) ở cấp độ cao nhất.

### iv. Cho vay

Các sản phẩm cho vay đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, đặc biệt đối với KHCN.

- **Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống:** Vietbank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
- **Cho vay Sản xuất kinh doanh:** Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng: Cho vay đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh; Cho vay bổ sung vốn lưu động; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD.
- Vietbank đẩy mạnh cho vay đối với các lĩnh vực trọng điểm theo định hướng của NHNN và Chính phủ như cho vay đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, cho vay sản xuất, kinh doanh lúa gạo,...
- Vietbank triển khai nhiều chương trình ưu đãi lãi suất cho vay đối với các khách hàng trẻ mua nhà để ở.

#### **v. Bảo hiểm**

Đối với mảng bảo hiểm thì hiện tại Vietbank đang thực hiện triển khai theo mô hình gián tiếp (refer) nghĩa là CBNV sẽ giới thiệu khách hàng cho Chuyên viên tư vấn bảo hiểm của các công ty bảo hiểm tiến hành tư vấn và thực hiện hợp đồng bao gồm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ:

- **Bảo hiểm phi nhân thọ:** Vietbank đang liên kết với 3 Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ là Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Quân Đội (MIC), Công ty bảo hiểm Bảo Long , và Công ty bảo hiểm Petrolimex (Pjico) để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của KHCN với các sản phẩm như: bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhà chung cư...
- **Bảo hiểm nhân thọ:** Hanwha Life - Đồng hành Vững Bước, Hanwha Life - Đồng Hành Sống Thỏa Chết, Hanwha Life - Người Bạn đồng hành, trong thời gian tới Vietbank sẽ triển khai thêm các dòng sản phẩm mới với các danh mục sản phẩm rất đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm liên kết đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo tương lai học vấn cho con, các sản phẩm Bảo vệ giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với các sản phẩm đính kèm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe nâng cao cho Khách hàng và cả gia đình.

➤ **Dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp**

**i. Tiền gửi**

Vietbank cung cấp đa dạng dịch vụ tiền gửi phục vụ cho nhu cầu của KHDN:

- **Sản phẩm Tiền gửi truyền thống:** Có nhiều kỳ hạn và kỳ lĩnh lãi để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- **Sản phẩm “Tiền gửi Linh hoạt”:** giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- **Sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Online:** Kỳ hạn gửi tiền linh hoạt, giao dịch mọi lúc, mọi nơi 24/7 Khách hàng không phải đến quầy giao dịch, không lo mất hoặc thất lạc Hợp đồng tiền gửi. Thao tác thực hiện giao dịch đơn giản, an toàn và bảo mật với phương thức xác thực thông minh Soft OTP.
- **Tài khoản tiền gửi ký quỹ:** Đáp ứng nhu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp đối với Vietbank hoặc các bên liên quan hoặc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh một cách nhanh chóng.
- **Sản phẩm chi hộ lương:** Khách hàng thực hiện chi hộ lương tại Vietbank với nhiều ưu đãi hấp dẫn, giúp Khách hàng tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân sự quản lý.
- **Dịch vụ Trung gian thanh toán:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch mua bán/chuyển nhượng tài sản, hàng hóa, dịch vụ,... Đảm bảo quyền lợi trong giao dịch mua bán/chuyển nhượng: Người bán/chuyển nhượng nhận đầy đủ tiền, Người mua/nhận chuyển nhượng thì nhận đủ tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- **Dịch vụ giao dịch qua Email:** Doanh nghiệp đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch qua Email với Vietbank. Với hạn mức giao dịch trên mỗi chứng từ tối đa 10 tỷ đồng và hạn mức giao dịch trong ngày tối đa 50 tỷ đồng. Thủ tục đơn giản Khách hàng chỉ cần scan chứng từ gốc gửi email đến Vietbank để thực hiện giao dịch với địa chỉ email đã được đăng ký.

**ii. Tín dụng**

Vietbank cam kết đem lại những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt, đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn, trung dài hạn cũng như phát hành các loại bảo lãnh trong nước của doanh nghiệp như:

- **Cho vay ngắn hạn:** bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết, ...
- **Cho vay trung dài hạn:** đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới, ...
- **Bảo lãnh trong nước:** phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững

chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:

- + Bảo lãnh dự thầu.
  - + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
  - + Bảo lãnh thanh toán.
  - + Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
  - + Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
  - + Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
  - + Các loại bảo lãnh khác.
- Ngoài ra, để hỗ trợ cho Khách hàng Doanh Nghiệp, Vietbank cũng chủ động có những gói cho vay ưu đãi như Gói ưu đãi ngắn hạn dành cho KHDN 2025, Gói ưu đãi trung dài hạn dành cho KHDN 2025, Chương trình lãi suất cho vay đối với lĩnh vực nông, lâm sản, thủy sản theo gói tín dụng 100.000 tỷ đồng của Ngân hàng Nhà nước.... Chính sách dành cho KHDN ngành thi công xây lắp, Chính sách dành cho KHDN ngành được y tế. Chương trình “Chào mừng Quốc Khánh – Tinh hoa và Thịnh vượng” nhằm hỗ trợ, chăm sóc tốt hơn cũng như thu hút khách hàng...

### **iii. Dịch vụ thanh toán**

Vietbank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của Vietbank (Internet banking, Mobile banking, ...).

### **iv. Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)**

Vietbank luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

- Tài trợ thương mại.
- **Tài trợ L/C xuất khẩu:** Cho vay bổ sung vốn lưu động ngắn hạn đối với Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu để thanh toán các chi phí mua hàng hóa, nguyên vật liệu,...nhằm hỗ trợ Khách hàng hoàn thành sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán thư tín dụng (L/C) trên cơ sở L/C đã phát hành.
- **Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng:** Cho vay bổ sung vốn lưu động ngắn hạn đối với Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu để thanh toán các chi phí mua hàng hóa, nguyên vật liệu, ... nhằm hỗ trợ Khách hàng hoàn thành sản xuất, chế biến hàng hóa theo Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu theo các phương thức thanh toán L/C, Nhờ thu trả ngay (D/P), Nhờ thu trả chậm (D/A), Chuyển tiền quốc tế (TTR).

- **Tài trợ nhập khẩu:** Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hoá nhập khẩu. Hình thức tài trợ: Cho vay vốn lưu động để nhập khẩu hàng hóa theo các phương thức thanh toán L/C, D/P, D/A, TTR; phát hành L/C phục vụ nhập khẩu hàng hóa.
- **Chiết khấu Hồi phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu:** Đáp ứng nhu cầu vốn cho Doanh nghiệp sau khi giao hàng trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu. Hình thức tài trợ: mua có bảo lưu quyền truy đòi hồi phiếu kèm bộ chứng từ xuất khẩu trước khi đến hạn thanh toán.
- **UPAS L/C:** L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép bên thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu/bên bán hàng trong nước và nhu cầu trả chậm tiền hàng của khách hàng (nhà nhập khẩu/bên mua hàng trong nước).
- **UPAU L/C:** L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả trước ngày đến hạn thanh toán, cho phép bên thụ hưởng (Nhà xuất khẩu/bên bán hàng trong nước) được Ngân hàng bảo đảm nhận thanh toán theo thời hạn trả chậm phù hợp với thời hạn thỏa thuận trên Hợp đồng ngoại thương khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C; đồng thời đáp ứng nhu cầu trả chậm hơn so với thời hạn thỏa thuận trên Hợp đồng ngoại thương của khách hàng (nhà nhập khẩu/bên mua hàng trong nước).

#### v. Kinh doanh ngoại tệ và phái sinh

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Vietbank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- **Giao dịch ngoại tệ giao ngay:** Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...
- **Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- **Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:** hỗ trợ khách hàng trong việc quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

#### vi. Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử do Vietbank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện

giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...).

**vii. Bảo hiểm**

- **Bảo hiểm nhân thọ:** Vietbank đem đến những giải pháp phù hợp và tối ưu dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.
- **Bảo hiểm phi nhân thọ:** Các sản phẩm bảo hiểm dành cho KHDN với chi phí hợp lý như: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ - hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không; Bảo hiểm tài sản và thiệt hại; Bảo hiểm kỹ thuật; bảo hiểm máy móc, thiết bị chủ thầu; Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt...

**10.4.3. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành**

**❖ Vị thế của Vietbank trong ngành**

Vietbank đã thực hiện khảo sát các báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2025 của 27 ngân hàng đã thực hiện niêm yết HSX, HNX và đăng ký giao dịch UPCOM trong tổng số 31 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam được công bố trên trang thông tin điện tử của các ngân hàng hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Theo đó, vị thế của Vietbank so với các doanh nghiệp trong ngành như sau:

- **Về xếp hạng tín nhiệm:** Ngày 15/10/2025, Fitch Ratings đã xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu cho Vietbank (VBB) ở mức "**B+**" với triển vọng ổn định. Kết quả này ghi nhận nền tảng hoạt động ổn định, nỗ lực minh bạch hóa và quản trị theo chuẩn mực quốc tế của ngân hàng, giúp Vietbank tăng uy tín và tiếp cận vốn quốc tế tốt hơn. Theo Fitch, kết quả xếp hạng phản ánh năng lực quản trị rủi ro chặt chẽ, hồ sơ tín dụng lành mạnh và khả năng ứng phó ổn định của Vietbank trong bối cảnh kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Đây cũng là động lực để Ngân hàng tiếp tục củng cố năng lực tài chính, tăng cường chất lượng tài sản, đẩy mạnh chuyển đổi số và mở rộng nền khách hàng bán lẻ, nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao xếp hạng tín nhiệm trong thời gian tới.
- **Về quy mô hoạt động:** Tại thời điểm 31/12/2025, quy mô Tổng tài sản, Cho vay, Huy động khách hàng, Vốn chủ sở hữu, Vốn điều lệ, Vietbank có quy mô không lớn so với các Ngân hàng khác:
  - + Tổng tài sản đạt 196.771 tỷ đồng.
  - + Dự nợ cho vay khách hàng (sau khi trừ dự phòng rủi ro) đạt 103.772 tỷ đồng.
  - + Tiền gửi khách hàng đạt 101.450 tỷ đồng.
  - + Vốn chủ sở hữu đạt 12.432 tỷ đồng.
  - + Vốn điều lệ Vietbank đạt 10.769 tỷ đồng.

**Bảng 34: Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành tại 31/12/2025**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
Vietbank	196.771	103.772	101.450
Thị phần Vietbank so với các ngân hàng trong ngành (*)	0,93%	0,74%	0,79%

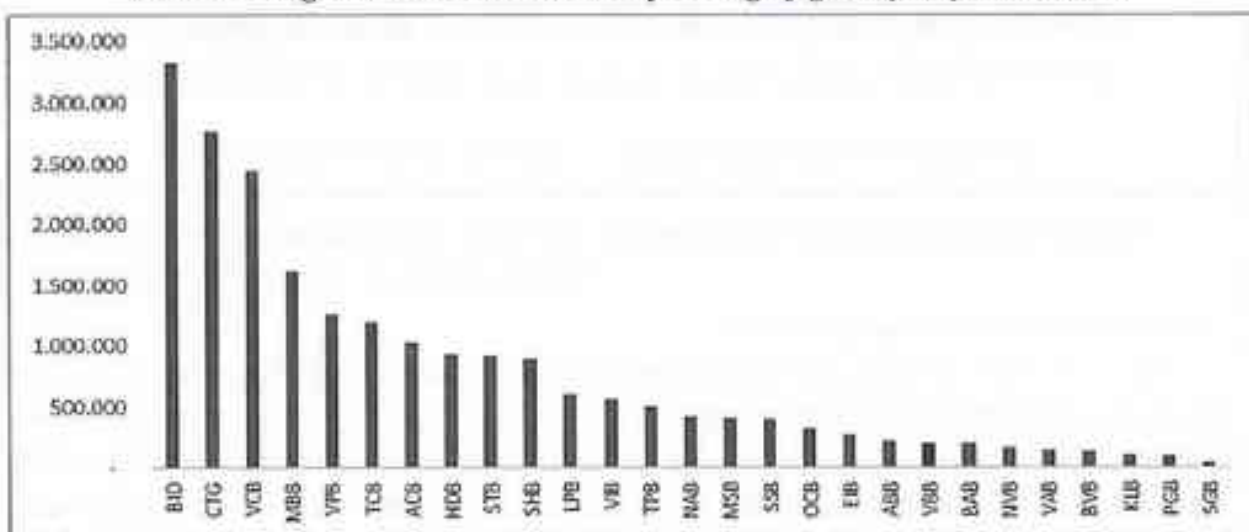
*Nguồn: (\*) Số liệu được tính toán từ BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank và số liệu từ BCTC hợp nhất tự lập Quý IV năm 2025 của 26 ngân hàng niêm yết/ đăng ký giao dịch*

- **Về năng lực tài chính:** Vốn chủ sở hữu Vietbank còn còn khiêm tốn so với nhóm ngân hàng lớn, nhưng vẫn đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn theo quy định và đã được cải thiện đáng kể sau quá trình tăng vốn. Vietbank đứng thứ 20/27 về quy mô tổng tài sản và đứng thứ 20/27 về quy mô vốn điều lệ tại 31/12/2025.
- **Về kết quả kinh doanh:** Lợi nhuận trước thuế lũy kế cải thiện dần qua các năm, Quý II/2025, Vietbank nằm ở vị trí 23/27 TCTD (Quý II năm 2024 LNTT Vietbank xếp hạng 23/27 TCTD) và đến Quý IV/2025, lũy kế lợi nhuận trước thuế hợp nhất cả năm 2025 xếp hạng 21/27 TCTD. Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế Vietbank năm 2025 đạt 35,4% so với cùng kỳ 2024, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận thuộc nhóm đầu trong các TCTD khảo sát. Bên cạnh nguồn thu đến từ hoạt động kinh doanh lõi, tỷ lệ thu nhập từ các hoạt động khác của Vietbank cũng cải thiện qua các năm nhờ nguồn thu đa dạng.
- **Về quy mô kinh doanh trên một chi nhánh và trên một điểm giao dịch:** Trong khi Vietbank nằm trong nhóm ngân hàng có số lượng chi nhánh thấp nhất, chỉ có 30 chi nhánh, nhưng lại có 102 điểm giao dịch. Do đó, quy mô kinh doanh (huy động và cho vay) trên một chi nhánh của Vietbank tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu tính trên cơ sở tổng số các điểm giao dịch thì quy mô kinh doanh của mỗi điểm giao dịch lại thấp.
- **Về mạng lưới và số lượng lao động:** Vietbank nằm trong nhóm các ngân hàng tương đối ít điểm giao dịch và số lượng nhân viên thấp so với toàn ngành. Tính đến 31/12/2025, Vietbank có 3.060 cán bộ nhân viên.
- **Về chất lượng tài sản:** Vietbank quản lý chất lượng tài sản theo hướng cân trọng, chủ động đẩy mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng và quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức kế hoạch.
- Vietbank đang nỗ lực đẩy mạnh xây dựng và phát triển hình ảnh thương hiệu theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và gần gũi, nhằm gia tăng sự nhận diện thương hiệu và củng cố niềm tin từ khách hàng. Thông qua các hoạt động truyền thông đồng bộ và tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, Vietbank từng bước nâng cao vị thế trên thị trường.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, Vietbank với mạng lưới hoạt động và đội ngũ nhân sự được tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Những năm gần đây, hiệu quả kinh doanh Ngân hàng đã liên tục cải thiện qua các năm, cho thấy sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Việc mở rộng quy mô và nâng cao năng lực hoạt động đang tạo đà cho Vietbank nắm bắt cơ hội, phát huy tiềm năng và tiến gần hơn đến mục tiêu phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

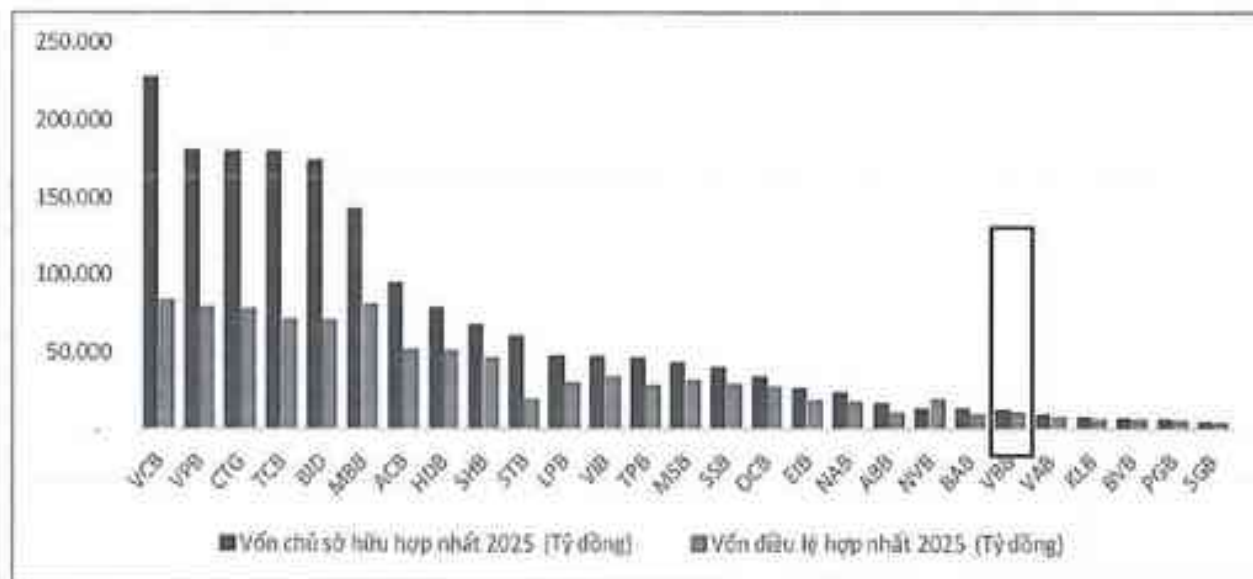
Chi tiết thông tin Tổng tài sản các Ngân hàng thương mại niêm yết/UPCOM tại 31/12/2025 như sau:

**Hình 3: Tổng tài sản các NHTM niêm yết/đăng ký giao dịch tại 31/12/2025**



*Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank và số liệu từ BCTC hợp nhất Tự lập quý IV năm 2025 của 26 ngân hàng*

**Hình 4: Quy mô Vốn chủ sở hữu và Vốn điều lệ các NHTM niêm yết/ đăng ký giao dịch tại 31/12/2025**



*Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank và số liệu từ BCTC hợp nhất Tự lập quý IV năm 2025 của 26 ngân hàng*

#### ❖ Thị phần và khả năng cạnh tranh

Tại 31/12/2025, thị phần của VBB về tổng vốn chủ sở hữu, quy mô vốn điều lệ và dư nợ cho vay so với toàn hệ thống ngân hàng lần lượt là 0,70%, 1,17% và 0,74%. Tuy nhiên, hiện tại chưa có số liệu công bố chính thức về thị phần của Vietbank so với các tổ chức tín dụng khác trong ngành.

**Bảng 35: Thị phần về vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ, dư nợ cho vay so với các ngân hàng trong ngành tại 31/12/2025**

Chỉ tiêu	Toàn ngành (tỷ đồng)	VBB (tỷ đồng)	Thị phần (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	1.782.490	12.432	0,70%
Tổng vốn điều lệ	921.897	10.769	1,17%
Dư nợ cho vay	13.941.731	103.772	0,74%

*Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank và số liệu từ BCTC hợp nhất Tự lập quý IV năm 2025 của 26 ngân hàng khác*

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2025 của một số Ngân hàng có quy mô tương tự Vietbank và báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank, có thể so sánh Vietbank với các ngân hàng như sau:

**Bảng 36: So sánh quy mô của Vietbank và một số ngân hàng khác**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Ngân hàng	Sàn Giao dịch	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Cho vay khách hàng	Tiền gửi khách hàng

Ngân hàng Bắc Á	HNX	10.032	13.309	195.820	124.841	127.024
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	UPCOM, dự kiến chuyển sàn HOSE	10.769	12.432	196.771	103.772	101.450
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	HNX	19.280	13.593	163.615	96.303	127.403
Ngân hàng TMCP Việt Á	HOSE	8.164	10.155	140.486	87.681	99.080
Ngân hàng TMCP Bán Việt	UPCOM	6.408	7.460	133.048	76.601	71.414
Ngân hàng TMCP Kiên Long	HOSE	5.822	8.383	103.555	70.413	72.010

*Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank và số liệu từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của các ngân hàng.*

#### **10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh**

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, Vietbank đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả hoạt động trên nhiều lĩnh vực như ngân hàng số, quản trị rủi ro, CNTT, quản trị nguồn nhân lực.

**Bảng 37: Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh mà Vietbank đang và đã triển khai**

<b>Tên Dự án</b>	<b>Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Vietbank</b>	<b>Thời gian triển khai dự án</b>
Triển khai thẻ Mastercard	Dự án phát triển dòng thẻ Mastercard là một mắt xích chiến lược trong tiến trình: (1) Thúc đẩy chuyển đổi số hóa, nâng cao trải nghiệm và gắn kết khách hàng; (2) Nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường bán lẻ; (3) Định vị thương hiệu theo hướng hiện đại và quốc tế; (4) Mở rộng nguồn thu phí dịch vụ – tăng trưởng thu nhập ngoài lãi, hỗ trợ chiến lược bán chéo sản phẩm.  Đặc biệt, tháng 12/2023, dự án vinh dự được Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh ở hạng mục “Excellence in Innovation”, khẳng định năng lực triển khai sản phẩm số sáng tạo và hiệu quả của ngân hàng.	Năm 2023
Xây dựng Chính sách Lương – Thưởng	Việc xây dựng chính sách lương – thưởng gắn liền với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh không chỉ là một yêu cầu thiết yếu về mặt nhân sự, mà còn là đòn bẩy chiến lược thúc đẩy hiệu suất tổ chức. Dự án góp phần quan trọng vào các khía cạnh sau:  1. Quản lý hiệu quả công việc: tạo động lực và gắn kết mục tiêu cá nhân với mục tiêu đơn vị.  2. Thúc đẩy năng suất: thông qua lương – thưởng KPI cá nhân và hiệu quả đơn vị, thúc đẩy văn hóa hiệu suất và tính	Từ năm 2022 đến năm 2024

Tên Dự án	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Vietbank	Thời gian triển khai dự án
	trách nhiệm. 3. Hoạch định nguồn lực: hỗ trợ đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự chiến lược. 4. Thúc đẩy tinh công bằng: tăng minh bạch và công bằng nội bộ, nâng cao sự hài lòng và giữ chân nhân sự chủ chốt.	
Xây dựng và triển khai giải pháp Omni Channel dành cho Khách hàng tổ chức	Dự án mở rộng kênh giao dịch đa điểm, hợp nhất trải nghiệm khách hàng doanh nghiệp qua nền tảng số. Góp phần: (1) nâng cao năng lực phục vụ, (2) tăng trải nghiệm liền mạch và hiệu quả, (3) nâng sức cạnh tranh thị trường. Đây là nền tảng hỗ trợ mạnh mẽ cho chiến lược bán hàng đa kênh và quản trị tập trung khách hàng tổ chức	Từ năm 2024 đến năm 2026
Thiết kế, xây dựng và vận hành Văn phòng chuyển đổi	Dự án đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy quản trị chuyển đổi, nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình chiến lược. Văn phòng chuyển đổi là trung tâm điều phối – giám sát – bảo đảm tiến độ và chất lượng các sáng kiến ưu tiên, đảm bảo (1) quản trị hiệu quả, (2) tinh gọn mô hình tổ chức, (3) gia tăng chất lượng dịch vụ, và (4) nâng cao giá trị chuyển đổi mang lại cho khách hàng và tổ chức.	Năm 2025
Dự án tái cấu trúc	Dự án tái cấu trúc mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy điều hành Vietbank. Dự án góp phần: <ol style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng suất. Tăng cường khả năng thích ứng với môi trường khi thị trường, chiến lược và quy mô hoạt động thay đổi.</li> <li>Tối ưu hóa nguồn lực, chuyên môn, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời giúp tiết giảm chi phí và tối ưu hóa tài chính.</li> <li>Giúp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh và vận hành hiện tại.</li> <li>Tăng giá trị Vietbank và dễ dàng thu hút vốn đầu tư trên thị trường.</li> </ol>	Từ năm 2025 đến năm 2027
Dự án triển khai mô hình Quản lý kinh doanh theo ngành dọc tại Trung tâm Kinh doanh (TTKD)	Dự án triển khai mô hình Quản lý kinh doanh theo ngành dọc tại TTKD thực hiện chuẩn hóa hệ thống chức danh rõ ràng, các quy định vận hành, chỉ tiêu KPIs và chính sách đánh giá kết quả bán hàng phản ánh đúng năng lực đội ngũ bán hàng. Dự án góp phần: <ol style="list-style-type: none"> <li>Tăng lực lượng bán hàng trực tiếp, giảm lực lượng vận</li> </ol>	Năm 2025

Tên Dự án	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Vietbank	Thời gian triển khai dự án
	<p>hành và cấp quản lý trung gian.</p> <p>2. Nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối ưu chi phí nhân sự, rút ngắn thời gian ra quyết định và cải thiện chất lượng phục vụ khách hàng.</p>	
Dự án SWIFT ISO 20022	<p>Dự án nâng cấp hệ thống SWIFT theo chuẩn ISO 20022, thay thế cho chuẩn MT.</p> <p>1. Giúp hệ thống SWIFT Vietbank đáp ứng chuẩn ISO 20022.</p> <p>2. Triển khai hệ thống linh hoạt hơn, giúp rút ngắn thời gian, giảm thiểu rủi ro và chi phí.</p>	Năm 2025
Dự án Xếp hạng tín nhiệm độc lập	<p>Dự án thực hiện chấm điểm tín nhiệm Vietbank nhằm nâng cao thương hiệu, uy tín cho Vietbank trên thị trường trong và ngoài nước. Dự án góp phần:</p> <p>1. Nâng cao uy tín và minh bạch tài chính.</p> <p>2. Tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn: xếp hạng tín nhiệm càng cao, giúp huy động được nguồn vốn với chi phí thấp.</p> <p>3. Hỗ trợ quản lý rủi ro và chiến lược.</p> <p>4. Giúp tăng khả năng cạnh tranh với các ngân hàng khác, dễ dàng thu hút khách hàng và các nhà đầu tư.</p>	Năm 2025
Dự án Pháp lý chứng từ và quản lý hồ sơ bảo đảm tập trung	<p>Dự án là bước đệm để Vietbank tiến tới vận hành tín dụng tập trung. Dự án góp phần:</p> <p>1. Chuyển đổi số trọng công tác vận hành, xây dựng nền tảng dữ liệu hồ sơ tài sản bảo đảm.</p> <p>2. Nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành tín dụng và phục vụ khách hàng.</p> <p>3. Giúp tăng cường kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro.</p>	Từ năm 2025 đến năm 2026
Dự án chuyển đổi giải pháp khởi tạo và quản lý khoản để xuất cấp tín dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp	<p>Dự án triển khai giải pháp toàn diện, tối ưu và tự động hóa quy trình khởi tạo, quản lý và hỗ trợ đánh giá các khoản để xuất cấp tín dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp.</p> <p>1. Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng.</p> <p>2. Gia tăng khả năng quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng.</p> <p>3. Nâng cao trải nghiệm của Khách hàng Doanh nghiệp.</p>	Từ năm 2025 đến năm 2026
Dự án Nâng cấp App Vietbank Digital	<p>Dự án nâng cấp App Vietbank Digital dành cho khách hàng cá nhân, góp phần:</p>	Từ năm 2025 đến

<b>Tên Dự án</b>	<b>Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Vietbank</b>	<b>Thời gian triển khai dự án</b>
dành cho khách hàng cá nhân	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao trải nghiệm khách hàng, và cung cấp thêm nhiều dịch vụ tính năng mới.</li> <li>Đáp ứng tuân thủ các quy định, thông tư của NHNN bảo mật giao dịch cho khách hàng.</li> <li>Tăng cường bảo mật: cập nhật công nghệ chống gian lận, phát hiện và ngăn ngừa rủi ro, giúp khách hàng an tâm giao dịch.</li> <li>Xây dựng hình ảnh ngân hàng số hiện đại với khách hàng</li> </ol>	năm 2026
Dự án Loyalty	<p>Dự án xây dựng hệ thống khách hàng thân thiết nhằm tăng cường khả năng khai thác, thúc đẩy khách hàng hiện hữu thường xuyên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ Vietbank. Dự án góp phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giúp Vietbank thấu hiểu, và xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp, giữ chân được khách hàng. Gia tăng giá trị vòng đời cho khách hàng. Tăng doanh thu bền vững.</li> <li>Giúp khách hàng thường xuyên sử dụng sản phẩm, dịch vụ Vietbank, gắn bó lâu dài.</li> </ol>	Từ năm 2025 đến năm 2026
Dự án Phân quyền, ủy quyền	<p>Dự án xây dựng một hệ thống phân quyền, phân công và ủy quyền đồng bộ để phát triển bền vững. Dự án góp phần đem lại hiệu quả:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giúp Vietbank phân quyền, ủy quyền minh bạch, thống nhất và đồng bộ.</li> <li>Giúp gắn liền trách nhiệm, hiệu quả công việc và quản trị được rủi ro.</li> </ol>	Từ năm 2025 đến năm 2026
Dự án IFRS	<p>Dự án lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IFRS). Dự án góp phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giúp Vietbank đáp ứng tuân thủ theo yêu cầu của Bộ Tài chính.</li> <li>Nâng cao uy tín, tăng cường tính minh bạch, và độ tin cậy với đối tác, nhà đầu tư.</li> <li>Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho việc ra quyết định, tăng cường kiểm soát nội bộ và hiệu quả quản trị.</li> </ol>	Từ năm 2025 đến năm 2026

Nguồn: Vietbank

## 10.6. Chiến lược kinh doanh

### 10.6.1. Tổng quan về các chiến lược

- ❖ Tầm nhìn: Vietbank đặt mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu về tăng trưởng an toàn, hiệu quả, và đổi mới trong lĩnh vực bán lẻ và ngân hàng số.
- ❖ Mục tiêu tổng quát:
  - Tăng trưởng quy mô an toàn và bền vững: Đảm bảo tốc độ tăng trưởng tài sản, huy động và cho vay ở mức cao nhưng đi đôi với kiểm soát chặt chẽ rủi ro.
  - Chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số và bán lẻ: Tăng cường ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và nâng cao tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Áp dụng triệt để các tiện ích ngân hàng số nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động của Ngân hàng.
  - Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện: Hoàn thiện mô hình quản trị, tối ưu hóa vận hành, và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
  - Đảm bảo đủ vốn và an toàn hoạt động: Tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về an toàn vốn và thanh khoản, đặc biệt là triển khai hiệu quả ICAAP và triển khai hoàn chỉnh Basel III.

#### 10.6.2. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Nhằm mục tiêu tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và nâng cao giá trị cho cổ đông, Vietbank tập trung triển khai các định hướng chiến lược trọng yếu về quản trị điều hành, huy động và phân bổ nguồn lực như sau:

##### a. Chiến lược quản trị, điều hành:

Ngân hàng chủ trương xây dựng một mô hình quản trị và vận hành hiện đại, minh bạch, vừa đảm bảo năng lực quản trị rủi ro và kiểm soát chi phí tập trung, vừa trao quyền tự chủ cần thiết để các đơn vị kinh doanh phát huy sự linh hoạt và hiệu quả.

- Tối ưu hóa Mô hình Vận hành:
  - + Thực hiện việc rà soát và phân định rõ ràng vai trò, trách nhiệm giữa Hội sở và các Đơn vị Kinh doanh. Các chức năng mang tính trọng yếu, đòi hỏi sự nhất quán toàn hệ thống và kiểm soát rủi ro tập trung (như Ban hành chính sách tín dụng, Quản trị rủi ro, Quản trị thanh khoản, Kiểm toán nội bộ) sẽ được chuẩn hóa và quản lý chặt chẽ tại Hội sở.
  - + Trao quyền tự chủ cho các Đơn vị Kinh doanh trong một phạm vi được xác định rõ ràng, dựa trên Ma trận phân cấp quyền hạn. Mức độ tự chủ gắn liền với hiệu suất hoạt động và năng lực quản trị rủi ro của từng đơn vị, qua đó thúc đẩy tính chịu trách nhiệm đối với kết quả kinh doanh (P&L).
- Nâng cao Hiệu quả quản lý theo chức năng:
  - + Tái cấu trúc hệ thống quản lý theo trục dọc, chuyển đổi vai trò của các Khối/Phòng ban chức năng tại Hội sở từ giám sát đơn thuần thành các Trung tâm Chuyên môn hoá (Center of Excellence - CoE). Các trung tâm này có trách nhiệm cung cấp định hướng, công cụ và hỗ trợ chuyên môn kịp thời để các Đơn vị Kinh doanh đạt được mục tiêu.

- + Thiết lập và áp dụng Khung quản trị hiệu suất (Performance Management Framework) với hệ thống chỉ tiêu (KPIs) minh bạch, có trọng số, liên kết trực tiếp tới các chỉ số tài chính chiến lược của ngân hàng (ví dụ: Tỷ lệ Thu nhập lãi cận biên - NIM, Tỷ lệ Chi phí trên Thu nhập - CIR, Tỷ lệ Nợ xấu - NPL, Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu - ROE).

**b. Chiến lược về Nguồn vốn và Phân bổ nguồn lực:**

- Chiến lược Huy động và Quản lý nguồn vốn:
  - + Tăng trưởng huy động từ thị trường dân cư và tổ chức kinh tế: Duy trì cơ cấu huy động vốn tối ưu, trong đó tiền gửi của khách hàng đóng vai trò nền tảng và chủ đạo.
  - + Chủ động huy động vốn trung và dài hạn: Chủ động phát hành các công cụ nợ như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi trên thị trường vốn nhằm tối ưu hóa chi phí huy động và tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn.
- Chiến lược Tăng cường Năng lực Vốn chủ sở hữu:
  - + Tăng vốn điều lệ: Ngân hàng đã xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu và/hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận giữ lại, tùy thuộc vào điều kiện thị trường và sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền theo lộ trình dự kiến như sau:
    - Năm 2025: tối đa 10.919 tỷ đồng, được Vietbank thực hiện thông qua phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ và Phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu. Ngày 29/12/2025, Vietbank đã nhận được công văn của UBCKNN về việc hoàn tất việc tăng vốn từ phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu. Ngày 05/02/2026, NHNN đã có Quyết định số 179/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank. Theo đó, vốn điều lệ của Vietbank sau các đợt tăng vốn này là 10.769 tỷ đồng.
    - Năm 2026: tối đa 15.548 tỷ đồng: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Vietbank đã thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026, theo đó Vietbank sẽ thực hiện 03 đợt tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tăng tỷ lệ 10% so với mức vốn điều lệ trước khi phát hành), chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tăng 25% so với vốn điều lệ đã được tăng từ lần 1) và phát hành ESOP (dự kiến 5% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành). Theo đó sẽ nâng mức vốn điều lệ sau 03 đợt phát hành lên mức 15.548 tỷ đồng.
    - Năm 2027: tối đa 20.000 tỷ đồng.
  - + Bổ sung vốn cấp 2: Khi cần thiết, Ngân hàng sẽ xem xét phát hành trái phiếu thứ cấp nhằm duy trì và cải thiện Tỷ lệ An toàn vốn (CAR) theo quy định.
  - + Sử dụng hiệu quả lợi nhuận giữ lại: Tối ưu hóa việc sử dụng lợi nhuận tạo ra để tái đầu tư, liên tục củng cố nền tảng vốn chủ sở hữu.

**11. Chính sách đối với người lao động**
**11.1. Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết**
**Bảng 38: Số lượng, cơ cấu người lao động của Vietbank**

STT	Tính chất phân loại	31/12/2024		31/12/2025		31/03/2026	
		Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%
<b>I</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>2.864</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.060</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.036</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	1.224	42,7%	1.287	42,1%	1.278	42,09%
2	Nữ	1.640	57,3%	1.773	57,9%	1.758	57,91%
<b>II</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>2.864</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.060</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.036</b>	<b>100,00%</b>
1	Trên Đại học	103	3,6%	142	4,6%	143	4,71%
2	Cử nhân	2.403	83,9%	2.567	83,9%	2.546	83,86%
3	Cao đẳng	229	8,0%	231	7,5%	230	7,58%
4	Khác	129	4,5%	120	3,9%	117	3,85%
<b>III</b>	<b>Theo hợp đồng</b>	<b>2.864</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.060</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.036</b>	<b>100,00%</b>
1	Lao động thường xuyên	2.864	100,0%	3.060	100,0%	3.036	100,00%
2	Lao động thời vụ	0	0,0%	0	0,0%	-	-

Nguồn: Vietbank

**11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**
**❖ Chính sách đào tạo:**

- Vietbank luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho toàn thể cán bộ nhân viên phát triển một cách toàn diện, cả về trình độ chuyên môn lẫn kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc, cấp bậc thông qua các chương trình đào tạo mang tính ứng dụng cao. Số hóa hoạt động đào tạo được đẩy mạnh với những cải tiến quan trọng nhằm nâng cao trải nghiệm của các cán bộ nhân viên từ đó thúc đẩy tinh thần tự học. Các chương trình đào tạo được triển khai thông qua đa dạng các hình thức, bao gồm: lớp học tập trung trực tiếp, lớp học thông qua các nền tảng trực tuyến và E-learning nhằm tạo sự thuận tiện, linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập cho CBNV..
- Chương trình đào tạo xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh, mục tiêu ngắn hạn, dài hạn của Ngân hàng kết hợp với tiến trình nghề nghiệp của nhân viên. Nội dung đào tạo chú trọng vào tính thực tiễn, được thiết kế và cung cấp trên cơ sở yêu cầu năng lực cần thiết

cho công việc. Cơ hội đào tạo và phát triển là bình đẳng đối với mọi nhân viên căn cứ vào tiềm năng phát triển của nhân viên, nhu cầu kinh doanh và định hướng phát triển của Ngân hàng.

- Nhân viên Ngân hàng tích cực học tập, rèn luyện để đạt được tiêu chuẩn nghề nghiệp cho công việc hiện tại và cho công việc có trách nhiệm cao hơn trong tiến trình nghề nghiệp của mình. Ngân hàng khuyến khích và sẽ tạo điều kiện để nhân viên tự nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng, kiến thức và tích cực tham gia các hoạt động đào tạo để trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với đồng nghiệp.
- Công tác đào tạo phải đúng thời điểm; theo tiêu chuẩn năng lực, chức danh; theo yêu cầu kinh doanh thực tế tại đơn vị và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng. Công tác đào tạo phải lấy hiệu quả, chất lượng làm phương châm, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Ngân hàng trên cơ sở tiết kiệm thời gian và kinh phí.

#### ❖ Chính sách lương thưởng, phúc lợi, trợ cấp, thăng tiến:

- Về chế độ phụ cấp, Bảo hiểm xã hội: Tất cả nhân viên chính thức của Vietbank đều được hưởng các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động;
- Chế độ phúc lợi: Nhân viên chính thức của Vietbank được hưởng các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ bảo hiểm sức khỏe và tai nạn, chế độ nghỉ mát;
- Chế độ lương, thưởng, thăng tiến:
  - Duy trì và đảm bảo thu nhập cho NLD;
  - Duy trì chế độ thưởng căn cứ theo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị và kết quả xếp loại cá nhân định kỳ, thực hiện và triển khai chính sách điều chỉnh lương định kỳ, Cơ chế khuyến khích thưởng vượt chỉ tiêu cho CBNV thuộc lực lượng kinh doanh (Khách hàng Cá nhân/ Khách hàng Doanh nghiệp).
  - Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp: Ngân hàng đã xây dựng Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp cho từng chức danh tại các đơn vị, qua đó, từng nhân sự có thể tự định hướng và xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp cho bản thân.
- Các chế độ khác: Chính sách vay ưu đãi dành cho CBNV Vietbank: CBNV được vay tại Vietbank với lãi suất cho vay ưu đãi. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kết quả hoàn thành công việc được đánh giá hàng kỳ. CBNV hoàn thành công việc càng xuất sắc, lãi suất cho vay càng được điều chỉnh thấp hơn so với lãi suất cho vay thông thường.

### 11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Ngân hàng không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ, HĐQT của Vietbank sẽ quyết định quy chế cụ thể theo từng lần phát hành.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Vietbank dự kiến sẽ thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2026

(Chương trình ESOP 2026) với mức tối đa là 5% so với tổng số vốn điều lệ (5% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành) tại thời điểm thực hiện.

## 12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Vietbank, cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên trên cơ sở đề nghị của HĐQT. Vietbank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ Vietbank và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và Pháp luật; ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, Vietbank vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Vietbank dự kiến sẽ thực hiện phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025) với tỷ lệ tăng 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành cho cổ đông hiện hữu.

**Bảng 39: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây**

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	25%	15%	10%
	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ

*Nguồn: Vietbank*

## 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Tính đến thời điểm ngày 31/03/2026, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

- Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 5.107.300.000.000 đồng, trong đó:
  - + Trái phiếu riêng lẻ: 2.729.300.000.000 đồng
  - + Trái phiếu chào bán ra công chúng: 2.378.000.000.000 đồng

*(Chi tiết danh sách trái phiếu đang lưu hành theo bảng 4 điều 8.3. mục IV)*

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, Vietbank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

**Bảng 40: Mục đích sử dụng vốn của các trái phiếu đang lưu hành tính đến Quý 1/2026**

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Ngày phát hành, Kỳ hạn	Mục đích sử dụng vốn
VBBL2128002	Riêng lẻ	125.300	29/09/2021 7 năm	Tăng quy mô hoạt động và cho vay
VBBL2128003	Riêng lẻ	100.200	29/10/2021 7 năm	Tăng quy mô hoạt động và cho vay
VBBL2128005	Riêng lẻ	3.500	26/11/2021 7 năm	Tăng quy mô hoạt động và cho vay
VBBL2128010	Riêng lẻ	300	28/12/2021 7 năm	Tăng quy mô hoạt động và cho vay
VBB123034	Công chúng	1.378.000	30/06/2023 7 năm	Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm KHCN và KH tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN
VBB124001	Công chúng	1.000.000	27/03/2024 7 năm	Tăng quy mô hoạt động và cho vay
VBB12501	Riêng lẻ	1.000.000	30/12/2025 7 năm	Tăng vốn cấp 2, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định NHNNVN

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Ngày phát hành, Kỳ hạn	Mục đích sử dụng vốn
VBB12502	Riêng lẻ	1.500.000	30/12/2025 7 năm	Tăng vốn cấp 2, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định NHNNVN

Nguồn: Vietbank

**Kế hoạch phát hành trái phiếu trong năm 2026:**

- Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vừa qua, Vietbank chủ trương thực hiện phát hành trái phiếu và niêm yết trái phiếu ra công chúng năm 2026 với quy mô phát hành dự kiến từ 1000 – 2000 tỷ đồng và giao/ủy quyền HĐQT thực hiện phê duyệt phương án phát hành và thực hiện niêm yết trái phiếu ra công chúng giai đoạn từ tháng 4/2026 đến tháng 4/2027.
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Vietbank và việc niêm yết cổ phiếu

**Bảng 41: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VBB**

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	2024		2025		Q1.2026	
	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
Bảo lãnh vay vốn	50	50	50	50	-	-
Cam kết giao dịch hối đoái	35.401.945	35.401.945	53.420.837	53.420.837	45.189.826	45.189.826
Cam kết mua ngoại tệ	3.330.715	3.330.715	3.084.594	3.084.594	1.406.897	1.406.897
Cam kết bán ngoại tệ	83.194	83.194	927.886	927.886	652.242	652.242
Cam kết giao dịch hoán đổi	31.988.036	31.988.036	49.408.357	49.408.357	43.130.687	43.130.687
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	21.773	21.773	14.254	14.254	32.381	32.381
Bảo lãnh khác	825.609	825.609	787.617	787.617	756.983	756.983

Khoản mục	2024		2025		Q1.2026	
	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
Cam kết khác	8.804.949	8.804.949	15.081.702	15.081.702	14.091.686	14.091.686
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	930.391	930.391	1.229.087	1.229.087	1.311.415	1.311.415
Nợ khó đòi đã xử lý	381.176	381.176	395.536	395.536	395.441	395.441
Tài sản và chứng từ khác	212.919	212.919	204.611	204.611	209.599	209.599
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.578.812</b>	<b>46.578.812</b>	<b>71.133.694</b>	<b>71.133.694</b>	<b>61.987.331</b>	<b>61.987.331</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 (hợp nhất và riêng lẻ) và BCTC Quý 1/2026*

Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng giá trị nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết khác của Vietbank đạt 71.134 tỷ đồng, tăng 52,7% so với năm 2024. Sang Quý 1/2026, tổng giá trị các cam kết đạt 61.987 tỷ đồng. Mặc dù giảm so với thời điểm cuối năm 2025 do đặc thù biến động ngắn hạn của các khoản mục ngoại bảng, quy mô cam kết tại Quý 1/2026 vẫn cao hơn 33,1% so với năm 2024. Kết quả này cho thấy năng lực cung ứng dịch vụ tài chính, khả năng đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng và mức độ mở rộng các hoạt động hỗ trợ kinh doanh của Vietbank tiếp tục được cải thiện.

Cơ cấu các cam kết của Vietbank chủ yếu tập trung vào cam kết giao dịch hối đoái, đặc biệt là giao dịch hoán đổi ngoại tệ. Năm 2025, cam kết giao dịch hối đoái đạt 53.421 tỷ đồng, tăng 50,9% so với năm 2024. Trong đó, cam kết giao dịch hoán đổi đạt 49.408 tỷ đồng, tăng 54,5%, tiếp tục là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết khác. Đến Quý 1/2026, cam kết giao dịch hối đoái đạt 45.190 tỷ đồng, trong đó giao dịch hoán đổi đạt 43.131 tỷ đồng, tiếp tục duy trì ở mức cao so với năm 2024. Diễn biến này cho thấy Vietbank đang từng bước mở rộng năng lực cung cấp các sản phẩm ngoại hối, đồng thời hỗ trợ khách hàng hiệu quả hơn trong quản trị thanh khoản ngoại tệ và rủi ro tỷ giá.

Bên cạnh đó, cam kết khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, từ 8.805 tỷ đồng năm 2024 lên 15.082 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng 71,3%. Các khoản cam kết này chủ yếu là hạn mức tín dụng không hủy ngang được cấp cho khách hàng thuộc các lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng và bảo hiểm, nhằm bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ, với giá trị gần 8,4 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 56% tổng cam kết khác. Ngoài ra, Vietbank cũng cấp cam kết cho khách hàng trong lĩnh vực thương mại với giá trị gần 2,5 nghìn tỷ đồng và nhóm khách hàng thuộc lĩnh vực tiêu dùng, xây dựng, sửa chữa nhà ở với giá trị gần 1,1 nghìn tỷ đồng. Điều này phản ánh khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng các sản phẩm cam kết và dịch vụ hỗ trợ tài chính của khách hàng tại Vietbank tiếp tục gia tăng.

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không có tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và việc niêm yết cổ phiếu.

- 15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

- 16. Thông tin về việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết Vietbank, người đại diện theo pháp luật của Vietbank không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**
**I. Kết quả hoạt động kinh doanh**
**1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**
**a) Kết quả hoạt động kinh doanh**
**Bảng 42: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Vietbank – Hợp nhất**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2024/2025	Q1.2026
Tổng tài sản	162.855.332	196.771.033	20,83%	190.211.081
Thu nhập lãi thuần	2.811.573	3.326.580	18,32%	768.097
Tổng thu nhập hoạt động	3.501.363	3.622.552	3,46%	806.192
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.936.137	1.893.771	-2,19%	361.613
Lợi nhuận trước thuế	1.131.298	1.531.509	35,38%	166.751
Lợi nhuận sau thuế	900.925	1.209.590	34,26%	131.433
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức tiền mặt)	0%	0%	N/a	N/a
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	15%	N/a	N/a

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026*
**Bảng 43: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Vietbank – Riêng lẻ**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2024/2025	Q1.2026
Tổng tài sản	162.859.431	196.962.024	20,94%	190.401.665
Thu nhập lãi thuần	2.811.510	3.319.419	18,07%	765.676
Tổng thu nhập hoạt động	3.495.529	3.607.949	3,22%	803.772
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi	1.936.137	1.887.165	-2,53%	362.511

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2024/2025	Q1.2026
phí dự phòng rủi ro tín dụng				
Lợi nhuận trước thuế	1.131.298	1.524.903	34,79%	167.649
Lợi nhuận sau thuế	900.925	1.204.342	33,68%	132.152
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức tiền mặt)	0%	0%	N/a	N/a
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	15%	N/a	N/a

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025<sup>1</sup>, Vietbank đã có những tăng trưởng đáng kể trong năm 2025.

Năm 2024, tổng thu nhập hoạt động của Vietbank đạt 3.501,4 tỷ đồng. Trong đó thu nhập từ lãi thuần đạt 2.811,51 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 1.131,2 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch năm 2024.

Tăng trưởng lợi nhuận đáng kể trong năm 2024 nhờ việc Vietbank đã thành công thực hiện tăng vốn điều lệ từ 4.776,8 tỷ đồng tại 31/12/2023 lên 7.139,4 tỷ đồng tại 31/12/2024. Vietbank đã sử dụng nguồn vốn tăng thêm một cách hiệu quả và cần trọng, thành công vượt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận đề ra trong năm.

Sang đến năm 2025, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của Vietbank đạt 3.622,5 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ lãi thuần đạt 3.326,58 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025 đạt 1.531,5 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch năm 2025. Tổng tài sản hợp nhất đạt 196.771 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch năm. Nguyên nhân của việc lợi nhuận trước thuế chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra do Tổng thu nhập hoạt động chỉ tăng trưởng 3,5% thấp hơn tốc độ tăng của chi phí hoạt động là 10,5%. Bên cạnh đó, Năm 2025, bối cảnh Ngành Ngân hàng gặp nhiều bất lợi khi áp lực tỷ giá, lạm phát gia tăng, tăng trưởng tín dụng tăng mạnh khoảng 19% nhưng huy động vốn chỉ tăng khoảng 14%. Điều này gây áp lực lớn lên thanh khoản toàn hệ thống, cạnh tranh lãi suất ngày càng căng thẳng và

<sup>1</sup> Vietbank thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu so sánh của năm trước trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm phản ánh đúng hơn bản chất kinh tế của giao dịch, cụ thể là chuyển phần giấy tờ có giá là trái phiếu dài hạn sang luồng tiền từ hoạt động tài chính thay vì trình bày tại luồng tiền từ hoạt động kinh doanh. Đây là điều chỉnh về phân loại trình bày, không làm thay đổi bản chất giao dịch, không làm thay đổi tổng lưu chuyển tiền thuần trong năm, đồng thời không ảnh hưởng đến lợi nhuận, vốn chủ sở hữu, tổng tài sản của Ngân hàng.

Việc trình bày lại này được Vietbank thực hiện với mục tiêu nâng cao tính phù hợp và minh bạch của thông tin tài chính, giúp người sử dụng báo cáo tài chính nhận diện rõ hơn các dòng tiền có liên quan đến hoạt động huy động vốn và tài trợ vốn của Ngân hàng. Do đó, đây là điều chỉnh mang tính kỹ thuật kế toán về thuyết minh và phân loại, không phải là điều chỉnh do sai sót trọng yếu làm thay đổi kết quả hoạt động kinh doanh đã công bố.

lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh lên mức 6% từ giữa năm nay. Ngoài ra, mặc dù tăng trưởng GDP vẫn giữ ở mức trên 8% nhưng chủ yếu đến từ đầu tư công, sức mua của nền kinh tế vẫn còn yếu. Nhìn năm 2025 ngành Ngân hàng nói chung và Vietbank nói riêng gặp khá nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh.

Đến hết Quý 1 năm 2026 tổng tài sản của Vietbank đạt mức 190.211 tỷ đồng (tăng 9,08%) so với cùng kỳ, tổng thu nhập từ hoạt động đạt 806 tỷ đồng (tăng 5,40%) so với cùng kỳ, trong đó thu nhập lãi thuần đạt 768 tỷ đồng (tăng 9,34%) so với cùng kỳ. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước trích lập dự phòng đạt mức 361,6 tỷ đồng. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Vietbank trong quý 1 đều ở mức tương đồng với cùng kỳ các năm, phản ánh tính chu kỳ về số liệu kết quả kinh doanh theo quý từng năm tương tự các ngân hàng thương mại khác.

**b) Các chỉ tiêu khác**

**i). Cơ cấu lãi thuần**

**Bảng 44: Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%tăng/ giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi thuần	2.811.573	80,30%	3.326.580	91,83 %	18,32%	768.097	95,27%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	136.726	3,90%	160.433	4,43%	17,34%	21.650	2,69%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	80.215	2,29%	89.745	2,48%	11,88%	15.712	1,95%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	19.009	0,54%	51.029	1,41%	168,45 %	991	0,12%
Lãi thuần từ hoạt động khác	453.840	12,96%	(5.235)	0,14%	101,15 %	(258)	-0,03%
<b>Tổng</b>	<b>3.501.363</b>	<b>100%</b>	<b>3.622.552</b>	<b>100%</b>	<b>3,46%</b>	<b>806.192</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Q1/2026*

**Bảng 45: Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (riêng lẻ)**
*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.811.510	80,43%	3.319.419	92,00%	18,07 %	765.676	95,26%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	130.955	3,75%	152.116	4,22%	16,16 %	21.651	2,69%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	80.215	2,29%	89.745	2,49%	11,88 %	15.712	1,95%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	19.009	0,54%	51.029	1,41%	168,45 %	991	0,12%
Lãi thuần từ hoạt động khác	453.840	12,98%	(4.360)	-0,12%	-100,96 %	(258)	-0,03%
<b>Tổng</b>	<b>3.495.529</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.607.949</b>	<b>100,00%</b>	<b>3,22 %</b>	<b>803.772</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*

Như đã trình bày tại mục 10 Chương IV, tổng thu nhập hoạt động của Vietbank đến từ hai mảng hoạt động chính gồm: thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó:

- Thu nhập lãi thuần hợp nhất (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất tương tự) chiếm tỷ trọng cao nhất, đóng góp 91,83% tổng thu nhập hoạt động so với mức 80,30% năm 2024 và tăng trưởng 18,32% so với năm 2024. Sự gia tăng này được thúc đẩy bởi tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng và cải thiện biên lãi ròng (NIM).
- Lãi thuần hợp nhất từ hoạt động dịch vụ (bao gồm các hoạt động như: dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, tư vấn và các dịch vụ khác) chiếm tỷ trọng 4,43% năm 2025, so với mức 3,90% của năm 2024.

Đối với lãi thuần từ hoạt động khác, chủ yếu đến từ hoạt động thu các khoản nợ đã xử lý rủi ro. Năm 2024 Vietbank đã thu được 463 tỷ đồng từ hoạt động xử lý nợ mang lại.

**ii). Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng**

**Bảng 46: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm	Q1.2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	6.910.284	8.653.813	25,23%	2.522.369
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	71,08%	72,23%		76,66%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	94.903	101.685	7,15%	17.320
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi hoạt động dịch vụ	40,97%	38,79%		44,44%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, các chi phí hoạt động khác)	1.565.226	1.728.781	10,45%	444.579
	Tỷ trọng trong tổng thu nhập hoạt động	44,70%	47,72%		55,15%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	804.839	362.262	-54,99%	194.862
	Tỷ trọng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	41,57%	19,13%		53,89%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.375.252</b>	<b>10.846.541</b>	<b>15,69%</b>	<b>3.179.130</b>

Nguồn: Vietbank

**Bảng 47: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (riêng lẻ)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm	Q1.2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	6.910.347	8.660.974	25,33%	2.524.790
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	71,08%	72,29%		76,73%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	100.674	110.002	9,27%	17.320
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi hoạt động dịch vụ	43,46%	41,97%		44,44%

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm	Q1.2026
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, các chi phí hoạt động khác)	1.559.392	1.720.784	10,35%	441.261
	Tỷ trọng trong tổng thu nhập hoạt động	44,61%	47,69%		54,90%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	804.839	362.262	-54,99%	194.862
	Tỷ trọng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	41,57%	19,20%		53,75%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.375.252</b>	<b>10.854.022</b>	<b>15,77%</b>	<b>3.178.233</b>

Nguồn: Vietbank

Tổng chi phí hợp nhất năm 2025 đạt 10.846,5 tỷ đồng, tăng 15,69% so với năm 2024. Trong đó chi phí lãi và các chi phí tương tự tăng 25,23% so với cùng kỳ, kéo theo tỷ lệ chi phí lãi trên thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tăng nhẹ từ 71,08% lên 72,23%.

Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động hợp nhất (CIR) năm 2025 của Vietbank là 47,72% , với chi phí hoạt động tăng 10,45%. Nguyên nhân chi phí hoạt động tăng chủ yếu đến từ tăng chi phí cho nhân viên, chi phí thuê tài sản, bảo dưỡng và sửa chữa tài sản và một số chi phí quản lý công vụ khác.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2025 đạt 362,26 tỷ đồng, giảm 54,99% so với năm 2024. Vietbank thực hiện trích lập dự phòng dựa trên phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 của Thông tư 31/2024/TT-NHNN nhằm đảm bảo nhận diện kịp thời và trích lập dự phòng đầy đủ, tích lũy nguồn lực xử lý rủi ro và tạo bộ đệm dự phòng cho những biến động khó lường trong tương lai, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững.

### iii). Cơ cấu chi phí hoạt động

**Bảng 48: Cơ cấu chi phí hoạt động (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	1.530	0,10%	2.482	0,14%	62,22%	264	0,06%
Chi phí cho nhân viên	759.118	48,50%	841.956	48,70%	10,91%	231.192	52,00%
Chi về tài sản	409.192	26,14%	444.221	25,70%	8,56%	121.651	27,36%
Chi cho hoạt động khác	267.588	17,10%	298.947	17,29%	11,72%	55.700	12,53%

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	125.258	8,00%	140.722	8,14%	12,35%	35.772	8,05%
Chi phí dự phòng (không bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán đầu tư)	2.540	0,16%	453	0,03%	-82,17%	-	0,00%
<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>1.565.226</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.728.781</b>	<b>100,00%</b>	<b>10,45%</b>	<b>444.579</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 49: Cơ cấu chi phí hoạt động (riêng lẻ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/giảm	Q1.2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	1.528	0,10%	2.480	0,14%	62,30%	263	0,06%
Chi phí cho nhân viên	753.924	48,35%	834.863	48,52%	10,74%	228.109	51,69%
Chi về tài sản	409.192	26,24%	444.221	25,82%	8,56%	121.651	27,57%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	267.062	17,13%	298.498	17,35%	11,77%	55.466	12,57%
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	125.258	8,03%	140.722	8,18%	12,35%	35.772	8,11%
Chi phí dự phòng (không bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán đầu tư)	2.428	0,16%	-	0,00%	-	-	0,00%
<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>1.559.392</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.720.784</b>	<b>100,00%</b>	<b>10,35%</b>	<b>441.261</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

Kết thúc năm 2025, theo số liệu hợp nhất, tổng chi phí hoạt động của Vietbank tăng 10,45% so với năm 2024, ở mức 1.728,7 tỷ đồng. Trong đó chi phí cho nhân viên vẫn là khoản mục có tỷ

trọng lớn nhất, chiếm 48,70% tổng chi phí hoạt động. Chi về tài sản (bao gồm khấu hao tài sản cố định. Chi phí thuê tài sản, bảo dưỡng và sửa chữa tài sản...) và chi hoạt động quản lý công vụ lần lượt đứng thứ hai và thứ ba với tỷ trọng là 25,70% và 17,29%.

c) *Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.*

## **1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

### **1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

#### **– Tăng trưởng kinh tế và chính sách tiền tệ vĩ mô**

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam, bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá, lãi suất và chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến cầu tín dụng, chi phí vốn và khả năng sinh lời của hệ thống ngân hàng nói chung và Vietbank nói riêng. Các chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định lãi suất và kiểm soát lạm phát sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

#### **– Chính sách điều hành và quy định pháp luật đối với hoạt động ngân hàng**

Là tổ chức tín dụng chịu sự quản lý chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước, hoạt động của Vietbank chịu tác động trực tiếp từ các quy định pháp luật về giới hạn tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, giới hạn sở hữu cổ phần, định hướng phát triển ngành... Sự thay đổi trong chính sách hoặc quy định có thể ảnh hưởng đến định hướng chiến lược, cấu trúc tài chính và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

#### **– Mức độ cạnh tranh trong ngành ngân hàng**

Ngành ngân hàng Việt Nam có mức độ cạnh tranh ngày càng cao với sự tham gia của nhiều ngân hàng TMCP quy mô lớn, ngân hàng ngoại, công ty tài chính và các công ty công nghệ tài chính (fintech). Áp lực cạnh tranh về lãi suất, chất lượng dịch vụ và công nghệ có thể ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng tín dụng, huy động vốn và biên lợi nhuận của Vietbank.

#### **– Khả năng quản trị rủi ro và chất lượng tài sản**

Chất lượng tài sản, đặc biệt là danh mục cho vay, là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính của Ngân hàng. Khả năng kiểm soát nợ xấu, trích lập dự phòng phù hợp và phân loại rủi ro tín dụng hiệu quả là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Vietbank, nhất là trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động sau đại dịch và áp lực thị trường bất động sản.

#### **– Chiến lược phát triển và năng lực quản trị điều hành**

Chiến lược phát triển trung – dài hạn của Vietbank, bao gồm các định hướng về mở rộng mạng lưới, đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, đội ngũ lãnh đạo và hệ thống quản trị nội bộ đóng vai trò quyết định trong việc thực thi chiến lược hiệu quả và quản trị rủi ro toàn diện.

#### **– Uy tín thương hiệu và mức độ tín nhiệm thị trường**

Uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến khả năng mở rộng cơ sở khách hàng và duy trì nguồn huy động ổn định. Đồng thời, mức độ tín nhiệm của Vietbank trong mắt nhà đầu tư, tổ chức xếp hạng tín nhiệm và đối tác tài chính cũng sẽ tác động đến khả năng tiếp cận vốn và chi phí sử dụng vốn.

### **1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

#### **– Diễn biến lãi suất và chính sách tiền tệ**

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên mặt bằng lãi suất huy động vẫn có biến động tùy theo chu kỳ thanh khoản và áp lực cạnh tranh. Sự thay đổi lãi suất thị trường sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận lãi (NIM) và cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng.

#### **– Tác động từ biến động tỷ giá và kinh tế toàn cầu**

Tình hình địa chính trị và xu hướng tăng lãi suất tại các nền kinh tế lớn có thể gây áp lực lên tỷ giá và dòng vốn quốc tế, ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán quốc tế, dịch vụ ngoại hối và nhu cầu tín dụng từ khối doanh nghiệp xuất nhập khẩu – một trong các phân khúc khách hàng tiềm năng của Vietbank.

#### **– Diễn biến nợ xấu và khả năng thu hồi nợ**

Trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi chưa đồng đều, một số ngành chịu ảnh hưởng kéo dài sau đại dịch vẫn gặp khó khăn trong dòng tiền và khả năng trả nợ. Điều này có thể làm gia tăng áp lực về trích lập dự phòng và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng trong năm tài chính hiện tại.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

#### **2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

##### **❖ Báo cáo về vốn điều lệ**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/12/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu vào ngày 12/01/2007, sửa đổi lần thứ 28 vào ngày 28/8/2023.

Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN của Ngân hàng được thay thế bổ sung bằng Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24/02/2023. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 15/12/2006. Ngày 05/02/2026, Vietbank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp quyết định số 179/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank. Theo đó, Vốn điều lệ của Ngân hàng đến thời điểm tại ngày 31/12/2025 là 10.768.974 triệu đồng.

#### **Bảng 50: Báo cáo về vốn điều lệ của Vietbank (hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	10.768.974

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 51: Báo cáo về vốn điều lệ của Vietbank (riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	10.768.974

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

❖ Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh

**Bảng 52: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Vietbank (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.701.053</b>	<b>12.431.567</b>	<b>42,87%</b>	<b>12.561.738</b>
1	Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	50,84%	10.768.974
2	Các quỹ	675.985	657.816	-2,69%	657.816
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-1.262
4	Lợi nhuận chưa phân phối	885.892	1.005.550	13,51%	1.136.983
5	Thặng dư vốn cổ phần	(237)	(773)	226,16%	(773)
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>154.154.279</b>	<b>184.339.466</b>	<b>19,58%</b>	<b>177.649.343</b>
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	1880,95%	4.050.211
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	34,41%	47.958.123
3	Tiền gửi của khách hàng	94.841.470	101.449.573	6,97%	96.521.453
4	Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	33,75%	25.842.140
5	Các khoản nợ khác	2.995.491	3.196.067	6,70%	3.277.416
<b>Tổng nguồn vốn kinh doanh</b>		<b>162.855.332</b>	<b>196.771.033</b>	<b>20,83%</b>	<b>190.211.081</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 53: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Vietbank (riêng lẻ)**
*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.701.053</b>	<b>12.426.319</b>	<b>42,81%</b>	<b>12.557.209</b>
1	Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	50,84%	10.768.974
2	Các quỹ	675.985	657.816	-2,69%	657.816
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.262)
4	Lợi nhuận chưa phân phối	885.892	1.000.302	12,91%	1.132.454
5	Thặng dư vốn cổ phần	(237)	(773)	226,16%	(773)
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>154.158.378</b>	<b>184.535.705</b>	<b>19,71%</b>	<b>177.844.456</b>
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	1880,95%	4.050.211
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	34,41%	47.958.123
3	Tiền gửi của khách hàng	94.845.677	101.645.857	7,17%	96.713.927
4	Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	33,75%	25.842.140
5	Các khoản nợ khác	2.995.383	3.196.022	6,70%	3.280.055
<b>Tổng nguồn vốn kinh doanh</b>		<b>162.859.431</b>	<b>196.962.024</b>	<b>20,94%</b>	<b>190.401.665</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*
**❖ Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**
**Bảng 54: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Vietbank (hợp nhất)**
*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
1	Tiền mặt	548.602	752.782	37,22%	580.846
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	7.024.700	3.932.930	-44,01%	1.702.896
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	35.921.200	51.514.898	43,41%	38.633.694
4	Chứng khoán kinh doanh	340.337	-	-	-
5	Các công cụ tài chính phải sinh	89.061	328.330	268,66%	129.851

	và các tài sản tài chính khác				
6	Cho vay khách hàng	92.493.074	103.772.418	12,19%	108.035.481
7	Chứng khoán đầu tư	22.417.404	29.131.152	29,95%	33.071.019
8	Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	N/a	-
9	Tài sản cố định	698.874	3.903.389	458,53%	3.881.709
10	Tài sản Có khác	3.322.080	3.435.134	3,40%	4.175.585
<b>Tổng cộng</b>		<b>162.855.332</b>	<b>196.771.033</b>	<b>20,83%</b>	<b>190.211.081</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 55: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Vietbank (riêng lẻ)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
1	Tiền mặt	548.602	752.782	37,22%	580.846
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	7.024.700	3.932.930	-44,01%	1.702.896
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	35.921.200	51.514.898	43,41%	38.633.694
4	Chứng khoán kinh doanh	340.337	-	-	-
5	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	89.061	328.330	268,66%	129.851
6	Cho vay khách hàng	92.493.074	103.772.418	12,19%	108.035.481
7	Chứng khoán đầu tư	22.417.404	29.131.152	29,95%	33.071.019
8	Góp vốn, đầu tư dài hạn	4.126	200.000	4747,31%	200.000
9	Tài sản cố định	698.874	3.903.389	458,53%	3.881.709
10	Tài sản Có khác	3.322.053	3.426.125	3,13%	4.166.169
<b>Tổng cộng</b>		<b>162.859.431</b>	<b>196.962.024</b>	<b>20,94%</b>	<b>190.401.665</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026

#### Về quy mô và cơ cấu tài sản

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Vietbank đạt 196.962 tỷ đồng, tăng 34.103 tỷ đồng, tương ứng tăng 20,94% so với mức 162.859 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Đây là mức tăng trưởng tích cực, phản ánh quy mô hoạt động của Vietbank tiếp tục được mở rộng, đồng thời cho thấy năng lực huy động, phân bổ và quản trị tài sản được duy trì hiệu quả trong năm 2025.

Đến ngày 31/03/2026, tổng tài sản đạt 190.402 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cuối năm 2025 nhưng vẫn tăng 27.542 tỷ đồng, tương ứng tăng gần 17% so với cuối năm 2024. Mức biến động này phản ánh sự điều chỉnh có chủ đích trong cơ cấu bảng cân đối kế toán, trong đó Vietbank tiếp tục ưu tiên phân bổ nguồn lực vào các tài sản sinh lời, đồng thời duy trì khả năng đáp ứng thanh khoản và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh doanh.

Điểm đáng chú ý là sự tăng trưởng tổng tài sản không chỉ đến từ mở rộng quy mô, mà còn thể hiện rõ định hướng tập trung vào các tài sản sinh lời, đặc biệt là cho vay khách hàng và chứng khoán đầu tư.

#### **Về hoạt động cho vay và danh mục chứng khoán đầu tư**

Cho vay khách hàng đạt 103.772 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng 11.279 tỷ đồng, tương ứng tăng 12,19% so với cuối năm 2024. Đến ngày 31/03/2026, dư nợ cho vay khách hàng tiếp tục tăng lên 108.035 tỷ đồng, tăng thêm 4.263 tỷ đồng so với cuối năm 2025.

Tại ngày 31/03/2026, dư nợ cho vay khách hàng đạt 108.035 tỷ đồng, tăng 15.542 tỷ đồng, tương ứng tăng 16,80% so với ngày 31/12/2024; đồng thời tăng 4.263 tỷ đồng, tương ứng tăng 4,11% so với cuối năm 2025. Tỷ trọng cho vay khách hàng trong tổng tài sản tại ngày 31/03/2026 đạt khoảng 56,74%, tiếp tục là cấu phần lớn nhất trong cơ cấu tài sản. Kết quả này cho thấy hoạt động tín dụng của Vietbank tiếp tục được mở rộng có kiểm soát, duy trì vai trò là cấu phần tài sản sinh lời trọng yếu và là nền tảng quan trọng cho tăng trưởng thu nhập lãi thuần trong năm 2026

Chứng khoán đầu tư đạt 29.131 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng 6.714 tỷ đồng, tương ứng tăng 29,95% so với cuối năm 2024. Đến ngày 31/03/2026, danh mục này tiếp tục tăng lên 33.071 tỷ đồng, tăng thêm 3.940 tỷ đồng so với cuối năm 2025.

Tại ngày 31/03/2026, danh mục chứng khoán đầu tư đạt 33.071 tỷ đồng, tăng 10.654 tỷ đồng, tương ứng tăng 47,52% so với ngày 31/12/2024; đồng thời tăng 3.940 tỷ đồng, tương ứng tăng 13,52% so với cuối năm 2025. Tỷ trọng chứng khoán đầu tư trong tổng tài sản theo đó tăng từ khoảng 13,76% tại ngày 31/12/2024 lên khoảng 17,37% tại ngày 31/03/2026. Diễn biến này cho thấy Ngân hàng tiếp tục chủ động quản trị danh mục tài sản sinh lời, phân bổ nguồn vốn vào các công cụ đầu tư phù hợp với định hướng quản trị tài sản – nguồn vốn, đồng thời hỗ trợ cân đối thanh khoản, cơ cấu kỳ hạn và hiệu quả sử dụng vốn trong phạm vi khẩu vị rủi ro được kiểm soát.

#### **Về tiền gửi và cho vay các TCTD khác**

Tại ngày 31/12/2025, số dư tiền gửi tại các TCTD khác của Vietbank là 50.915 tỷ đồng, tăng 16.894 tỷ đồng so với mức 34.021 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Trong khi đó, số dư cho vay tại ngày 31/12/2025 tại các TCTD khác của Vietbank là 600 tỷ đồng, giảm 1.300 tỷ đồng so với số dư cuối ngày 31/12/2024.

Quy mô tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác lớn là kết quả của chính sách điều hành thanh khoản thận trọng, đặc biệt tại thời điểm cuối năm khi nhu cầu thanh toán, chi trả, cân đối nguồn vốn và quản trị trạng thái tiền tệ thường tăng. Việc gia tăng tiền gửi có kỳ hạn thay vì cho vay các TCTD khác cũng cho thấy Ngân hàng ưu tiên cấu trúc tài sản có tính thanh khoản, kỳ hạn ngắn, kiểm soát được đối tác và linh hoạt đảo vòng khi thị trường biến động.

Số dư tiền gửi CKH tại các TCTD cuối năm lớn xuất phát chủ yếu từ yêu cầu điều hành thanh khoản, quản trị cân đối vốn, tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn ngắn hạn, phục vụ thanh toán – kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng và hỗ trợ định hướng kinh doanh từng thời kỳ.

Vietbank lựa chọn các TCTD căn cứ vào hạn mức giao dịch với từng TCTD và nhu cầu kinh doanh giữa các bên để thực hiện. Rủi ro chính của khoản mục này là rủi ro đối tác và rủi ro tập trung trên thị trường liên ngân hàng. Tuy nhiên, đây là các giao dịch với TCTD, được quản lý theo hạn mức nội bộ, phê duyệt đối tác, theo dõi kỳ hạn và tuân thủ quy định của NHNN. Số dư lớn tại thời điểm cuối năm vì vậy không đồng nghĩa với suy giảm chất lượng tài sản, mà phản ánh vị thế thanh khoản chủ động và khả năng điều hòa vốn của Vietbank.

### **2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định**

#### **❖ Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định hữu hình đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 50 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 15 năm

#### **❖ Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vô hình đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

### Phần mềm máy vi tính

3-15 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao, Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

**2.1.3. Mức lương bình quân (so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)**

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Vietbank giai đoạn 2024 – 2025 cụ thể như sau:

	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	21,76	22,74

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025

Tính đến thời điểm 31/12/2024, thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Vietbank đạt khoảng 21,76 triệu đồng/người/tháng.

Tính đến thời điểm 31/12/2025, thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Vietbank đạt khoảng 22,74 triệu đồng/người/tháng.

Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên của Vietbank ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng địa bàn. Mức thu nhập này phản ánh chính sách chi phí nhân sự hợp lý, phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại của Ngân hàng. Vietbank chú trọng vào hiệu quả công việc, tinh gọn bộ máy và tối ưu hóa nguồn lực trong bối cảnh ngành ngân hàng đang chuyển dịch mạnh mẽ về số hóa và quản trị rủi ro. Với trọng tâm số hóa, cải tiến quy trình và tái cấu trúc mạng lưới hoạt động, Vietbank kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể năng suất lao động và thu nhập bình quân trong các giai đoạn tiếp theo.

Thu nhập bình quân một số Ngân hàng có cùng quy mô trong hai năm gần nhất được thống kê qua bảng dưới đây:

**Bảng 56: Thu nhập bình quân của các ngân hàng khác trong 02 năm gần nhất**

Ngân hàng	Vốn điều lệ đến 31/12/2025 (tỷ đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2024 (triệu đồng)	6 tháng/ 2025 (triệu đồng)
Ngân hàng Bản Việt	6.408	21,2	21,9	23,2
Ngân hàng Việt Á	8.164	19,5	20,2	23,0
Ngân hàng Bắc Á	10.032	20,3	25,2	24,33

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2024 và báo cáo riêng soát xét bán niên 2025, báo cáo quý IV năm 2025 của các ngân hàng

#### 2.1.4. Tình hình công nợ

Vietbank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

**Bảng 57: Tình hình công nợ các khoản phải thu và phải trả – Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>131.736.354</b>	<b>158.722.450</b>	<b>20,48%</b>	<b>150.844.760</b>
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	35.921.200	51.514.898	43,41%	38.633.694
Cho vay khách hàng (sau khi trừ dự phòng rủi ro)	92.493.074	103.772.418	12,19%	108.035.481
Các khoản phải thu	617.707	474.713	-23,15%	504.122
Các khoản lãi, phí phải thu	2.560.595	2.738.336	6,94%	3.375.011
Tài sản có khác	157.326	236.086	50,06%	310.453
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(13.548)	(14.001)	3,34%	(14.001)
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>154.154.279</b>	<b>184.339.466</b>	<b>19,58%</b>	<b>177.649.343</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	1880,95%	4.050.211
Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	34,41%	47.958.123
Tiền gửi của khách hàng	94.841.470	101.449.573	6,97%	96.521.453
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	33,75%	25.842.140
Các khoản nợ khác	2.995.491	3.196.067	6,70%	3.277.416

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 58: Tình hình công nợ các khoản phải thu và phải trả – Riêng lẻ**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>131.736.327</b>	<b>158.713.441</b>	<b>20,48%</b>	<b>150.835.344</b>
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	35.921.200	51.514.898	43,41%	38.633.694

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
Cho vay khách hàng (sau khi trừ dự phòng rủi ro)	92.493.074	103.772.418	12,19%	108.035.481
Các khoản phải thu	617.690	465.557	-24,63%	494.520
Các khoản lãi, phí phải thu	2.560.595	2.738.336	6,94%	3.375.011
Tài sản có khác	157.316	235.780	49,88%	310.186
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác	(13.548)	(13.548)	0,00%	(13.548)
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>154.158.378</b>	<b>184.535.705</b>	<b>19,71%</b>	<b>177.844.456</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	1880,95%	4.050.211
Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	34,41%	47.958.123
Tiền gửi của khách hàng	94.845.677	101.645.857	7,17%	96.713.927
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	33,75%	25.842.140
Các khoản nợ khác	2.995.383	3.196.022	6,70%	3.280.055

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*

Theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất, cơ cấu các khoản nợ phải thu và nợ phải trả trong giai đoạn 2024–2025 cho thấy quy mô hoạt động của Vietbank tiếp tục được mở rộng, đồng thời duy trì cơ cấu tài sản và nguồn vốn phù hợp với đặc thù hoạt động của ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31/12/2025, tổng nợ phải thu đạt gần 159 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 20% so với cuối năm 2024. Trong đó, cho vay khách hàng sau khi trừ dự phòng rủi ro đạt 103.772 tỷ đồng, tăng 12,2%, tiếp tục là khoản mục trọng yếu, chiếm 65,4% tổng nợ phải thu. Mức tăng trưởng này cho thấy Vietbank tiếp tục mở rộng hoạt động cấp tín dụng trên cơ sở kiểm soát rủi ro thông qua việc ghi nhận dự phòng theo quy định. Đồng thời, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác đạt 51.515 tỷ đồng, tăng 43,41% so với cuối năm 2024 và chiếm 32,5% tổng nợ phải thu. Sự gia tăng của khoản mục này cho thấy Vietbank chủ động hơn trong phân bổ tài sản có, duy trì khả năng linh hoạt về thanh khoản và tận dụng các cơ hội trên thị trường liên ngân hàng.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2025, của Vietbank gần 185 tỷ đồng, tăng gần 20% so với cuối năm 2024, tương ứng với xu hướng mở rộng quy mô tài sản. Trong đó, tiền gửi khách hàng đạt hơn 101 nghìn tỷ đồng, tăng gần 7%, tiếp tục là nguồn vốn có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 55% tổng nợ phải trả. Bên cạnh đó, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác tăng 34,41%, đạt 51.633 tỷ đồng, và

phát hành giấy tờ có giá tăng 33,75%, đạt 23.645 tỷ đồng. Việc các nguồn vốn này tăng trưởng cho thấy Vietbank đã chủ động đa dạng hóa kênh huy động, qua đó tăng cường khả năng cân đối vốn, hỗ trợ tăng trưởng tín dụng và quản trị thanh khoản trong quá trình mở rộng hoạt động.

Tại ngày 31/03/2026, cho vay khách hàng sau khi trừ dự phòng rủi ro tiếp tục tăng lên 108.035 tỷ đồng, cao hơn so với mức 103.772 tỷ đồng tại cuối năm 2025. Diễn biến này cho thấy hoạt động tín dụng tiếp tục được duy trì tích cực trong quý I/2026. Cùng thời điểm, phát hành giấy tờ có giá đạt 25.842 tỷ đồng, tiếp tục tăng so với cuối năm 2025, cho thấy Vietbank sử dụng kênh huy động vốn này nhằm bổ sung nguồn vốn và hỗ trợ cân đối kỳ hạn.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2024–2025 và quý I/2026, Vietbank ghi nhận một số điểm tích cực nổi bật: quy mô nợ phải thu và nợ phải trả tăng trưởng tương đối đồng bộ; cho vay khách hàng tiếp tục là cầu phần chủ đạo trong tài sản sinh lời; tiền gửi khách hàng duy trì vai trò là nguồn vốn nền tảng; đồng thời Vietbank cũng tăng cường đa dạng hóa nguồn vốn thông qua thị trường liên ngân hàng và phát hành giấy tờ có giá. Đây là những yếu tố để Vietbank duy trì năng lực mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng khả năng chủ động trong quản trị thanh khoản và tạo nền tảng cho tăng trưởng trong các kỳ tiếp theo.

**a) Chi tiết các khoản phải thu**

**Bảng 59: Chi tiết các khoản phải thu - Hợp nhất**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>617.707</b>	<b>18,59%</b>	<b>474.713</b>	<b>13,82%</b>	<b>-23,15%</b>	<b>504.122</b>	<b>12,07%</b>
Tạm ứng cho nhân viên	56.898	1,71%	104.859	3,05%	84,29%	116.111	2,78%
Phải thu trong nghiệp vụ chuyển tiền	31.890	0,96%	96.316	2,80%	202,03%	85.698	2,05%
Đặt cọc thuê văn phòng	62.273	1,87%	64.752	1,88%	3,98%	65.167	1,56%
Ký quỹ, thế chấp và cầm cố	52.384	1,58%	53.332	1,55%	1,81%	94.882	2,27%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	330.020	9,93%	48.413	1,41%	-85,33%	35.826	0,86%
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>84.242</b>	<b>2,54%</b>	<b>107.041</b>	<b>3,12%</b>	<b>27,06%</b>	<b>106.438</b>	<b>2,55%</b>

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
<b>Các khoản lãi, phí phải thu</b>	<b>2.560.595</b>	<b>77,08%</b>	<b>2.738.336</b>	<b>79,72%</b>	<b>6,94%</b>	<b>3.375.011</b>	<b>80,83%</b>
Lãi phải thu từ cho vay	2.053.697	61,82%	1.944.351	56,60%	-5,32%	2.550.769	61,09%
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	345.606	10,40%	580.759	16,91%	68,04%	649.315	15,55%
Lãi phải thu từ tiền gửi	155.747	4,69%	169.341	4,93%	8,73%	151.489	3,63%
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phát sinh	5.545	0,17%	43.885	1,28%	691,43%	23.438	0,56%
Phí phải thu	-	0,00%	-	0,00%	N/a	-	0,00%
<b>Tài sản có khác</b>	<b>157.326</b>	<b>4,74%</b>	<b>236.086</b>	<b>6,87%</b>	<b>50,06%</b>	<b>310.453</b>	<b>7,43%</b>
Chi phí chờ phân bổ	91.372	2,75%	183.497	5,34%	100,82%	250.958	6,01%
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý	13.576	0,41%	13.578	0,40%	0,01%	13.578	0,33%
Vật liệu, công cụ lao động	12.557	0,38%	12.724	0,37%	1,33%	12.289	0,29%
Tài sản có khác	39.821	1,20%	26.287	0,77%	-33,99%	33.628	0,81%
<b>Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác</b>	<b>(13.548)</b>	<b>-0,41%</b>	<b>(14.001)</b>	<b>-0,41%</b>	<b>3,34%</b>	<b>(14.001)</b>	<b>-0,34%</b>
<b>Tổng tài sản Có khác</b>	<b>3.322.080</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.435.134</b>	<b>100,00%</b>	<b>3,40%</b>	<b>4.175.585</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026

**Bảng 60: Chi tiết các khoản phải thu - Riêng lẻ**
*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>617.690</b>	<b>18,59%</b>	<b>465.557</b>	<b>13,59%</b>	<b>-24,63%</b>	<b>494.520</b>	<b>11,87%</b>
Tạm ứng cho nhân viên	56.881	1,71%	104.772	3,06%	84,20%	116.111	2,79%
Phải thu trong nghiệp vụ chuyển tiền	31.890	0,96%	96.316	2,81%	202,03%	85.698	2,06%
Đặt cọc thuê văn phòng	62.273	1,87%	64.752	1,89%	3,98%	65.167	1,56%
Ký quỹ, thế chấp và cầm cố	52.384	1,58%	53.332	1,56%	1,81%	94.882	2,28%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	330.020	9,93%	48.413	1,41%	-85,33%	35.826	0,86%
Các khoản phải thu khác	84.242	2,54%	97.972	2,86%	16,30%	96.836	2,32%
<b>Các khoản lãi, phí phải thu</b>	<b>2.560.595</b>	<b>77,08%</b>	<b>2.738.336</b>	<b>79,93%</b>	<b>6,94%</b>	<b>3.375.011</b>	<b>81,01%</b>
Lãi phải thu từ cho vay	2.053.697	61,82%	1.944.351	56,75%	-5,32%	2.550.769	61,23%
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	345.606	10,40%	580.759	16,95%	68,04%	649.315	15,59%
Lãi phải thu từ tiền gửi	155.747	4,69%	169.341	4,94%	8,73%	151.489	3,64%
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phát sinh	5.545	0,17%	43.885	1,28%	691,43%	23.438	0,56%
Phí phải thu	-	0,00%	-	0,00%	N/a	-	0,00%
<b>Tài sản có khác</b>	<b>157.316</b>	<b>4,74%</b>	<b>235.780</b>	<b>6,88%</b>	<b>49,88%</b>	<b>310.186</b>	<b>7,45%</b>

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí chờ phân bổ	91.362	2,75%	183.191	5,35%	100,51%	250.691	6,02%
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý	13.576	0,41%	13.578	0,40%	0,01%	13.578	0,33%
Vật liệu, công cụ lao động	12.557	0,38%	12.724	0,37%	1,33%	12.289	0,29%
Tài sản cố khác	39.821	1,20%	26.287	0,77%	-33,99%	33.628	0,81%
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(13.548)	-0,41%	(13.548)	-0,40%	0,00%	(13.548)	-0,33%
<b>Tổng tài sản Có khác</b>	<b>3.322.053</b>	<b>100%</b>	<b>3.426.125</b>	<b>100%</b>	<b>3,13%</b>	<b>4.166.169</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý I/2026*

Các khoản phải thu của Vietbank phát sinh chủ yếu từ các hoạt động ngân hàng thông thường, bao gồm: các khoản phải thu từ hoạt động liên ngân hàng, hoạt động chuyển tiền của khách hàng, tiền đặt cọc thuê văn phòng, lãi phải thu từ cho vay khách hàng và lãi phải thu từ danh mục chứng khoán đầu tư.

Trong cơ cấu này, lãi phải thu tiếp tục là cấu phần trọng yếu, chiếm trên 77% tổng tài sản Có khác theo số liệu riêng lẻ và hợp nhất trong các năm 2024, 2025 và Quý I/2026. Điều này phản ánh đặc thù hoạt động của ngân hàng thương mại, trong đó nguồn thu nhập chủ yếu được hình thành từ các tài sản sinh lời như dư nợ cho vay và danh mục chứng khoán đầu tư.

Cụ thể, theo số liệu hợp nhất, lãi phải thu từ cho vay đạt 1.944,3 tỷ đồng, chiếm 56,60% tổng các khoản phải thu. Đây là cấu phần lớn nhất, cho thấy hoạt động tín dụng tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc tạo thu nhập cho Ngân hàng. Bên cạnh đó, lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư đạt 580,8 tỷ đồng, chiếm 16,91%, phản ánh đóng góp tích cực từ danh mục đầu tư. Các khoản phải thu khác đạt 474,7 tỷ đồng, tương ứng 13,82%, chủ yếu phát sinh từ các nghiệp vụ vận hành thông thường.

Trong 3 tháng đầu năm 2026, cơ cấu các khoản phải thu tiếp tục được duy trì ổn định. Lãi phải thu từ cho vay chiếm 61,09%, trong khi lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư chiếm 15,55%. Sự ổn định này cho thấy danh mục tài sản sinh lời của Ngân hàng được duy trì nhất quán, tập trung vào các hoạt động cốt lõi và phù hợp với mô hình kinh doanh của một ngân hàng thương mại.

Nhìn chung, cơ cấu các khoản phải thu hiện tại là phù hợp với đặc thù ngành ngân hàng, đồng thời phản ánh khả năng tạo thu nhập ổn định từ hoạt động tín dụng và đầu tư.

**b) Các khoản nợ khác**
**Bảng 61: Chi tiết các khoản nợ khác - Hợp nhất**
*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Các khoản lãi, phí phải trả	2.568.503	85,75%	2.797.043	87,52%	8,90%	3.010.879	91,87%
Các khoản phải trả nội bộ	91.651	3,06%	17.247	0,54%	-81,18%	16.424	0,50%
Các khoản phải trả bên ngoài	322.189	10,76%	361.283	11,30%	12,13%	229.619	7,01%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.148	0,44%	20.494	0,64%	55,87%	20.494	0,63%
<b>Tổng các khoản nợ khác</b>	<b>2.995.491</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.196.067</b>	<b>100,00%</b>	<b>6,70%</b>	<b>3.277.416</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026*

**Bảng 62: Chi tiết các khoản nợ khác - Riêng lẻ**
*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Các khoản lãi, phí phải trả	2.568.503	85,75%	2.798.779	87,57%	8,97%	3.014.040	91,89%
Các khoản phải trả nội bộ	91.651	3,06%	17.116	0,54%	-81,32%	16.388	0,50%
Các khoản phải trả bên ngoài	322.081	10,75%	359.633	11,25%	11,66%	229.133	6,99%
Quỹ khen thưởng,	13.148	0,44%	20.494	0,64%	55,87%	20.494	0,62%

phúc lợi							
<b>Tổng các khoản nợ khác</b>	<b>2.995.383</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.196.022</b>	<b>100,00%</b>	<b>6,70%</b>	<b>3.280.055</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*

Trong giai đoạn 2024 – 2025, các khoản lãi và phí phải trả trên báo cáo hợp nhất ghi nhận xu hướng tăng từ 2.568,5 tỷ đồng lên 2.797 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 8,90%, chủ yếu đến từ lãi phải trả cho tiền gửi do năm 2025 huy động tiền gửi từ khách hàng tăng 6,97%.

Tại ngày 31/03/2026, tổng phí và lãi phải trả của Ngân hàng đạt 3.010 tỷ đồng, tăng 214 tỷ đồng, tương đương 7,65% so với ngày 31/12/2025, trong đó phải trả lãi tiền gửi giảm từ 2.201 tỷ đồng xuống 2.081 tỷ đồng, tức giảm 120 tỷ đồng (-5,48%), lãi phải trả phát hành GTCG tăng mạnh từ 485 tỷ đồng lên 756 tỷ đồng, tăng 272 tỷ đồng (+56,03%).

#### **2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định**

Vietbank nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025 như sau:

**Bảng 63: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.661	209.458	33.118
2	Thuế giá trị gia tăng	1.448	2.251	1.406
3	Thuế TNCN	7.946	10.028	6.267
<b>Tổng cộng</b>		<b>70.055</b>	<b>221.737</b>	<b>40.791</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026*

**Bảng 64: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.661	208.411	33.141
2	Thuế giá trị gia tăng	1.136	1.983	1.406
3	Thuế TNCN	7.708	9.724	5.802
<b>Tổng cộng</b>		<b>69.505</b>	<b>220.118</b>	<b>40.349</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Quý 1/2026*

#### **2.1.6. Trích lập, sử dụng các quỹ**

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết luôn thực hiện trích lập các quỹ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Vietbank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế (Theo Luật TCTD số 32/2024/QH15), tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Vietbank.
- Quỹ dự phòng tài chính: năm 2024 trích 10% lợi nhuận sau thuế. Theo quy định tại khoản 4, Điều 26 của Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với các TCTD, từ năm 2025: Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản: (i) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có), (ii) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp, (iii) Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

**Bảng 65: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Quỹ dự phòng tài chính	419.427	527.818	527.818
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	256.558	129.998	129.998
<b>Tổng cộng</b>		<b>675.985</b>	<b>657.816</b>	<b>657.816</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026*

**Bảng 66: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Quỹ dự phòng tài chính	419.427	527.818	527.818
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	256.558	129.998	129.998
<b>Tổng cộng</b>		<b>675.985</b>	<b>657.816</b>	<b>657.816</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Quý 1/2026*

#### **2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không phát sinh những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 67: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất**

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
<b>1. Chỉ tiêu về vốn</b>			
Vốn điều lệ	triệu đồng	7.139.413	10.768.974
Vốn tự có	triệu đồng	13.600.279	17.744.187
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) <sup>1</sup>	%	11,73%	13,42%
<b>2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản</b>			
Tỷ lệ nợ quá hạn <sup>2</sup>	%	2,42%	2,38%
Tỷ lệ nợ xấu <sup>2</sup>	%	1,86%	1,76%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,66%	53,79%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,63%	96,48%
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản</b>			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	14,47%	15,22%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn <sup>3</sup>	%	18,24%	18,54%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	64,29%	57,81%
<b>4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,51%	14,49%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,75%	0,85%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,92%	1,91%

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
Hệ số ROA	%	0,60%	0,67%
Hệ số ROE	%	11,55%	11,45%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.381	1.589
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	1,29%	1,28%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	12,09%	10,48%

Nguồn: Vietbank

**Bảng 68: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ**

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
<b>1.Chỉ tiêu về vốn</b>			
Vốn điều lệ	triệu đồng	7.139.413	<b>10.768.974</b>
Vốn tự có	triệu đồng	13.600.279	17.738.939
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) <sup>1</sup>	%	11,73%	13,39%
<b>2.Chỉ tiêu về chất lượng tài sản</b>			
Tỷ lệ nợ quá hạn <sup>2</sup>	%	2,42%	2,38%
Tỷ lệ nợ xấu <sup>2</sup>	%	1,86%	1,76%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,66%	53,73%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,63%	96,48%
<b>3.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	14,47%	15,21%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn <sup>3</sup>	%	18,24%	18,54%

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	64,29%	57,81%
<b>4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,51%	14,44%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,75%	0,85%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,92%	1,90%
Hệ số ROA	%	0,60%	0,67%
Hệ số ROE	%	11,55%	11,40%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.381	1.582
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	1,23%	1,22%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	11,58%	9,98%

Nguồn: Vietbank

**Ghi chú:**

<sup>1</sup>. Chỉ tiêu Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được Vietbank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

<sup>2</sup>. Chỉ tiêu Tỷ lệ nợ quá hạn và Tỷ lệ nợ xấu được Vietbank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

<sup>3</sup>. Chỉ tiêu Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn được Vietbank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

**Về chỉ tiêu vốn:** Vốn tự có hợp nhất của Vietbank năm 2025 tăng trưởng 30,47% so với năm 2024 và đạt 17.744 tỷ đồng. Tỷ lệ an toàn vốn năm 2025 đạt 13,42%, so với mức 11,73% năm 2024 tuân thủ quy định pháp luật hiện hành: tối thiểu 8%. Năm 2025 cũng là năm Vietbank hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ từ 7.139 tỷ đồng lên 10.769 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn

chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Điều này giúp nâng lực tài chính của Ngân hàng tiếp tục được củng cố, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng tín dụng và quản trị rủi ro.

**Về chất lượng tài sản:** Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu năm 2025 có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2024. Tỷ lệ nợ xấu là 1,76%; giảm nhẹ so với năm 2024 (1,86%) và tiếp tục duy trì ở mức thấp hơn đáng kể so với ngưỡng 3% theo quy định của NHNN. Tỷ lệ Số dư cho vay và ứng trước khách hàng và các khoản cho vay TCTD/Tổng tài sản duy trì ở mức 53,79%. Tỷ lệ Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản nội bảng đạt lần lượt 97,63% và 96,48% trong năm 2024, 2025.

**Về khả năng thanh toán:** Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân năm 2025 hợp nhất đạt 15,62%, so với năm 2024 là 14,47%. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn duy trì ở mức 18%, thấp hơn ngưỡng quy định 30%.

**Về kết quả hoạt động kinh doanh:** các hệ số tỷ suất lợi nhuận hợp nhất năm 2025 về cơ bản đều ổn định và được cải thiện so với năm 2024. Cụ thể tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/VCSH bình quân và ROE năm 2025 là 14,49%, 11,45%; giảm nhẹ so với mức 14,51% và 11,55% năm 2024 do trong năm 2025, Ngân hàng hoàn thành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu vào tháng 12/2025 nên vốn chủ tăng nhanh hơn lợi nhuận do số tiền tăng vốn chưa được khai thác và sử dụng để phản ánh vào kết quả kinh doanh năm 2025. Hệ số NIM trong năm 2024 và 2025 tương đồng và quanh mức 1,91%. Ngoài ra, tỷ trọng thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập tăng từ 6,62% năm 2024 lên 7,24% năm 2025 – cho thấy nỗ lực của Vietbank trong việc đa dạng hóa các nguồn thu nhập của ngân hàng.

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

### 3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

#### 3.1. Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2024 riêng lẻ của Vietbank

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

#### 3.2. Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2024 hợp nhất của Vietbank

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.3. Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2025 riêng lẻ của Vietbank

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### 3.4. Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2025 hợp nhất của Vietbank

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

**Bảng 69: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026**

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2025
Tổng thu nhập hoạt động (Triệu đồng)	3.622.552	4.966.000	37,09%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	1.209.590	1.680.000	38,89%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động (LNST/TOI)	33,39%	33,83%	1,32%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	11,45%	>13,5%	
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	(*)15,00%	(**)10,00%	

Nguồn: Vietbank

Ghi chú:

(\*) Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của năm tài chính 2024 từ nguồn vốn chủ sở hữu và được thực hiện trong năm 2025.

(\*\*) Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/2026/NO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2026.

❖ Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Vietbank với định hướng tăng trưởng tích cực trên nền tảng củng cố năng lực vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro. Để củng cố nền tảng năng lực vốn cho các hoạt động kinh doanh và phát triển, trong năm 2026 Vietbank sẽ thực hiện nâng vốn điều lệ từ mức 10.769 tỷ đồng lên mức 15.548 tỷ đồng theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông, theo 03 đợt tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tăng tỷ lệ 10% so với mức vốn điều lệ trước khi phát hành), chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tăng 25% so với vốn điều lệ đã được tăng từ lần 1) và phát hành ESOP (dự kiến 5% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành). Với nền tảng quy mô vốn được nâng cao, Vietbank cũng đặt mục tiêu kế hoạch tổng thu nhập hoạt động năm 2026 đạt 4.966 tỷ đồng, tăng 37,09% so với năm 2025; lợi nhuận sau thuế năm 2026 đạt 1.680 tỷ đồng, tăng 38,89% so với mức 2025. Đây là mức tăng trưởng đầy thách thức nhưng có khả năng thực hiện được với mục tiêu cải thiện đồng thời cả quy mô hoạt động và hiệu quả sinh lời của Vietbank.

#### ❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên

Để đạt được mục tiêu trên, Vietbank xác định công tác chuyển đổi số, phát triển sản phẩm dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng là yếu tố then chốt để thúc đẩy tăng trưởng CASA, song song với các đột phá về sản phẩm cho khách hàng bán lẻ và doanh nghiệp theo phương châm “đúng khách hàng – đúng nhu cầu” trên cơ sở khung quản trị rủi ro linh hoạt và bền vững, mở ra các cơ hội phát triển khách hàng ở những phân khúc mới, thay vì chỉ tập trung vào các lĩnh vực truyền thống. Cụ thể:

- Thứ nhất, Vietbank tiếp tục định hướng hoạt động an toàn, bền vững và tuân thủ các chỉ tiêu an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Đây là điều kiện nền tảng để Vietbank có thể mở rộng kinh doanh nhưng vẫn kiểm soát được rủi ro, đặc biệt trong bối cảnh thị trường tài chính còn tiềm ẩn nhiều biến động.
- Thứ hai, Vietbank tập trung hoàn thiện tái cấu trúc tổ chức, mô hình kinh doanh và cơ cấu danh mục huy động, cho vay theo hướng nâng cao hiệu quả. Trọng tâm phát triển mảng bán lẻ, cải thiện hiệu suất làm việc của nhân viên và quản lý chi phí chặt chẽ nhằm hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2026.
- Thứ ba, Vietbank xác định chuyển đổi số, phát triển sản phẩm dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng là động lực quan trọng để mở rộng tệp khách hàng, cải thiện chất lượng dịch vụ và thúc đẩy tăng trưởng CASA. Nếu được triển khai hiệu quả, tăng trưởng CASA sẽ góp phần tối ưu chi phí vốn, cải thiện biên lợi nhuận và nâng cao sức cạnh tranh.
- Thứ tư, ngân hàng định hướng xây dựng và phát triển sản phẩm theo nguyên tắc “đúng khách hàng – đúng nhu cầu”, tập trung vào cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cách tiếp cận này giúp Vietbank mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng có chọn lọc, nâng cao tính phù hợp của sản phẩm với từng phân khúc khách hàng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng tín dụng, dịch vụ và thu nhập ngoài lãi một cách bền vững hơn.

- Thứ năm, Vietbank tiếp tục chú trọng kiểm soát chất lượng tài sản, xử lý và thu hồi nợ, nâng cao chất lượng vận hành và kiểm soát rủi ro. Đây là nhóm yếu tố đặc biệt quan trọng đối với khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, bởi tăng trưởng chỉ thực sự bền vững khi đi kèm với kiểm soát nợ xấu, chi phí tín dụng và chất lượng bảng cân đối.

Định hướng chung:

- ✓ Vietbank xác định việc tăng vốn điều lệ là nhiệm vụ tiên quyết nhằm nâng cao hệ số an toàn vốn (CAR), tạo dư địa cho tăng trưởng tín dụng và gia tăng năng lực chống chịu trước các biến động thị trường. Đây là nền tảng cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược dài hạn.
- ✓ Lấy chuyển đổi số làm đòn bẩy, Vietbank tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng và đa dạng hóa hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ số. Mục tiêu chiến lược là tạo bước tăng trưởng đột phá về tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn (CASA), giúp tối ưu hóa cấu trúc nguồn vốn và tiết giảm chi phí hoạt động.
- ✓ Thay vì phương thức tiếp cận truyền thống, Vietbank chuyển dịch sang mô hình thiết kế giải pháp tài chính chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp. Các sản phẩm tín dụng được xây dựng trên nguyên tắc "Đúng đối tượng - Đúng nhu cầu", đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả cho khách hàng.
- ✓ Xây dựng khung quản trị rủi ro hiện đại, linh hoạt nhưng chặt chẽ. Vietbank chủ động thay đổi khẩu vị rủi ro để thích ứng với điều kiện mới, cho phép Ngân hàng nhạy bén nắm bắt cơ hội tại các phân khúc thị trường tiềm năng và các lĩnh vực kinh tế mới bên cạnh các mảng kinh doanh truyền thống.
- Chủ động trong công tác thông tin báo cáo và truyền thông chiến lược tới Ngân hàng Nhà nước cùng các cơ quan quản lý. Vietbank cam kết thể hiện rõ vai trò tích cực và trách nhiệm trong lộ trình tái cơ cấu hệ thống, góp phần vào sự ổn định và phát triển chung của toàn ngành tài chính - ngân hàng

#### ❖ Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

- Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán BIS đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ổn định và có tiềm năng phát triển. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nói riêng. Với các kết quả số liệu tài chính mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã đạt được và trình bày trên Báo cáo tài chính được kiểm toán của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, kế hoạch kinh doanh, doanh thu/thu nhập và lợi nhuận mà Vietbank đề ra được đánh giá có khả năng cao hoàn thành.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh

giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cung cấp có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính phắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân Hàng. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng khi tự mình ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Vietbank.

## VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tính đến thời điểm hiện nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập của Ngân hàng đã hết hiệu lực.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm 29/04/2026, Vietbank không có cổ đông lớn.

### 3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

#### 3.1. Hội đồng quản trị

**Bảng 70: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Vietbank**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Dương Nhất Nguyên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập
3	Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
4	Bà Quách Tố Dung	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên HĐQT

*Nguồn: Vietbank*

#### 3.1.1. Ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Dương Nhất Nguyên**  
 Năm sinh: 1983  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
10/2008 - 08/2009	Giám đốc đầu tư - Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm

09/2009 - 10/2011	Sinh viên MBA, Devry University và Keller Graduate, San Jose, CA, USA
11/2011 - 01/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm
02/2013 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc của Vietbank
05/2016 - 05/2016	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD của Vietbank
05/2016 - 08/2017	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của Vietbank
08/2017 - 04/2021	Phó Chủ tịch HĐQT của Vietbank
04/2021 - nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 của Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tài ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 51.655.925 cổ phần, tỷ lệ 4,80% vốn điều lệ

Thông tin, số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank tại ngày 29/04/2026:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại Vietbank	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	DƯƠNG NGỌC HÒA	Cha	Không	31.254.240	2,90%
2	TRẦN THỊ LÂM	Mẹ	Không	217.953	0,02%
3	DƯƠNG BẢO ANH	Em	Không	11.678.388	1,08%
4	DƯƠNG MAI ANH	Em	Không	14.473.440	1,34%
5	DƯƠNG NHẬT KHÔI	Con	Không	31.554.140	2,93%

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Dương Nhật Nguyên tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	4.419,6
Lãi tiền gửi	59,4

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với người có liên quan của Ông Dương Nhật Nguyên tại 31/12/2025:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
--------------------	------------------------------	----------------	----------------------

Công ty CP Vi Mạch Điện tử Việt Vmicro	Tổ chức mà người liên quan (mẹ) là chủ tịch HĐQT, người khai và ba, em gái sở hữu từ 5% VDL trở lên và em gái (Dương Mai Anh) là thành viên HĐQT	Số dư tiền gửi	637,6
		Lãi tiền gửi	0,0
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Hoa Lâm	Tổ chức mà Người liên quan (em gái sở hữu 90%) sở hữu từ 5% VDL trở lên và là Chủ tịch HĐQT	Số dư tiền gửi	9,9
		Lãi tiền gửi	0,0
Công ty TNHH Đầu Tư Kỹ Thuật Gia Thịnh	Tổ chức mà Người liên quan (em gái sở hữu 40%) sở hữu từ 5% vốn điều lệ và là chủ tịch HĐQT	Số dư tiền gửi	1,6
		Lãi tiền gửi	0,0
Công ty cổ phần công nghệ Vidiva	Tổ chức mà Người liên quan ( em gái) sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	Số dư tiền gửi	208,1
		Lãi tiền gửi	0,0
Công ty TNHH Dược Phẩm Hoa Lâm	Tổ chức mà người liên quan (Mẹ ruột) sở hữu từ 5% Vốn điều lệ trở lên	Số dư tiền gửi	2.681,1
		Lãi tiền gửi	0,2
Trần Thị Lâm	Mẹ	Số dư tiền gửi	8.045,5
		Lãi tiền gửi	170,5
Dương Mai Anh	Em gái	Số dư tiền gửi	21.028,3
		Lãi tiền gửi	734,5
Dương Bảo Anh	Em gái	Số dư tiền gửi	13.148,2
		Lãi tiền gửi	369,6
Dương Chí Viễn	Em trai	Số dư tiền gửi	857,4
		Lãi tiền gửi	0,2
Dương Văn Anh	Em gái	Số dư tiền gửi	12.945,9
		Lãi tiền gửi	377,7
Dương Ngọc Chương	Bác ruột	Số dư tiền gửi	230,5
		Lãi tiền gửi	2,7
Trần Thị Phú	Bác ruột	Số dư tiền gửi	1.103,2
		Lãi tiền gửi	19,3
Trần Thị Thùy	Dì ruột	Số dư tiền gửi	0,3
		Lãi tiền gửi	0,0

Trần Thị Chung	Di ruột	Số dư tiền gửi	8.050,7
		Lãi tiền gửi	20,2
Dương Thị Dung	Cô ruột	Số dư tiền gửi	8,8
		Lãi tiền gửi	0,0

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	9.556	13.500	13.556
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:

- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 1 tỷ đồng (bao gồm 500 triệu đồng hạn mức tín dụng có tài sản bảo đảm và 500 triệu đồng hạn mức tín dụng không có tài sản bảo đảm).
- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực kiểm soát với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.1.2. Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên độc lập

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Trung**  
 Năm sinh: 1951  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
08/1975 - 01/1984	Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada
02/1984 - 08/2008	Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada
09/2008 - 01/2009	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2009 - 04/2015	Cố vấn Hội đồng Quản trị của Công ty TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long
06/2011 - 04/2013	Cố vấn tài chính, Công ty của Cơ quan phát triển quốc tế Canada

	(CIDA)
05/2016 - 06/2020	Giám đốc điều hành Khối tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG
15/10/2021 – 13/8/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại Vietbank kiêm Quyền Tổng Giám đốc tại Vietbank
26/4/2021 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và Ông Nguyễn Hữu Trung tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	13.044,2
Lãi tiền gửi	236,2

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với người có liên quan của Ông Nguyễn Hữu Trung tại 31/12/2025: Không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	2.766	4.083	8.222
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:

- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 500 triệu đồng.

- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.1.3. Bà Lương Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT**

Họ và tên: **Lương Thị Hương Giang**

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
09/1998 - 01/2016	Trưởng Phòng kế toán, Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
02/2016 - 08/2016	Trưởng đại diện của Công ty cổ phần đầu tư Kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh
09/2016 - 04/2021	Phó Giám đốc truyền thông Marketing, Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của Vietbank
04/2021 – 30/8/2023	Thành viên Hội đồng Quản trị Vietbank kiêm nhiệm Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của Vietbank.
01/9/2023 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên HĐQT Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 9.832.500 cổ phần, tỷ lệ 0,91% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và Bà Lương Thị Hương Giang tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	3.225,0
Lãi tiền gửi	1,6

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và người có liên quan của Bà Lương Thị Hương Giang tại 31/12/2025: Không có

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Nguyễn Thị Thích	Mẹ	Số dư tiền gửi	0,2
		Lãi tiền gửi	0,0
Bùi Hồng Trang	Em dâu	Số dư tiền gửi	0,00

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	848	842	849
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
  - + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: Không có
  - + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

#### 3.1.4. Bà Quách Tố Dung – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Quách Tố Dung
Năm sinh:	1957
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản lý kinh tế, tài chính;

Cử nhân Quản trị kinh doanh;

Cử nhân Chính trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
05/1975 - 05/1978	Cán bộ - Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1978 - 05/1988	Phó Chủ tịch, Chủ tịch, Bí thư Phường 4 - UBND Phường 4, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1988 - 05/1994	UV Ban thường vụ Quận Ủy Quận 11 - UBND Phường 6, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1994 - 12/1999	UV Ban thường vụ Quận Ủy, Phó Chủ tịch UBND Quận 11 – UBND 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2000 - 12/2012	Phó Giám đốc Thường trực - Sở Công Nghiệp sau là Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2013 - 03/2018	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2020 - 04/2020	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH BĐS Nguyễn Khang
04/2018 – 06/2025	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City
01/2020 – 05/2024	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Vũ Quang Dũng
01/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát
05/2020 - nay	Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ – Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH chức khác: Sỹ Phát

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại Vietbank	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
-----	-----------	-------------	------------------------------	------------------	---------------

1	CÔNG TY TNHH SỸ PHÁT	Doanh nghiệp mà bà Quách Tổ Dung là Chủ tịch HĐQT	Không có	51.650.219	4,80%
---	----------------------	---	----------	------------	-------

– Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với Bà Quách Tổ Dung tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	2.249,5
Lãi tiền gửi	26,6

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với người có liên quan của Bà Quách Tổ Dung tại 31/12/2025:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Công ty TNHH Bất động sản Hoa Phát	Doanh nghiệp mà bà Tổ Dung là thành viên góp vốn sở hữu 20% Vốn điều lệ	Số dư tiền gửi	21,2
		Lãi tiền gửi	0,0
Phan Thị Bửu	Chị chồng	Số dư tiền gửi	769,1
		Lãi tiền gửi	11,9

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	933	911	933
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

– Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:

- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 300 triệu đồng.
- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.1.5. Bà Lê Thị Xuân Lan - Thành viên HĐQT**

Họ và tên: **Lê Thị Xuân Lan**

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/1979 - 06/1983	Kế toán của Tổ sản xuất Thành Long
07/1983 - 11/1987	Chủ nhiệm Hợp tác xã Thành Long
12/1987 - 01/1996	Kế toán trưởng Công ty Đại Hồng Phát
02/1996 - 12/1999	Kế toán trưởng Công ty Đại Đông Nguyên
01/2000 - 12/2010	Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm
01/2011 - 07/2014	Quản lý tài chính Cơ sở sản xuất Dây viên Thành
08/2014 - 06/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Chợ Đũi
06/2015 - 10/2015	Thành viên Ban kiểm soát Vietbank
10/2015 - 04/2021	Trưởng Ban kiểm soát Vietbank
04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
  - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với Bà Lê Thị Xuân Lan tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	6.927,2
Lãi tiền gửi	80,3

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với người có liên quan của Bà Lê Thị Xuân Lan tại 31/12/2025:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Lê Thị Kim Thu	Em ruột	Số dư tiền gửi	545,0
		Lãi tiền gửi	3,7
Trần Bích Nga	Em dâu	Số dư tiền gửi	5.002,0
		Lãi tiền gửi	59,3
Lê Thành Long	Em ruột	Số dư tiền gửi	0,4
		Lãi tiền gửi	0,0

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	778	744	778
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 500 triệu đồng.
- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.2. Ban Kiểm soát

**Bảng 71: Danh sách thành viên Ban kiểm soát Vietbank**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Hứa Ngọc Nghĩa	Trưởng ban

2	Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên chuyên trách
3	Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên chuyên trách

Nguồn: Vietbank

### 3.2.1. Ông Hứa Ngọc Nghĩa – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Hứa Ngọc Nghĩa**

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
11/2002 - 01/2008	Nhân viên, chuyên viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
02/2008 - 11/2009	Phó Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
12/2009 - 04/2011	Phó kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
04/2011 - 06/2012	Phó kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
06/2012 - 06/2018	Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
07/2018 - 04/2020	Nghỉ việc
05/2020 – 04/2021	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
04/2021 – nay	Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với Ông Hứa Ngọc Nghĩa tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	14,8
Lãi tiền gửi	0,0

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với người có liên quan của Ông Hứa Ngọc Nghĩa tại 31/12/2025: Không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên BKS Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	770	743	930
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: Không có
- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.2.2. Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Đỗ Xuân Dung**

Năm sinh: 1987

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
2011 - 2015	Kiểm toán viên nội bộ - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
2015 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 29/04/2026): 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Người có liên quan với Vietbank với Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	24,4
Lãi tiền gửi	0,0

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Người có liên quan với Vietbank với người có liên quan của Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung tại 31/12/2025:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Đỗ Thị Hồng Phượng	Mẹ	Số dư tiền gửi	37,1
		Lãi tiền gửi	0,8
Nguyễn Đỗ Minh Quang	Em	Số dư tiền gửi	0,1
		Lãi tiền gửi	-

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên BKS Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	395	381	404
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
  - + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 500 triệu đồng
  - + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.2.3. Ông Mạc Hữu Danh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Mạc Hữu Danh**  
 Năm sinh: 1969  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
1991 - 1995	Phó phòng Đối Ngoại - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Hồ Chí Minh
1995 - 2005	Trưởng phòng Thanh toán & Chuyển ngân – Deutsche Bank, CN Hồ Chí Minh
2005 - 2006	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
2006 - 2013	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
2013 - 2017	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
2019 - 2020	Phó Ban kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
05/2020 - nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

– Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với Ông Mạc Hữu Danh tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	190,2
Lãi tiền gửi	0,0

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với người có liên quan của Ông Mạc Hữu Danh tại 31/12/2025: Không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên BKS Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	990	937	987
Tiền lương	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

– Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:

- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 200 triệu đồng
- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không

– Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có.

### 3.3. Ban Tổng Giám đốc

**Bảng 72: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc Vietbank**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Thanh Quý Ngọc	Quyền Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Linh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Trần Thị Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc

STT	Tên	Chức vụ
5	Bà Nguyễn Thị Thúy Minh	Kế toán trưởng

*Nguồn: Vietbank*

### 3.3.1. Ông Lê Thanh Quý Ngọc - Quyền Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Thanh Quý Ngọc**  
 Năm sinh: **1984**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
01/2008 – 10/2009	Chuyên viên Quan hệ tín dụng doanh nghiệp – Chi nhánh Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam tại TP.HCM
10/2009 – 10/2014	Trưởng phòng Quản lý rủi ro doanh nghiệp – Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam
10/2014 – 12/2015	Trưởng phòng thanh toán – Ngân hàng Citibank N.A. TPHCM
01/2016 – 05/2019	Giám đốc Khối Tín dụng – Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
05/2019 – 04/2021	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Phương Đông
08/2021 – 05/2022	Cố vấn Tuân thủ - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại & Công nghệ M-Pay
05/2022 – 08/2024	Giám đốc Khối Thị trường Tiền tệ & Giám đốc Khối Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Phương Đông
08/2024 – 06/2025	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
06/2025 – 02/2026	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
02/2026 - nay	Quyền Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Quyền Tổng giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
  - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Lê Thanh Quý Ngọc tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	377,5
Lãi tiền gửi	0,0

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với người có liên quan của Ông Lê Thanh Quý Ngọc tại 31/12/2025: Không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao (triệu đồng)	0	0	0
Tiền lương	0	0	2.262
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
  - + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 200 triệu đồng
  - + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có.

### 3.3.2. Ông Phạm Linh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Phạm Linh**  
 Năm sinh: 1974  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 01/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 06/2014 – 01/2025	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 03/2011- 05/2014	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Đông
Từ 12/2008 – 02/2011	Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam
Từ 08/2007 – 12/2008	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam
Từ 03/2003 – 07/2007	Giám đốc kinh doanh – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
Từ 03/1996 - 02/2003	Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng United Overseas Bank (Việt Nam)

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có  
những người có liên quan đồng thời là  
cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với ông Phạm Linh tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	25,9
Lãi tiền gửi	0,0

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và người có liên quan Ông Phạm Linh tại 31/12/2025:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Lê Thị Kim Loan	Vợ	Số dư tiền gửi	3,0
		Lãi tiền gửi	0,0

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương (triệu đồng)	0	0	7.955
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
  - + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 300 triệu đồng
  - + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.3.3. Ông Phạm Danh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Phạm Danh**  
 Năm sinh: 1980  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, tiền tệ, tín dụng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 11/2017 - nay:	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Từ 11/2016 - 11/2017:	Giám đốc CN Sài Gòn – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Từ 02/2013 -11/2016:	Phó Giám đốc CN TP.HCM kiêm Giám đốc PGD Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Từ 09/2009 - 01/2013:	Giám đốc Phòng giao dịch Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Từ 03/2009 - 08/2009:	Trưởng phòng Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
Từ 03/2007 - 02/2009:	Phó giám đốc CN Sài Gòn – Pacific Bank
Từ 03/2003 - 02/2007:	Cán bộ tín dụng – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 26.371 cổ phần, tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 26.371 cổ phần, tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có  
những người có liên quan đồng thời là  
cổ đông, người nội bộ của Vietbank;

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Phạm Danh tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	267,7
Lãi tiền gửi	0,0

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với người có liên quan của Ông Phạm Danh tại 31/12/2025:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Công ty TNHH ITV First Family	Tổ chức mà Người liên quan (vợ) sở hữu 100% VDL và vợ là Giám đốc	Số dư tiền gửi	431,5
		Lãi tiền gửi	1,0
Quách Phương Thanh	Vợ	Số dư tiền gửi	156,8
		Lãi tiền gửi	2,5
Phạm Tấnh	Anh trai	Số dư tiền gửi	151,3
		Lãi tiền gửi	0,3

Phạm Thị Lệ	Chị gái	Số dư tiền gửi	250,0
		Lãi tiền gửi	4,8

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương (triệu đồng)	2.549	2.367	2.833
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
  - + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 300 triệu đồng
  - + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

#### 3.3.4. Bà Trần Thị Ngọc Lý – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Trần Thị Ngọc Lý**

Năm sinh: **1971**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ văn hóa: **12/12**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kinh tế**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 02/2026 - đến nay:	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 01/2026 - 02/2026:	Giám đốc Khối Nhân sự, Vietbank
Từ 03/2025 - 12/2025:	Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực, Vietbank
Từ 05/2024 - 02/2025:	Giám đốc Phòng Wealth Management - ShinhanBank Việt Nam
Từ 02/2020 - 04/2024:	Giám đốc Nhân sự Khối SmartCredit - ShinhanBank Việt Nam
Từ 01/2018 - 01/2020:	Trưởng Phòng HCNS Khối Khách hàng Đại chúng - OCB
Từ 10/2015 - 12/2017:	Phó GD Khối Nhân sự - HDBank

Từ 01/2013 - 01/2015:	Trưởng ban Tổ chức nhân sự - MHB
Từ 01/2006 - 12/2012:	Phó Ban, Trưởng Ban QL CN & PTML - MHB
Từ 01/1998 - 12/2005:	Kiểm toán viên, Kiểm soát trước quỹ, Phó Phòng KT, GD PGD, GD Chi nhánh - MHB

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank tại ngày 29/04/2026

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại Vietbank	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Chồng	Không	10.000	0,00%

– Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Bà Trần Thị Ngọc Lý (tháng 3/2026):

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	161,6
Lãi tiền gửi	0,2

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với người có liên quan của Bà Trần Thị Ngọc Lý:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Nguyễn Văn Trường	Chồng	Số dư tiền gửi	7.000,4
		Lãi tiền gửi	153,3
Trần Ngọc Đạt	Anh ruột	Số dư tiền gửi	65,2
		Lãi tiền gửi	3,4

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương (triệu đồng)	0	0	0
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 13/03/2026 (do Bà Trần Thị Ngọc Lý được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc từ tháng 02/2026):
- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 13/03/2026: 300 triệu đồng
- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Dư nợ vay: Không có
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.3.5. Bà Nguyễn Thị Thủy Minh - Kế Toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thủy Minh**

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 01/2026 - nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Phòng Kế toán tổng hợp – Khối tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Từ 28/6/2025 – 01/2026:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán – Khối tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Từ 03/6/2025 – 27/6/2025:	Trưởng Phòng Kế toán – Khối tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Từ 06/2020 – 04/2025:	Trưởng Ban Kiểm soát - OCB
Từ 10/2002 – 05/2019:	Công tác tại OCB, các vị trí: + 09/2014 – 05/2019: Kế toán trưởng – Hội sở

	+ 06/2012 – 09/2014: Trưởng Phòng Kế toán – Hội sở + 07/2008 – 06/2012: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Hội sở + 12/2007 – 06/2008: Phó Phòng Kế toán Hội sở - Hội sở + 09/2007 – 12/2007: Chuyên viên Kế toán - Hội sở + 07/2006 – 09/2007: Kiểm soát viên - Hội sở + 08/2005 – 06/2006: Trưởng Phòng Kế toán – Chi nhánh Khánh Hòa + 10/2004 – 07/2005: Trưởng Phòng Kế toán – Chi nhánh Bạc Liêu + 10/2003 – 09/2004: Phó Phòng Kế toán – Chi nhánh Tây Đô + 10/2002 – 09/2003: Nhân viên Tín dụng, Nhân viên Kế toán - Hội sở
--	---

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Kế toán trưởng

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ Vietbank (tại ngày 29/04/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có  
những người có liên quan đồng thời là  
cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

– Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Bà Nguyễn Thị Thúy Minh tại 31/12/2025:

Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Số dư tiền gửi	28,9
Lãi tiền gửi	0

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Thúy Minh tại 31/12/2025:

Người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị (triệu đồng)
Lê Bảo Toàn	Chồng	Số dư tiền gửi	0,7
		Lãi tiền gửi	0,0
		Số dư tiền vay (ngoại trừ dư nợ thẻ tín dụng)	766,6

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2023 đến năm 2025 của Kế toán trưởng Vietbank như sau:

	2023	2024	2025
Thù lao	0	0	0
Tiền lương (triệu đồng)	0	0	867
Các lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Vietbank tại 31/12/2025:
- + Các khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng cấp cho thẻ tín dụng với Ngân hàng tại 31/12/2025: 500 triệu đồng
- + Các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng: Không
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

## VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### 1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. Mã cổ phiếu

VBB

### 4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 1.076.897.384 cổ phiếu

### 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Căn cứ Quy định tại Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”

**Bảng 73: Danh sách cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng**

STT	Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian đảm nhiệm chức vụ
1	DƯƠNG NHẬT NGUYỄN	Chủ tịch HĐQT	51.655.925	51.655.925
2	LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	Thành viên HĐQT	9.832.500	9.832.500

Căn cứ Quy định tại Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: “Cổ đông cá nhân, tổ chức đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát (kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các

đôi tượng nêu trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Theo đó, Danh sách người nội bộ của Vietbank bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

**Bảng 74: Danh sách cổ đông là người nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Chứng khoán**

STT	Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng		
				Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên	Trong thời gian 1 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên	Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ
1	DƯƠNG NHẬT NGUYỄN	Chủ tịch HĐQT	51.655.925	51.655.925	51.655.925	51.655.925
2	LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	Thành viên HĐQT	9.832.500	9.832.500	9.832.500	9.832.500
3	PHẠM DANH	Phó TGD	26.371	26.371	13.185	0
4	LÊ THỊ TUYẾT CHINH	Người phụ trách quản trị công ty kiêm Chánh VP HĐQT kiêm Thư ký HĐQT	106.682	106.682	53.341	0

## 6. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến tham chiếu của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Vietbank theo một số phương pháp sau đây:

- Phương pháp Giá trị sổ sách;
- Phương pháp hệ số so sánh P/B và P/E;
- Phương pháp giá thị trường: Bình quân giá tham chiếu trong 30 phiên giao dịch cuối cùng của cổ phiếu Vietbank trên sàn giao dịch UPCOM.

### 6.1. Phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Vietbank được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị 1 Cổ phần} = \frac{\text{Giá trị TS ròng hợp nhất (trừ TSCĐ vô hình ngoại trừ QSD đất) – Giá trị CP ưu đãi – Lợi ích CD không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank, giá trị 01 cổ phiếu của Vietbank như sau:

	Tại 31/12/2025
Tổng tài sản (triệu đồng)	196.771.033
Giá trị TSCĐ vô hình (trừ giá trị QSD đất)	78.540
Tổng nợ phải trả (triệu đồng)	184.339.466
<b>Giá trị tài sản ròng hợp nhất (triệu đồng)</b>	<b>12.353.027</b>
Giá trị cổ phiếu ưu đãi	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (triệu đồng)	-
<b>Giá trị tài sản ròng của Vietbank (triệu đồng)</b>	<b>12.353.027</b>
Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	1.076.897.384
<b>Giá trị 01 cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b>11.471</b>

### 6.2. Phương pháp hệ số so sánh P/B và P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Vietbank được tính theo công thức:

$$P = \text{BVPS} * \text{P/B bình quân}$$

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B và P/E)
- BVPS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- EPS: thu nhập trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân, P/E bình quân: là được tham chiếu từ các doanh nghiệp cùng ngành mà Vietbank có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Bảng 75: Giá trị P/B và P/E của một số Ngân hàng có quy mô tương đương với Vietbank**

STT	Mã chứng khoán	Tên công ty	Giá đóng cửa tại 20/3/2026	BVPS tại 31/12/2025	EPS tại 31/12/2025	P/E 2025	P/B 2025
1	BVB	Ngân hàng TMCP Bán Việt	11.700	11.332	650	17,99	1,03
2	KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	12.900	14.285	3.188	4,05	0,90
3	BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	11.200	13.225	1.186	9,45	0,85
4	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)	9.900	12.378	1.595	6,21	0,80
<b>Bình quân</b>						<b>9,42</b>	<b>1,00</b>

*Nguồn: tính toán từ BCTC năm 2025 của các ngân hàng*

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Vietbank, giá trị của cổ phiếu VBB khi tính theo phương pháp hệ số so sánh P/B và P/E như sau:

Diễn giải		Đơn vị	Giá trị
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)	(1)	Đồng/cổ phiếu	11.471

P/B trung bình đại diện ngành	(2)		1,00
<b>Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số so sánh P/B</b>	<b>(3) = (1) x (2)</b>	<b>Đồng/cổ phiếu</b>	<b>11.471</b>
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	(4)	Đồng/cổ phiếu	1.123
P/E trung bình đại diện ngành	(5)		9,42
<b>Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số so sánh P/E</b>	<b>(6) = (4) x (5)</b>	<b>Đồng/cổ phiếu</b>	<b>10.584</b>

### 6.3. Phương pháp giá trị thị trường

Phương pháp bình quân giá thị trường là phương pháp xác định giá cổ phiếu VBB theo thực tế giao dịch của cổ phiếu VBB trên thị trường UPCOM.

Cổ phiếu VBB hiện đang giao dịch tại Sàn UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Phương pháp tính giá tham chiếu của cổ phiếu VBB trong ngày niêm yết đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) được dự kiến là bình quân giá tham chiếu 30 phiên giao dịch cuối cùng liên tiếp gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Hội đồng quản trị của Vietbank đã ban hành Nghị quyết số 56/2026/NQ-HĐQT ngày 26/03/2026 về việc lựa chọn phương pháp tính giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Vietbank. Theo đó, phương pháp xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VBB tại HOSE là “Phương pháp giá thị trường: Bình quân giá tham chiếu trong 30 phiên giao dịch cuối cùng liên tiếp gần nhất của cổ phiếu Vietbank trước khi hủy đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội”.

Sau khi được Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp quyết định niêm yết và VBB hủy đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, Vietbank sẽ tính toán giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VBB và báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và công bố thông tin theo quy định.

Mức giá bình quân giá tham chiếu trong 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất trên sàn Upcom của cổ phiếu VBB tính đến ngày 22/05/2026 là:	13,230 đồng/CP
---	----------------

### 7. Các loại thuế có liên quan

### 7.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 14/06/2025, có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025, Vietbank đang thực hiện áp dụng mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

### 7.2. Thuế giá trị gia tăng

Vietbank thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp và quản lý thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024, có hiệu lực từ 01/07/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

### 7.3. Thuế chuyển nhượng chứng khoán, nhận cổ tức

#### ❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

– Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- + Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Khoản 2, Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (đã được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).

– Thu nhập từ cổ tức:

- + Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ), thu nhập của cá nhân từ cổ tức và đầu tư vốn cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhận với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 11 Thông tư 111/2013/TT-BTC

#### ❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

Căn cứ theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 có hiệu lực từ ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước:
    - + Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán/ quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, đầu tư vốn là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
  - Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, trong đó:
    - + Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú;
    - + Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam
    - + Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam
- Phải nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam, thuế suất áp dụng đối với chuyển nhượng chứng khoán là 0,1%

#### 7.4. Các loại thuế, phí khác

Thuế nhà đất, phí, lệ phí... của Vietbank thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

**VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT****1. Các đối tác liên quan tới việc đăng ký niêm yết****Tổ chức tư vấn****Công ty cổ phần Chứng khoán BIS**

Địa chỉ: Tầng 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 255 809

Website: <https://www.bisc.vn/vi>

**Tổ chức kiểm toán**

**Báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 được kiểm toán bởi:**

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2 Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax : (028) 3824 5250

Website: <https://www.ey.com/>

**2. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn Đăng ký niêm yết**

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã thực hiện tham gia lập Bản Cáo Bạch này cùng với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trên cơ sở số liệu, thông tin, hình ảnh, thống kê... trong phạm vi tài liệu này được cung cấp bởi chính Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Bản cáo bạch này chỉ có giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về Vietbank, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Các thông tin dữ liệu được trình bày trong phạm vi Bản Cáo Bạch này mang tính chất thời điểm tại thời điểm Bản Cáo Bạch được lập.

**3. Ý kiến của các chuyên gia về việc đăng ký niêm yết**

Không có.

**IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

- X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

*Cần Thơ, ngày 22... tháng 02, năm 2026*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**  
**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN**  
**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN HỮU TRUNG**

**QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Lê Thanh Quý Ngọc**

**Nguyễn Thị Thúy Minh**

Thành phố Hồ Chí Minh,, ngày 5 tháng 5 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIS**



*Trần Đình Khánh*  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**XI. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại
  - i). Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Vietbank.
  - ii). Quyết định số 1949/QĐ-QLGS5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/8/2025 về việc sửa đổi nội dung về địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank.
  - iii). Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank.
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty.
3. Phụ lục III: Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ 2025, Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ 2026
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2024.
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2025.
6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính Quý 1/2026 riêng lẻ và hợp nhất
7. Phụ lục VII: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.
8. Phụ lục VIII: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.



TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 05 năm 2026

## GIẤY ỦY QUYỀN

Chúng tôi gồm:

**Bên ủy quyền:** Ông **DƯƠNG NHẤT NGUYỄN**

- Số CCCD: 05108300999 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH Ngày cấp: 24/04/2022
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank).

**Bên được ủy quyền:** Ông **NGUYỄN HỮU TRUNG**

- Số CCCD: 001051007816 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH Ngày cấp: 10/07/2021
- Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

### **I. Nội dung ủy quyền:**

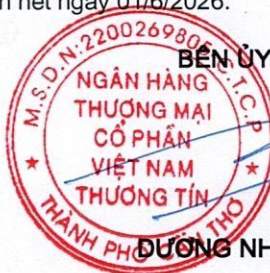
1. Bên được ủy quyền được thực hiện toàn bộ các **quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Vietbank** bao gồm nhưng không giới hạn các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động của Vietbank (với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đối tác, khách hàng, người lao động, cổ đông, nhà đầu tư,...); đại diện cho Vietbank với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người được thi hành án trước Trọng tài, Tòa án, Thi hành án; và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Bên được ủy quyền được quyền thay mặt cho Bên ủy quyền giải quyết tất cả các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:
  - a. Làm chủ tọa, triệu tập cuộc họp, có ý kiến phát biểu, biểu quyết các vấn đề tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đối với Hội đồng quản trị trừ các nội dung thành viên HĐQT không được ủy quyền theo quy định.
  - b. Ký các văn bản liên quan đến cổ phần của cổ đông Vietbank, bao gồm việc ký tên trên Chứng chỉ cổ phiếu Vietbank.
  - c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định, văn bản của Hội đồng quản trị.
3. Trong phạm vi ủy quyền, Bên được ủy quyền chịu trách nhiệm thực hiện nội dung ủy quyền theo quy định tại Điều lệ của Vietbank và quy định pháp luật; được sử dụng con dấu Vietbank (Hội sở) trên các văn bản, chứng chỉ, tài liệu đã ký nêu trên.
4. Bên được ủy quyền không được phép ủy quyền lại khi chưa có sự đồng ý của Bên ủy quyền.

**II. Thời hạn ủy quyền.**

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 15/5/2026 đến hết ngày 01/6/2026.

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

  
**NGUYỄN HỮU TRUNG**



**BÊN ỦY QUYỀN**

  
**DƯƠNG NHẤT NGUYÊN**